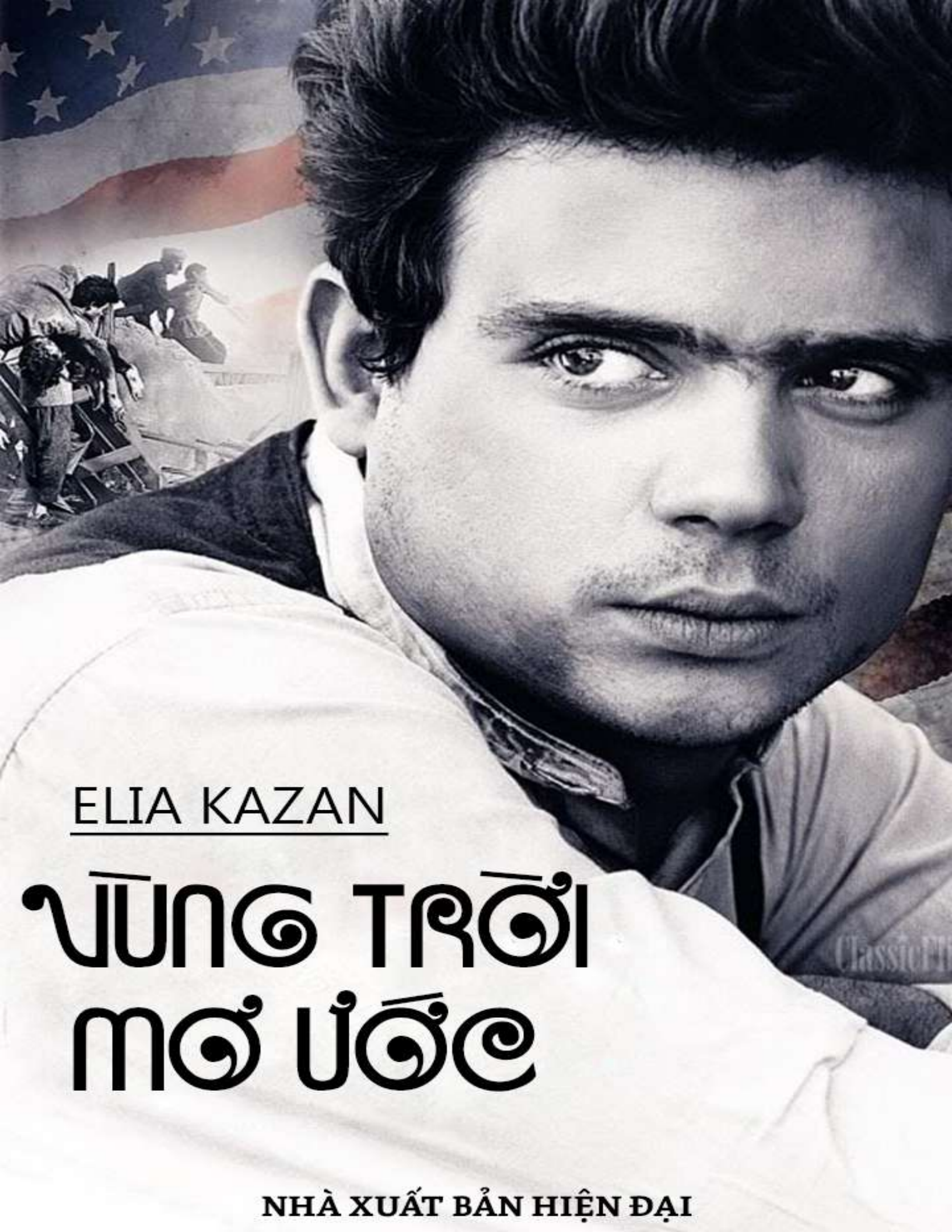




ELIA KAZAN

VIỆT TRẠI MỎ PỎI

NHÀ XUẤT BẢN HIỆN ĐẠI

ELIA KAZAN

VƯƠNG TRỜI MƠ ƯỚC

Nguyên tác: America America (1964)

Nguyễn Hữu Đông *dịch*



NHÀ XUẤT BẢN HIỆN ĐẠI
NĂM 1973

TÁC GIẢ



Elia Kazan (1909-2003)

Elia Kazan nguyên là Elia Kazanjoglous, người Hy Lạp, sinh năm 1909 tại Istanbul Thổ Nhĩ Kỳ (Turquise) cùng cha mẹ di dân sang Hoa Kỳ năm 1913 theo học và tốt nghiệp ở Hoa Kỳ.

Ông khởi đầu sự nghiệp năm 1932; đóng những vai không quan trọng trong các vở kịch và nhạc kịch, rồi đến năm 1940, trở thành tài tử điện ảnh, và đến năm 1943 nổi danh trong vai chính của cuốn phim *The Skin Of Our Teeth*. Từ đó ông từ giã nghiệp diễn viên, để viết truyện phim, làm đạo diễn và viết văn.

Sau sự thành công rực rỡ của cuốn phim *The Skin Of Our Teeth* do chính ông đạo diễn kiêm diễn viên chính, ông lần lượt đạo diễn các cuốn phim sau đây:

- A Streetcar Named Desire 1951
- Death of a Salesman 1954
- East of Eden 1955
- Man on a Tightrope 1953
- On the Waterfront 1954
- Baby Doll 1956
- A Face in the Crowd 1957
- Tea and Sympathy 1957
- JB 1959 v.v..

Hai cuốn phim của ông được giải thưởng điện ảnh của Hàn Lâm Viện Điện Ảnh Hoa Kỳ, là các cuốn Agreemenh và On the Waterfron.

Sau khi đã thành một cao thủ điện ảnh Hoa Kỳ trong thập niên 50. Được giới điện ảnh đặt cho những biệt danh thân yêu và tỏ ý thần phục: Big Daddy, Baby Doll, Gadge, Pasha, ông nhảy vào địa hạt văn chương năm 1961 với cuốn America America được quay thành phim, do chính ông đạo diễn và trở thành một cuốn sách bán chạy nhất liên tiếp nhiều năm.

Tác phẩm văn chương thứ hai của ông cũng là tác phẩm bán chạy nhất và cũng được quay thành phim do chính ông đạo diễn là cuốn The Arrangement. Tác phẩm thứ ba của ông là cuốn The Assassins. Xuất bản cuối năm 1972, đang thành cuốn sách được mệnh danh là tác phẩm văn chương gây nhiều sôi nổi nhất hiện nay ở Mỹ.

Cả ba tác phẩm văn chương của Elia Kazan đều được dịch sang Việt Ngữ, với các tựa đề:

- Vùng Trời Mơ Ước (America America)
- Trở Lại Thiên Đường (Arrangement)
- Những Kẻ Sát Nhân (The Assassin)

Người dịch: Nguyễn Hữu Đông

Giới phê bình văn chương Tây Phương đã phải thêm một phen kinh ngạc vì ba tác phẩm văn chương của Elia Kazan, mỗi cuốn đặt thành một vấn đề đặc biệt của xã hội: vấn đề dân di cư thiếu số ở Mỹ, vấn đề mất tin tưởng và lý tưởng trong xã hội Hoa Kỳ, và cuối cùng gần gũi nhất là vấn đề để xung đột giữa thế hệ trẻ và già.

Tự thuật của ông, Elia Kazan: Một Đời Người, được xuất bản năm 1988.
Kazan qua đời tại nhà riêng ở Manhattan ngày 28/09/2003 thọ 94 tuổi.

★★★

MỞ ĐẦU

THỔ NHĨ KỲ TẠI Á CHÂU VÙNG ĐẤT MANG TÊN ANATOLIA

Từ rất xa, người ta có thể nhìn thấy ngọn núi Aergius hiện ra thật đẹp, thật cân đối, với đỉnh núi và những sườn núi phủ tuyết. Người ta có thể nghe được tiếng hát của hai người đàn ông, bằng một ngôn ngữ lạ.

Trên một sườn cao khuất nắng có một cánh đồng nước đá. Một chiếc xe và một con ngựa già đứng bên cánh đồng nước đá đỏ. Hai người đàn ông đang xẻ nước đá thành từng mảnh vừa sức mang đi.

Công việc nặng nhọc, nhưng hai người còn trẻ và khỏe mạnh. Họ làm việc hăng hái vì họ làm việc cho họ. Giọng hát của họ, mặc dầu không được huấn luyện, nghe rất hòa hợp thích thú. Đó là dấu hiệu thân kết giữa một đôi bạn thiết.

Stavros Topouzoglou là một thanh niên hai mươi tuổi. Nét mặt của chàng có một cái gì vừa dịu dàng vừa say sưa. Trên nét mặt đó ẩn chứa đầy những khao khát không nói lên được. Cặp mắt màu nâu của chàng long lanh như những trái ô liu ướt nước.

Làm việc cạnh chàng là Vartan Dama-dian. Anh ta hai mươi tám tuổi. Khuôn mặt của anh có những nét hoang dại, phong trần. Một chiếc mũi thật to, cong lại với một vẻ đa nghi, vùng trán thấp, mái tóc rậm tràn đầy sức sống, cặp môi thèm khát. Những nét đó và vóc dáng nặng nề như gấu rừng tạo cho anh một hình ảnh đáng nể.

Hai chàng thanh niên chỉ là hai bóng dáng bé nhỏ trên cánh đồng nước đỏ. Sau lưng họ là một phong cảnh hùng vĩ. Người ta nghe được tiếng gió âm u ngự trị vùng cao nguyên này.

Xưa kia, Anatolia là một quận huyện thuộc đế quốc Byzantine, với hai sắc dân Hy Lạp và Armenia chung sống. Vào năm 1381, miền đất này bị quân Thổ đánh chiếm, và từ đó hai sắc dân Hy Lạp và Armenia sống như những sắc dân thiểu số dưới quyền thống trị của quân xâm lăng Hồi Giáo.

Nổi bật về phía trước, một sợi giây điện tín móc trên những chiếc cột, thô sơ càng lùi xa càng nhỏ dần, làm tăng thêm vẻ mênh mông.

Phía xa, là ngọn núi Aergius. Gần đó là một số ngôi nhà nằm một phần dọc theo hai sườn dốc đối diện nhau, một phần dưới trũng hẹp giữa hai sườn dốc đó. Thị trấn mang tên Germer. Người ta có thể nhận ra một hay hai tháp chuông.

Hôm nay là một ngày lễ lớn của Hồi Giáo, gọi là lễ Bayram. Vào ngày này tất cả những người Thổ dư dả đều làm thịt một con cừu và bố thí một phần cho người nghèo. Một đàn cừu đang được lừa qua đường phố hẹp. Người chăn cừu dừng lại để bán một con cừu cho một chủ nhà. Theo sau ông cả gia đình ông bận những quần áo ngày lễ đẹp nhất của họ. Rượu vừa được rót ra.

Một con cừu hoảng sợ kêu lên. Nó đã biết số phận của nó. Trong lúc những cốc rượu chuyển khắp những người trong gia đình, thì người cha đang liếc lại con dao phay. Trông người ta có vẻ thành thạo với con dao này lắm, để mổ thịt, cũng như để sử dụng như một khí giới.

Cả gia đình có mặt tại đây. Những người đàn bà đứng trước ngưỡng cửa, mặt được phủ kín một phần. Tất cả gia đình nhìn người cha mổ thịt con vật vừa bị giết. Một bé gái nhỏ mang đến cho người cha một cốc rượu trên một chiếc khay nhỏ. Ông ta cầm cốc rượu rồi hôn con gái yêu của ông ta một cách say sưa.

Một vài người ăn mặc sang trọng cưỡi ngựa đi qua. Những người đàn bà kéo các đứa trẻ tránh ra. Phía sau những kỵ mã là một đôi ngựa kéo theo một chiếc xe. Mã phu hét lớn điều khiển đôi ngựa. Cặp ngựa quẹo theo góc đường, kéo chiếc xe theo. Đến trước thị sảnh, các chức sắc dừng lại, người cưỡi ngựa, người đi xe, vài người đi bộ, tất cả đều phục sức cho ngày đại lễ. Bầu không khí có một vẻ gì đầy đe dọa.

Trong tòa Thị Sàng, quan tổng trấn cai trị toàn tỉnh đã triệu tập hội đồng tỉnh họp khẩn.

Cánh cửa văn phòng quan tổng trấn mở ra. Hai binh sĩ cao lớn đi ra, dậm chân theo kiểu được các sĩ quan Đức huấn luyện (quân đội Thổ được các nhà quân sự Đức huấn luyện). Họ chuẩn bị đón rước một nhân vật quan trọng. Nhưng từ trong cửa, một người có dáng thư lại nhỏ bé bước ra: Quan tổng trấn.

Tất cả hội đồng đứng vội lên. Quan Tổng Trấn bước vào bàn dành riêng của ông. Giọng quan Tổng Trấn có vẻ cau có: “Mời ngồi...”

Cả hội đồng ngồi xuống. Binh sĩ đứng thế nghiêm. Quan Tổng Trấn cầu nhàu: ‘Đâu rồi...’

Một thư ký nhảy dựng lên, tưởng chừng mạng sống của hắn tùy thuộc vào việc làm này và nhanh nhẩu mang đôi kiếng lại cho quan.

Quan Tổng Trấn mở một bức điện ra: “Bức điện tin này vừa từ Kinh Đô gửi đến một giờ trước đây. Và ông đọc: “Gửi Ngài Tổng Trấn. Ngày hôm nay, trước lễ Bayram của chúng ta, bọn Armenia đã cả gan đốt hủy Ngân Hàng Quốc Gia Thổ Nhĩ Kỳ ở Constan-tinople.”

Quan Tổng Trấn ngẩng nhìn. Trong đám cử tọa, có một vài phản ứng, nhưng không rõ ràng lắm. Tức giận? Bực bội? Vài người chỉ thở dài.

Quan Tổng Trấn đọc tiếp bức điện: “Hoàng đế của chúng ta, Đức Abdulhammid Uy Quyền, Hình Ảnh của Thượng Đế trên trần giao nghĩ rằng bọn tiện dân Armenia cần được trừng trị một lần đích đáng để chúng hiểu rằng mọi hành động phá hoại không thể tha thứ được. Đức Hoàng Đế của chúng ta nhẫn nại như Đấng Tiên Tri, nhưng Ngài đã bày tỏ dấu hiệu là Ngài sẽ hài lòng nếu sự trừng phạt này được thi hành đích đáng để cho bọn dân thiểu số hỗn xược và nguy hiểm kia không bao giờ tái phạm được nữa. Phương pháp thi hành hoàn toàn giao cho các vị Tổng Trấn các tỉnh, và Tư lệnh quân đội tại mỗi Thủ Phủ.”

Sau lưng quan Tổng Trấn, các binh sĩ lắng nghe.

Trong văn phòng Tư Lệnh Quân Đội, quan Đô Thống, một người đàn ông da sạm nắng, cao lớn cũng vừa đọc hết một điện tín tương tự cho bộ tham mưu của ông nghe. Một lính hầu bưng lên một ống điếu. Quan Đô

Thống đặt bức điện xuống mặt bàn, thở dài. Không một nhà quân sự nào thích nhận một mệnh lệnh kiểu này cả.

Quan Đô Thống đột ngột hét lên: “Tôi không thể sai quân đội đi làm một hành động như vậy được!”

Một sĩ quan lên tiếng: “Thưa Ngài, lại vừa xuất hiện những khẩu hiệu ma li...trên tường Đền Thờ...”

Một đám đông tụ tập trước một Đền thờ nhỏ. Trên tường, người ta có thể thấy vài nét chữ ngòeng nghèo. Một thầy cả bước ra, cầm theo sơn và chổi để xóa những dòng chữ. Đám đông xầm xì nguyên rủa. Khắp nơi trong thành phố, những đám người giận dữ tụ tập lại, Tất cả những người Thổ đều tức giận.

Trở lại sườn núi vắng, lạnh của ngọn Aergius, chúng ta thấy hai thanh niên Stavros và Vartan đã chất đầy nước đá lên xe ngựa, và bây giờ mệt nhọc, họ đứng yên một lúc nhìn lên đỉnh núi. Ngắm ngọn núi Aergius làm cho tâm hồn cảm thấy thư thái.

Stavros nói: “Anh nói bên Mỹ có những ngọn núi lớn hơn núi này?”.

Vartan: “Bên Mỹ cái gì cũng lớn hơn cả.”

Stavros: “Còn cái gì nữa?”

Vartan: “Cái gì nữa là...cái gì?”

Stavros: “Còn cái gì nữa ở bên Mỹ? Chúng ta còn làm gì nữa khi sang bên Mỹ?”.

Vartan: “Chúng ta thôi nói đến chuyện này, vì một lý do: chúng tôi hãy đi đến đó, với sự giúp đỡ của Chúa. Tại sao chúng tôi phải để cho ngày tháng trôi qua”. Rồi với giọng nói ngọt ngào: “Mày nên đi. Mày phải đi.”

Stavros nhìn anh ta với ánh mắt tôn thờ một thần tượng tuyệt đối. Chàng thực tình tôn thờ gã thanh niên này.

Rồi đột ngột Vartan nói: “Chúng ta nên đem bàn thờ nước đá này trước khi nó tan hết.”

Họ phủ lên đồng nước đá trên xe ngựa bằng những mảnh vải rách, những chiếc bao bố cũ, rồi nhảy lên xe và thúc ngựa chạy. Nhờ đường xuống dốc, con ngựa nhảy nước kiệu. Stavros nhìn thấy cái gì đang trước, đưa tay chỉ. Trên sườn núi dưới kia, một toán lính đang vây quanh

một đống lửa. Một sĩ quan bước ra giữa đường chặn chiếc xe lại. Vartan nhìn quanh tìm một lối tránh. Không có một lối tránh nào cả. Vartan: “Tiêu tan còn khó một ngày!”

Stavros nói khẽ: “Lạy Chúa” Đó là câu đầu môi quen thuộc của chàng.

Sĩ quan kia bây giờ đã đứng giữa đường, đưa tay ra hiệu cho chiếc xe dừng lại, và chiếc xe đã dừng lại. Vị sĩ quan đi quanh chiếc xe.

Vartan cúi đầu: “Mời Ngài cứ tự nhiên mời Ngài cứ thật tự nhiên cho.”

Câu nói ngu một chút châm biếm. Vartan muốn thử xem anh có thể nói ra điều anh nghĩ trong đầu đến một mức nào không nguy hiểm đến sinh mạng của anh. Anh không thể nói gì được nhiều, nhưng cái trò chơi đó cũng làm bảo tồn được chút tự trọng.

Vị sĩ quan đứng sau chiếc xe, không biết hoặc không thèm để ý đến sự hỗn xược đó. Ông ta quay về phía toàn lính hét lớn: Chela!

Một tên hỏa dầu vự từ trong chiếc lều dùng làm bếp chạy ra, mang theo một lô soong chảo bằng đồng. Chỉ vài giây đồng hồ, đã có khoảng một tá lính đang tự nhiên lấy nước đá trên xe xuống.

Vartan vẫn ngồi cúi đầu trên xe, coi như không quan tâm gì đến việc xảy ra trong chiếc xe sau lưng anh ta. Stavros nhìn người anh hùng của chàng một cách lo lắng. Rồi chàng quyết định bắt chước trò chơi của Var-tan, húc khuỷu tay như định nói: “Coi đây nghe”.

Stavros quay lại, nhìn vị sĩ quan: “Thưa Ngài.”

Vartan nhìn xuống lưng ngựa, chờ câu chuyện diễn tiến. Stavros bạo hơn đôi chút, lặp lại: “Thưa Ngài”.

Cuối cùng vị sĩ quan nhìn lên chàng. Stavros vội vàng lùi vào sau một nụ cười. Nụ cười đó là điểm đặc biệt nhất của chàng thanh niên này, ngầm chứa sự lo lắng. Đây là phương sách duy nhất của một người dân thiểu số - dù là da đen, Do Thái, hay da vàng mỗi khi hấn đối diện với kẻ thống trị hấn, để che đậy sự uất hận mà hấn không dám để lộ, đồng thời cũng để dần xuống sự nhục nhã găm nhấm tâm hồn hấn mỗi khi hấn xúc phạm đến những tình cảm chân thành của hấn.

Stavros nói: “Thưa Ngài, mời Ngài cứ tự nhiên cho”.

Vartan bầu nhậu trong miệng chỉ đủ Stav-ros nghe được: “Còn chờ mày khuyến khích nữa”.

Stavros nói giọng nịnh bợ những hỗn xược, lại nói với vị sĩ quan: “Nhưng thưa ngài...”

Viên sĩ quan: “Mày muốn gì?”

Stavros: “Thưa Ngài, con không dám nói gì, nhưng bản chất của nước đá là vậy. Thưa ngài, bản chất của nó là chảy tan. Nó không chịu suy nghĩ giùm là chúng con cần phải đi từ đây ra đến chợ để bán được nó.”

Stavros cười gượng gạo. Viên sĩ quan là một người khỏe mạnh và nóng tính. Hắn rất dễ nổi giận, và cũng rất dễ trở thành nguy hiểm một khi bị chọc giận.

Viên sĩ quan: “Nói trắng ra, mày muốn tao phải gấp lên?”

Stavros quay nhìn Vartan. Nhưng Vartan không tỏ dấu gì muốn giúp đỡ chàng cả. Stavros chỉ còn biết mỉm cười.

Viên sĩ quan nhảy vội lên chiếc xe ngựa và bắt đầu bưng từng tảng nước đá lớn ném xuống. Chỉ trong khoảng khắc, chiếc xe đã vơi đến nửa. Vartan như không để ý. Stavros vẫn giữ nụ cười, nhưng bây giờ thì ai cũng thấy rõ chàng ta lo lắng hồi hộp đến chừng nào.

Viên sĩ quan nhảy xuống khỏi xe. Các binh sĩ cười nghiêng ngửa. Ông ta đáp lại trợn cười của binh sĩ ông ta, bằng cách tiến lại phía đầu xe bằng những bước đi nặng nề.

Viên sĩ quan: “Chúng mày chất nặng quà con ngựa già kéo không nổi. Bây giờ nó có thể chạy đến chợ mau hơn. Đúng không?”

Stavros nhìn sang Vartan để xem chàng nói gì – Nhưng vartan lặng thinh. Stavros cảm thấy lo sợ. Viên sĩ quan đang đòi hỏi câu trả lời.

Stavros: “Thưa Ngài đúng ạ”.

Viên sĩ quan: “Bọn chúng mày thuộc sắc dân nào? Armenia hả?”

Stavros nhìn Vartan. Vartan vẫn không ngẩng mặt lên: “Tôi là người Armenia”.

Viên sĩ quan: “Armenia hả? Mày có dính líu gì đến vụ hỏa thiêu Ngân hàng quốc gia ở Constantinople hôm qua không. Hả?”

Vartan không trả lời. Stavros bám vào những túi vải và mỉm cười.

Viên sĩ quan nói với Stavros: “Tại sao mày cười?”

Stavros: “Thưa Ngài, chắc ngài nói đùa thôi”.

Viên sĩ quan: “Đùa?”

Stavros: “Xin Ngài tha lỗi, nhưng Ngài nghĩ cho, làm sao bạn tôi có thể có mặt ở Constantinople ngày hôm qua được? Từ đây đến đó phải đi mất hai tuần lễ.”

Viên sĩ quan: “Dù với con ngựa này?”

Tất cả các binh sĩ đều cười lớn, thường thức trò chơi tàn nhẫn này, Stavros có vẻ như cũng phụ họa. Đột nhiên Vartan nhảy xuống khỏi xe và đi về phía viên sĩ quan – Viên sĩ quan không bình thản được, đặt tay vào khẩu súng lục. Vartan nói với viên sĩ quan: “Đại Úy Mehmet. Ông không nhận ra tôi sao? Chúng ta cùng phục vụ chung với nhau – tám năm trước. Tôi muốn nói tôi phục vụ Ông, và Ông phục vụ Hoàng Đế. Tôi chỉ là cận vệ của Ông nên dĩ nhiên ông quên tôi. Ông nhớ lại coi, tôi đã đi trộm gà cho Ông.”

Viên sĩ quan nhìn thẳng vào mặt Vartan, và lần đầu tiên nhận ra hân:

“Vartan, mày đó sao?”

Vartan: “Vâng. Vẫn thẳng Vartan đó.”

Viên sĩ quan choàng tay qua vai Vartan, ôm chặt lấy hân. Stavros nhìn sững Vartan với niềm tôn thờ thần tượng tuyệt đối.

Viên sĩ quan nói với Vartan: “Vartan, chuyện gì xảy ra cho mày?”

Vartan: “Như ông thấy đó, tôi đang gắng kiếm vài đồng kềm cùng với thằng nhỏ này.”

Viên sĩ quan hét: “Enver, Chelal. Chết nước đá lên xe mau lên. Mau, tới đây, leo lên, không nó tan hết bây giờ.”

Các binh sĩ vội vã chất nước đá lên xe. Viên sĩ quan kéo Vartan sang một bên. Stavros lắng nghe câu chuyện của hai người.

Viên sĩ quan: “Những người dân Armenia của mày đã hỏa thiêu nhà cửa chúng tao, mà mày còn muốn tao cảm ơn nữa sao. Không được. Hôm nay không một người dân Armenia có thể được tha thứ cái tội làm dân Armenia. Mày nên ở lại đây với tao.”

Stavros ngắt lời, chêm vào: “Anh ta còn mẹ và cha ở dưới phố kia. Và em anh ta nữa.”

Viên sĩ quan ngừng một lúc, rồi: “Vậy thì đành phó thác trong tay Thượng Đế”.

Trong thành phố, những đám dân hoảng hốt chạy vào trong nhà thờ Armenia. Cửa chính được canh giữ cẩn thận bên trong và chỉ hé mở cho những người đến chậm lách vào. Những người đàn ông, đàn bà cuống quýt và khiếp sợ chen lấn nhau qua cửa, và ngay sau đó cánh cửa được đóng ập lại. Mọi người trong nhà thờ đều khiếp sợ. Một lát sau, cánh cửa lại hé ra để cho một cậu bé mười một tuổi lách ra khỏi nhà thờ. Cậu bé là em trai của Vartan, tên là Dikran. Cánh cửa lại được đóng kín và cài then ngay lập tức.

Trên đường ven biên thành phố, Dikran thở không nổi vì chạy và vẫy tay ra hiệu cho chiếc xe ngựa của Vartan dừng lại. Đứa bé nhảy lên chỗ mã phu. Hai anh em xì xầm với nhau.

Dikran: “Nhưng, Anh Vartan, cha bảo phải vào đó ngay.”

Vartan: “Anh phải đi bán hết số nước đá này đã.”

Dikran: “Anh muốn em thừa lại với cha như vậy phải không?”

Vartan: “Phải. Em chạy đi ngay và tránh xa các thành phố. Dikran, em phải trở lại nhà thờ. Đi ngay đi.”

Chiếc xe ngựa đậu gần một công viên ở trung tâm thành phố. Bây giờ phần lớn nước đá trên xe đã bán hết. Stavros đang tiếp xúc với một bà cụ già Thổ Nhĩ Kỳ. Vartan đứng trên xe, cất tiếng rao.

Vartan: “Nước đá đây! Nước đá chánh hiệu lấy từ núi cao. Nước đá từ núi Aergius đây.”

Bà cụ già Thổ trao tiền cho Stavros, đồng thời nói nhỏ với chàng: “Trong nhà già có một giếng cạn. Anh ta có thể nấp ở đó.”

Stavros: “Anh ấy không chịu làm vậy đâu.”

Bà cụ già: “Cậu thấy đó. Bọn Armenia cứ như vậy cả. Rồi coi, hắn sẽ chết”

Bà cụ bỏ đi. Stavros nhìn lên Vartan. Nước đá sắp bán hết. Vartan nhảy xuống khỏi chỗ mã phu: “Mày nên về nhà ngay bây giờ đi.”

Stavros: “Còn anh?”

Vartan: “Tao đến quán Cây Đàn.”

Stavros: “Để làm gì?”

Vartan: “Uống rượu với bọn sát nhân.”

Stavros: “Để làm gì?”

Vartan: “ Để lấy hứng.”

Stavros: “Lạy Chúa!”

Lúc chàng định lên tiếng phản đối, Vartan đưa tay chỉ: “Mẹ mày đến đó kia.”

Một người đàn bà khoảng bốn mươi lăm tuổi, mặt phủ mạng theo phong tục cổ truyền, đang hấp tấp đi lại phía chiếc xe ngựa. Bà ta là Vasso Topouzoglou mẹ của Stavros, và bà ta đang giận dữ.

Bà ta bước đến bên Stavros, xách một tai của chàng và kéo chàng đi. Người qua lại chú ý nhìn. Vartan cười lớn. Bà Vasso đột ngột bỏ chiếc tai của Stavros ra và quay về phía Vartan: “Này, Vartan, anh nên tránh xa con trai tôi ra. Nếu muốn đùa thì anh nên đùa với mạng sống của anh.”

Rồi bà ta trở lại với Stavros, và đẩy chàng đi. Bà nói: “Cha mày dạy mày sao hả? Đừng gần gũi với thằng đó nữa. Cha mày dặn mày thế rồi mà. Mày có nghe không?”

Bà Vasso vẫn còn giận dữ, đẩy Stavros đi về đến tận nhà.

Bên trong gần như tối mịt. Chừng hơn mười người chen chúc quanh một ngọn đèn dầu. Họ là những trưởng thượng của sắc dân Hy Lạp trong vùng. Trong số này có ông Isaac Topouzoglou, cha của Stavros, và một linh mục Chính Thống Giáo Hy Lạp có râu. Bà Vasso và Stavros bước vào.

Bà Vasso: “Isaac, con trai lớn của ông đây này.”

Vài người tránh ra, cho thấy ông Isaac. Trong căn nhà của chính ông, ông ngồi oai nghiêm như một ông vua. Ông chờ đợi. Và Vasso tiếp: “Hắn đi với thằng Armenia đó nữa.”

Isaac vẫn không trả lời. Stavros im lặng.

Bà Vasso nói với chàng thanh niên: “Mày đã làm cho cha mày lo lắng suốt một ngày. Lạy hôn tay ông và xin lỗi ông đi”.

Chàng thanh niên bước lại phía người cha.

Bà Vasso lại thêm: “Cha mày dễ dãi với mày quá.” Rồi với chồng bà: “Ông Isaac ạ, ông dễ dãi với con trai ông quá. Nếu ông cho phép tôi nói, địa vị của tôi không cho phép tôi nói.”

Chàng thanh niên đã bước đến trước người cha, và đứng trước mặt ông ta. Đột nhiên người cha đưa tay tát mạnh vào mặt chàng trai.

Bà Vasso: “Đáng đời mày chưa?”

Người cha lại đưa tay vừa dùng để tát chàng trai, cho chàng hôn. Stavros hôn lên bàn tay đó.

Bà Vasso nói: “Được lắm”.

Rồi ông Issac ôm hôn cậu con. Bà Vasso gật đầu tán đồng với cử chỉ này. Như vậy nghi lễ đã hoàn tất.

Ông Issac hỏi Stavros: “Con ăn gì chưa?”

Stavros: “Thưa cha con không đói”

Bà Vasso: “Con phải ăn chút gì.”

Ba ta đi xuống bếp. Những người đàn ông lại xúm quanh ngọn đèn dầu.

Một người hỏi: “Thằng Armenia đó là ai vậy?”

Ông Issac: “Con trai ông Damadian, tên hắc ta là Vartan.”

Một người thì thầm như tiếng ong kêu: “Không khá. Thằng đó không khá. Không khá chút nào.”

Một người khác: “Hắn không biết thân phận hắc tí nào cả.”

Stavros đã chăm chú nghe những lời bình phẩm. Những gì vừa được phát biểu làm chàng tức giận. Bây giờ chàng đứng lên và đi về phía cầu thang.

Ông Issac nói: “Ồ...Việc đó không ăn nhập gì đến chúng mình. Họ là người Armenia. Mình là người Hy Lạp. Đầu của họ không phải là đầu của mình.”

Stavros đứng trên bậc cầu thang, không dừng được, nói:

“Rất đúng. Chúng nó dành đầu của chúng ta đến cuộc lễ sau.”

Chàng đi lên và khuất khỏi tầm mắt mọi người.

Mọi người sửng sốt vì câu nói của chàng, không phải chỉ vì cái tư tưởng được diễn tả, mà vì cái sự táo bạo của việc Stavros đã dám lên tiếng trong hội đồng gia tộc.

Một người hỏi: “Gì? Nó nói gì vậy?”

Vị linh mục Chính Thống Giáo: “Tất cả chúng ta đều nghe nói gì.”

Mọi người ngẩn ngơ lặng thinh một lúc. Rồi tất cả nhao nhao nói cùng lúc.

Ông Isaac: “Xxxxillli!”

Một người im lặng lập tức, nhìn ra phía cửa sổ, như lo sợ người lạ có thể nghe được. Cuộc thảo luận lại tiếp tục, bây giờ bằng giọng thì thầm.

Stavros đi vào phòng ngủ của chàng, đóng cửa lại, tiến tới cửa sổ, mở ra và nhảy ra ngoài đêm tối.

Quán Cây Đàn là tổng hợp ba loại quán: quán rượu, quán cà phê, quán ca vũ. Nền bằng đất nện. Chủ là người Thổ Nhĩ Kỳ, những người trông coi quán cũng là người Thổ Nhĩ Kỳ. Khách hàng lúc này chật cả quán, phần lớn đều say khướt, trông ai cũng bần thiêu. Họ là những bọn lang bạt, phu khuân vác, mã phu, những kẻ phạm pháp, binh sĩ, gia nhân ngoài giờ làm việc. Người đàn bà duy nhất lúc này là một ca nữ. Trông nàng giống như đàn ông. Nàng ngồi giữa hai người đánh đàn ghi ta. Trong bất cứ bài hát nào, nàng cũng là cả một thử thách đối với hai tay đàn. Nàng đang hát một bản dân ca, đến đoạn lên giọng thanh. Hai người phu nhảy múa trên một bụng gỗ trước mặt nhạc công.

Stavros đưa mắt tìm Vartan, và thấy anh ta ngồi một mình trong góc quán, uống rượu một mình bên một chiếc bàn. Stavros đến ngồi vào bàn. Vartan nhấp ngụm rượu, rồi chỉ vào đám khách trong quán, nói: “Nhà tù trống hết rồi.”

Nhạc ngừng. Hai người khiêu vũ rời bục gỗ. Vartan đứng lên đi về phía cửa. Stavros theo sau. Vartan đến trước nhạc công, và theo tục lệ, anh ta ném vài đồng xu xuống chân họ. Họ bắt đầu gảy đàn. Stavros bước theo sát, rồi cả hai người khiêu vũ riêng rẽ, nhưng cùng theo một tiết điệu, với một tâm tình như nhau. Lối khiêu vũ chậm chạp, xoay tròn của họ có một vẻ đẹp đặc biệt. Và mặc dầu họ không nhìn nhau, chúng ta cảm thấy họ đang khiêu vũ với nhau.

Rồi đột nhiên, vào lúc điệu vũ đến đoạn coi như tột đỉnh, Stavros kêu khẽ: “Mỹ quốc, Mỹ quốc ơi.”

Chàng gọi lên tiếng đó như nổi liền làm một, với vẻ tha thiết, thèm khát lớn nhất.

Vartan: “Mày sẵn sàng chưa?”

Stavros chậm rãi gật đầu.

Vartan: “Đi, chúng ta đi. Nếu ngày mai chúng ta không đi thì...”

Vài người đàn ông bước đến nói với nhạc công. Mọi người ngẩng nhìn Vartan và Stavros. Nhạc ngưng lại. Rồi nhạc công trưởng toán đá đồng xu mà Vartan ném cho họ ra khỏi bụi gỗ. Mọi người trong phòng dăm dăm nhìn hai thanh niên. Cả phòng im lặng nghệt thở một lúc khá lâu. Chợt từ xa có tiếng huyên náo. Cuối cùng là một tiếng la lớn. Một người chạy vào báo tin. Nhiều người xúm quanh. Một người la to: “Bắt đầu rồi.”

Tại nhà thờ Armenia, nơi dân chúng đến tị nạn, củi, gỗ, dăm bào đang được chất vào hai bên nhà thờ. Những tiếng la hét vang lên. Một hàng rào bị phá ra để chất thêm vào đống củi gỗ. Lại một tiếng la lớn. Quả thật đây là một ngày lễ của những người độc ác. Một số lính quân phục lôi thôi đang đứng chỉ huy.

Vartan và Stavros chạy lại. Vài đứa trẻ, trong số có thằng Dikran vây quanh Vartan, khiếp sợ, ngơ ngác. Thằng Dikran nắm chặt tay Vartan. Vartan choàng tay quanh hai em trai. Người ta có thể nghe được những tiếng la hét, hò reo, cười giỡn.

Trước cửa nhà thờ, một cựu chiến binh bận áo choàng nhà binh nằm rêu một người Armenia già. Tay kia hằn cầm một lưỡi gươm cong. Cụ già đưa hai tay lên trời trong một cử chỉ dâng hiến sinh mạng mình.

Người lính già: “Chúng tôi không muốn hại cụ làm gì. Chúng tôi muốn trừ khử những bọn còn sinh lực trong kia. Bây giờ cụ vào trong đó gọi chúng nó ra van xin tha mạng đi.”

Hắn ta thả cụ già ra, và cụ già nhìn vào cửa sổ nhà thờ. Bà vợ của cụ đang nhìn ra cụ. Cụ già thẳng người lên và chọn hành động cuối cùng trong đời cụ: cụ nhổ nước bọt vào mặt người lính.

Đây là cái cớ mà người lính Thổ chờ đợi. Hắn hét lên: “Đốt! Đốt!”

Từ cửa sổ nhà thờ bà già nhìn cái chết mau chóng của chồng bà. Mắt bà đầy vẻ khiếp hãi, khi lưỡi gươm của người lính lia xuống. Lập tức các

người lính châm lửa vào những đồng củi gỗ quanh nhà thờ. Ngọn lửa quanh nhà thờ bốc cháy thật lẹ.

Bên trong nhà thờ, khói tràn vào. Những người Armenia độ năm mươi hoặc sáu mươi người tu lại quanh bàn thờ cầu nguyện. Khi khói tràn ngập vào bên trong, họ bắt đầu hoảng hốt, trẻ con khóc la, đàn ông hò hét.

Bên ngoài, Stavros lùi lại một khoảng, khiếp sợ đến toát mồ hôi. Thăng Dikran và một vài đứa trẻ đến sát cửa nhà thờ, ngắm nhìn lửa khói.

Bên trong nhà thờ cảnh hỗn loạn lên đến cùng tột, khi ngôi nhà thờ bắt đầu cháy.

Vartan có một kế hoạch tuyệt vọng cho trường hợp khẩn cấp này. Đột nhiên hắn la lớn: “Dikran”, rồi hắn nhào vào viên sĩ quan Thổ, giật con dao găm ở thắt lưng của ông ta, và đâm túi bụi vào ông ta. Rồi anh ta cướp khẩu súng lục và giơ lên cản những người từ mọi phía đang tiến lại anh.

Nhờ kế hoạch đó của Vartan, cổng chính nhà thờ trong một lúc không có người gác. Dikran và vài đứa trẻ khác chạy lại mở cổng nhà thờ. Dân chúng từ bên trong xô nhau chạy ra.

Những người khát máu xúm quanh Vartan. Như một đàn chó săn quanh một con chồn. Stavros không biết phải làm gì. Rồi đột nhiên không còn cách nào có thể cứu Vartan được nữa. Hoàn toàn không còn cách gì.

Dân chúng chạy ra khỏi cổng chính nhà thờ, để đi khắp các ngõ – đàn ông, đàn bà, trẻ con. Người Thổ đuổi theo người Armenia, hạ sát những ai họ bắt được, bất kể già trẻ nam nữ. Một người Thổ hét lớn: “Bọn đàn ông! Tha bọn đàn bà! Giết hết bọn đàn ông đi...”

Một buổi sáng thật ảm đạm. Những người đàn bà bận tang phục đen đến nhà thờ đã cháy rụi tìm xác chồng hay con trai họ. Xác Vartan được phủ một tấm thảm cháy nám. Stavros ngồi cạnh khóc thành từng tiếng nấc nghẹn. Trong tay, chàng cầm chiếc khăn chụp đầu của Vartan.

Khu xóm người Armenia được các toán lính Thổ bao vây, gọi là để bảo vệ trật tự. Stavros ôm xác bạn về nhà. Các ngõ đường la liệt những vật gia dụng. Những vụ cướp giật, hôi của vẫn tiếp tục.

Stavros mệt lử người. Vartan thật nặng. Stavros đi vài bước, dừng lại, rồi tiếp, tựa người vào một thân cây, rồi bước đi vài bước nữa. Chiếc khăn

chụp đầu của Vartan vẫn còn trong tay chàng.

Hai lính gác Thổ nhìn thấy Stavros. Một tay đến nắm tay Stavros lại. Xác chết rơi xuống và lăn đi một vòng. Stavros định đến ẵm xác bạn lên. Nhưng hai người lính đã nhào đến. Lúc họ bắt Stavros đi, vài người đàn bà bận đồ đen xà tới, khiêng xác Vartan lên và đem đi.

Trong một khoảng sân của nhà tù thành phố, khoảng năm mươi người đàn ông, những người Armenia với nét mặt thảm nã, tuyệt vọng ngồi lặng thinh. Khoảnh sân bẩn thỉu hết sức. Stavros vẫn còn cầm chặt chiếc khăn chụp đầu của Vartan trong tay. Một chiếc giày đá vào hông chàng.

Một tiếng nói: “Đứng lên.”

Ông Isaac, cha Stavros ngồi trong phòng làm việc của quan Tổng Trấn, với dáng điệu của người đến van xin. Ở các góc phòng, những viên chức trong Hội đồng bàn tán những chuyện xảy ra đêm rồi.

Câu chuyện giữa quan Tổng Trấn và ông Isaac là một câu chuyện riêng tư. Quan Tổng Trấn, với dáng điệu của người đến van xin. Ở các góc phòng, những viên chức trong Hội Đồng bàn tán những chuyện xảy ra đêm rồi.

Câu chuyện giữa quan Tổng Trấn và ông Isaac là một câu chuyện riêng tư. Quan Tổng Trấn đưa cho Ông Isaac lọ nước hoa để xoa tay và mặt cho tỉnh táo hơn.

Quan Tổng Trấn nói: “ Một khi những chuyện khủng khiếp đó bắt đầu, thì chúng phải đi theo diễn tiến của chúng. Người nhẫn nại phải chờ đợi. Như lời giảng dạy truyền dạy vậy, sự thù hận tự nó sẽ tan dần. Tôi không thích thú gì khi thấy bọn người Armenia gây ra chuyện này. Tôi tin tưởng rằng với ơn thiêng của Thượng Đế, một ngày nào đó, mọi giống dân có thể sống hòa thuận với nhau. Kể cả bọn Armenia.”

Ông Isaac: “Thưa ngài, đó là niềm hy vọng của cả nhân loại.”

Ông Isaac hồi hộp nhìn ra phía cửa. Quan Tổng Trấn để ý đến cử chỉ đó, cười nói: “Họ sắp đưa nó vào đây, ông bạn ạ. Họ sắp đưa nó vào đây mà. Ông bạn cứ ngồi yên đi! Sao? Ông bạn cười?”

Ông Isaac mỉm cười, nói: “Dạ, dạ. Tôi rất đội ơn quan.”

Quan Tổng Trấn: “Không sao. Tôi không phải chỉ thương mình ông bạn. Tôi thương tất cả những người dân Hy Lạp.”

Ông Isaac: “Dạ, thưa quan, chúng tôi đều biết rõ điều đó.”

Quan Tổng Trấn: “Tôi giữ nhiệm vụ này là để làm những việc tốt mà tôi có thể làm được. Ông bạn biết rõ điều đó chứ?”

Theo thói quen, ông Isaac rút tay vào túi.

Quan Tổng Trấn: “Tôi làm việc tốt. Tôi giúp đỡ dân chúng. Ông bạn có thấy vậy không?”

Ông Isaac: “Dạ dạ, chúng tôi hết lòng đội ơn quan.”

Quan Tổng Trấn: “Tôi muốn nói riêng về ông bạn. Ở đây ông bạn làm ăn có vẻ khá lắm. Người Thổ Nhĩ Kỳ thương ông bạn và công việc làm ăn của ông bạn khá lắm.”

Ông Isaac: “Dạ dạ, chúng tôi cố gắng sống qua ngày.”

Quan Tổng trấn: “Tôi biết ông bạn khá lắm. Tôi mừng giùm.”

Cánh cửa văn phòng mở ra từ từ. Một người hầu đứng bên cửa, chỉ cho phép cánh cửa mở hé ra thôi. Một người lính nghiêng đầu vào thì thầm với người hầu. Sau lưng hẳn người ta có thể thấy Stavros. Người hầu bước đến trước quan Tổng Trấn, dừng lại, nói nhỏ: “Thưa Ngài, xin Ngài tha tội...”

Quan Tổng Trấn: “Giữ hẳn lại đó một lúc.”

Rồi ông ta quay lại nhìn ông Isaac. Ông Isaac đã rút tay ra khỏi túi áo. Trong tay ông có một số tiền. Ông đứng lên. Quan Tổng Trấn cũng đứng lên. Theo một nghi lễ cổ truyền. Ông Isaac cúi thấp người, hôn lên tay quan Tổng Trấn, đồng thời đặt số tiền vào bàn tay quan.

Stavros đứng ngoài cửa nhìn thấy sự việc này. Chàng xấu hổ giùm cho cha. Chàng nhìn một gia nô bừng thức uống đến mời những viên chức Hội Đồng. Theo dấu tay của quan Tổng Trấn, người gia nô bừng thức uống đến mời ông Isaac. Ông Isaac cầm. Các viên chức hội đồng cầm thức uống trên tay, đi lại phía quan Tổng Trấn. Ông Isaac bị vây quanh. Họ uống mừng. Tất cả cùng uống, trừ ông Isaac. Rồi một viên chức Hội Đồng để ý thấy ông Isaac không uống. Ông ta ra dấu cho ông Isaac hiểu rằng ông phải uống nếu không sẽ phật lòng những người chủ của ông.

Stavros đứng ngoài cửa chăm chú nhìn xem cha chàng sẽ làm gì. Ông Isaac bị vây giữa các viên chức Hội Đồng, nâng cốc uống. Ông còn biết làm gì hơn? Ôi buồn cười quá!

Ông Isaac và Stavros bước xuống những bậc cấp trước tòa Thị Sảnh. Stavros nhìn cha chàng với một vẻ chú ý mới. Đột nhiên ông Isaac ngẩng đầu nhìn lên nhìn chàng trai. Stavros cúi xuống.

Ông Isaac: “Stavros? Chuyện gì?”

Chàng trai nhìn xuống, bước tiếp. Ông Isaac rơi lại phía sau, tính hỏi tiếp con trai ông.

Stavros đã đi đến một đường hẹp nhỏ. Đột ngột, không giải thích gì, chàng quẹo vào đường hẻm và biến mất. Ông Isaac chạy đến đầu đường, gọi: “Stavros! Stavros!”

Stavros bây giờ đang chạy đến cuối đường hẻm, chạy thật nhanh. Chỉ trong vài giây, chàng đã biến mất. Ông Isaac quay lại và bỏ đi. Ông có vẻ bối rối lắm.

CHƯƠNG I

Từ xa, người ta đã có thể nhìn thấy một sườn núi dốc đứng. Ngày xưa dân chúng sống trong vùng đã cất nhà men theo sườn dốc đó để tự vệ chống lại kẻ thù và những bọn cướp khuấy rối khắp vùng. Với thời gian, những ngôi nhà bị mục nát, sụp đổ dần, nhưng vẫn còn một số người sống trong những ngôi nhà sụp đổ đó. Lúc này người ta chỉ thấy một bóng người bé nhỏ di động từ dưới xa sườn dốc. Đó là chàng Stavros, nhìn lên và gọi lớn. Stavros gọi: “Nội ơi, Nội.”

Giữa những đồng gạch đá ngổn ngang rải rác, người ta có thể nhìn thấy một chiếc nhà hầm bằng gỗ mục nát. Bên trong có một vài tiếng động. Một bóng người hiện ra trong khung cửa ngang đầu căn nhà hầm.

Đó là một bà cụ trên bảy mươi tuổi, nhưng còn khỏe mạnh lắm. Khuôn mặt bà khô héo. Stavros gọi tiếp: “Nội ơi.” Bà cụ nhìn cậu trai đang đi lại gần mà không có vẻ gì mừng rỡ hết. Trên trời bồ câu bay rất nhiều.

Stavros vừa đến gần, vừa đưa tay vẫy. Bà nội của chàng không hề làm một cử động nào, chỉ nhìn chàng trai đắm đắm. Stavros lên tới nơi mỉm cười.

Bà nội hỏi: “Mày muốn gì?”

Stavros: “Con lên thăm nội.”

Bà nội: “Để làm gì? Trông mày không được khỏe lắm. Thăng Hy Lạp tử tế, cha mày đó. Ra sao? Mày có biết tại sao chồn cáo thương yêu thỏ không? Vì thỏ không có nanh vuốt. Cha mày sao? Ông nội mày mới xứng đáng là một người! Tao đang đợi mày. Ông nói với tao mày sắp đến.”

Stavros: “Ai vậy nội?”

Bà nội: “Ông nội mày. Ông đến thăm tao đêm qua. Tao tưởng ông ta tìm được một bà vợ dưới âm phủ rồi chứ. Thôi, biết làm sao bây giờ? Nhưng ông ta vẫn lên thăm tao. Có chuyện gì vậy?”

Stavros: “Cháu chỉ lên thăm bà nội thôi.”

Bà nội: “Mày nói lép. Lạ chúa. Tao hy vọng mày sẽ không giống thằng cha mày. Bây giờ mày có cái nụ cười của thằng cha mày rồi! Thôi, biết làm sao hơn! Bây giờ bọn đàn ông trong gia đình đều nói léo. Bọn Thổ nhổ nước bọt vào mặt họ, và họ nói đó là trời mưa. Thôi nói đi. Mày đến đây làm gì? Và đừng có nói léo nữa, vì ông nội mày đã cho tao biết mày muốn gì rồi.”

Stavros: “Ông nội nói cháu muốn gì vậy nội?”

Bà nội: “Tiền. Đúng không? Nói đi!”

Stavros: “Đúng.”

Bà nội: “Tại sao tao phải cho mày tiền?”

Stavros: “Nội dùng tiền làm gì nữa? Nội già rồi.”

Bà cụ cầm một chiếc gậy và quất thật mạnh vào người Stavros.

Bà nội: “Xéo đi, xéo đi, xéo ngay đi!”

Stavros giật chiếc gậy từ tay bà cụ, bẻ ra làm đôi: “Bây giờ nội nghe cháu nói đây. Cháu sắp đi. Đi xa lắm.”

Bà nội: “Tốt.”

Stavros: “Rất xa”.

Bà nội: “Càng xa bao nhiêu tốt bấy nhiêu”

Stavros: “Tận bên Mỹ lận. Cháu sắp đi sang Mỹ.”

Bà nội: “Mày!”

Stavros: “Nội sẽ không bao giờ gặp lại cháu nữa.”

Bà nội: “Mày! Mày sẽ ở lại bên thằng cha mày. Mày là một thằng con có hiếu.”

Stavros: “Nội chỉ cần cho cháu đủ tiền đi từ đây đến Constantinople thôi. Đến đó cháu sẽ tìm việc làm và kiếm đủ tiền đi Mỹ. Nội nghe cháu đây. Nội là hy vọng duy nhất của cháu. Nội đừng từ chối cháu”.

Bà cụ đột ngột quay vào trong căn hầm. Stavros đi theo.

Căn hầm rất hẹp, chất đầy tất cả những đồ đạc mà bà cụ có và quý mến.

Lúc Stavros bước vào, thì bà cụ đang quì xuống lục lọi tận trong cùng một chiếc tủ cũ kỹ.

Bà nội: “Nội còn nhớ lúc cháu là một đứa bé hiền lành, tròn trịa, như một miếng bơ. Rồi nội nhớ lúc cháu bận bộ quần áo lính thủy màu xanh mà

mẹ cháu may cho cho cháu. Trông cháu như một thiên thần, với khuôn mặt trắng đầy ân phúc và đôi mắt long lanh ánh sáng của Chúa.”

Khuôn mặt của Stavros quả thực có cái vẻ ngây thơ trong sạch thuần khiết. Bà già kéo ra một vật gì bọc trong một mảnh vải.

Bà nội: “Rồi nội nghĩ, làm sao cho thế gian này được như vậy cả.”

Bà cụ đã mở mảnh vải ra và cầm trên tay một con dao găm lưỡi cong trông hết sức dữ dằn. Giọng bà cụ trở nên rắn rỏi:

“Đây! Con dao của ông nội mày”.

Stavros: “Lạy chúa! Cháu không cần cái này. Cháu cần tiền thôi.”

Bà nội: “Mày cần cái này hơn. Cầm lấy. Nó sẽ nhắc cho mày nhớ rằng không có con cừu nào được tha mạng nhờ nó rên la.”

Stavros giật lấy con dao: “Được rồi. Cháu sẽ ra phố và cháu sẽ đâm thẳng lính cháu gặp đầu tiên và...”

Bà nội: “Này, Stavros, mày không dọa tao nổi đâu.”

Rồi đột nhiên chàng trai nạy ván lên, hất tung những miếng kim khí, những gói quần áo rách, những tấm thảm vụn phủ trên sàn gác. Bà già nhìn một lúc với vẻ mặt chế giễu. Rồi nói: “Nó nằm trong này...Bên dưới áo của tao.”

Bà cụ chỉ vào bụng, đứng yên, lưng còng, với vẻ thách thức. Stavros cầm con dao găm trong tay, nhìn bà cụ đăm đăm một lúc. Một thoáng, người ta tưởng chàng có thể giật tay áo bà cụ. Chàng từ từ tiến gần lại phía bà cụ. Nhưng cái thong chốc đó trôi qua.

Bà nội: “Mày sẽ không đi Mỹ. Mày là con trai của cha mày nên sẽ giống cha mày. Về nhà đi. Sống yên phận.”

Bà già quay lưng lại phía chàng và chậm chạp sắp xếp các đồ đạc vừa lấy ra vào tủ. Một tiếng hét thoát ra khỏi miệng chàng trai – tiếng hét giải thoát, buồn thảm, tức giận với chính mình. Vẫn cầm con dao găm trong tay, chàng bỏ đi.

Stavros đi về phía thành phố. Mặt trời sắp lặn. Theo sau chàng và sắp bắt kịp chàng, có một thanh niên khăng khiu như một thân cây: Hohannes Gardashian. Hắn có vẻ như lúc nào cũng cầm cổ lao về phía trước. Quần áo

hắn rách rưới, vá víu nhiều lớp, bám đầy bụi đất. Một gói nhỏ đeo trên lưng hắn. Mặt hắn rạng rỡ, sáng rực vì một niềm hy vọng tuyệt vời.

Hohannes đi quá Stavros, rồi dừng lại, bỏ một cơn ho dữ dội làm cho hắn gục đôi người lại bên vệ đường, chờ cho cơn ho qua đi, Cơn ho lịm tắt khi Stavros đến sát bên và Hohannes quay lại, đưa tay ra, mỉm cười: “Làm ơn...làm ơn...”

Stavros không còn lòng dạ nghĩ đến ai, lắc đầu với vẻ cău kinh, đi tiếp. Hohannes từ phía sau nói: “Làm ơn nghe tôi...Tôi sẽ nhớ ơn mãi mãi. Từ bên Mỹ tôi sẽ cầu nguyện cho ông.”

Stavros đứng sững hẳn lại, quay lại. Ho-hannes vẫn gập người bên đường, mỉm cười và đưa một bàn tay ra: “Làm ơn, làm ơn...”

Stavros đi lui lại, hỏi: “Anh đi sang Mỹ? Anh...?”

Hohannes: “Vớ ớn Chúa.”

Stavros: “Đi bộ?”

Hohannes: “Đành vậy.”

Stavros: “Và không có gì cả?”

Hohannes: “Mỗi ngày một đoạn đường.”

Stavros nhìn sững. Chàng ghen tức một cách chua xót.

Stavros: “Làm sao anh có thể đi đến đó được với những món này, hở?”

Chàng chỉ đôi giày của hohannes, đang há mồm chờ ngày tàn. Hohannes cúi nhìn đôi giày, xấu hổ, mỉm cười.

Stavros: “Đây này”

Chàng cởi giày của mình ra và ném xuống dưới chân Hohannes. Rồi không nói thêm tiếng nào, chàng quay đi. Sau vài bước, chàng quay đầu lại: “Anh từ đâu đến?”

Hohannes đang cuống quýt xỏ chân vào đôi giày của Stavros, lo sợ Stavros có thể đổi ý: “Từ xa lắc xa lơ. Đằng sau những đám mây kia là những dãy núi, những dãy núi của xứ Armenia. Tôi sẽ không bao giờ phải nhìn thấy những dãy núi đó nữa.”

Hắn nhảy dựng lên, sung sướng vì món quà. Hắn đi thử mấy bước để ướm đôi giày, nói: “Cảm ơn. Tôi sẽ nhớ đến anh.”

Hắn quay về hướng Tây, đi thẳng về phía mặt trời lặn.

Trong gia đình Topouzoglou, cả nhà đang ăn cơm tối. Ngồi quanh chiếc bàn thấp có bốn em trai và ba em gái của Stavros, cùng với bà cô ế chồng và một ông chú già. Họ không để ý đến bất cứ gì ngoài thức ăn. Bà Vasso đang dọn đĩa ăn cho ông Isacc, lúc đó không thấy ngồi đầu bàn ăn như thường lệ. Bà múc thức ăn đầy đĩa, rồi bưng vào phòng ngủ của hai vợ chồng. Cả gia đình vẫn ăn. Họ nghe tiếng bà Vasso: “Isaac, tôi bưng thức ăn vào cho ông đây.”

Mọi người ngừng ăn một lúc để lắng nghe. Họ không nghe tiếng trả lời của ông Isaac. Họ lắc đầu, tặc lưỡi ăn tiếp.

Tiếng bà Vasso: “Isaac! Bây giờ tôi muốn ông ăn một chút gì.”

Tiếng ông chú già: “Ông ấy làm như vậy một lần trước đây. Ở lì trong đó chín ngày liền.”

Mọi người lại ngừng ăn để nghe ngóng tình hình thế nào, xăm xì. “Xịt!!!” Rồi lại ăn tiếp.

Trong phòng đôi vợ chồng, ông Isaac ngồi ở một góc tối, quay lưng về phía cửa phòng. Bà Vasso cố gắng lần chót: “Isaac!”

Cuối cùng giọng ông Isaac nghiêm nghị: “Vasso, bà quên địa vị của bà và của tôi. Nếu tôi cần thức ăn, tôi sẽ gọi bà.” Rồi vẫn nghiêm nghị, nhưng có đôi chút dịu dàng, tiếp: “Bây giờ, tôi không muốn gặp bà. Tôi muốn gặp con trai tôi”.

Bà Vasso ra đi, không nói thêm lời nào.

Bà đến bên bàn ăn, và đặt đĩa thức ăn xuống. Mấy đứa con trai lập tức chia nhau thức ăn trong đĩa. Bà Vasso nói: “Ông ấy đang suy nghĩ điều gì trong đầu...điều gì nghiêm trọng.”

Cánh cửa phòng ngoài mở ra. Mọi người quay lại. Bà Vasso: “May quá”.

Từ trong phòng ngủ, ông Isaac cũng đã nghe tiếng cửa ngoài mở. Ông Isaac gọi lớn: “Stavros!”

Ông chờ. Sau một lúc chàng trai bước vào, theo sau là bà Vasso với vẻ dữ dằn.

Isaac: “Cha đang chờ con.”

Bà Vasso giận dữ: “Này, giày mày đâu? Mày vất đôi giày mày đâu rồi?”

Isaac: “Vasso!”

Bà Vasso: “Sao, đâu rồi?”

Isaac: “Vasso! Đi ra...ngay!”

Bà Vasso do dự một chút, rồi nói: “Được. Tôi ran gay.” Rồi quay sang Stavros, bà dặn: “Nhớ nghe. Mà nói chuyện với cha mà đừng nghe”.

Bà ta đi ra ngoài. Trong phòng chỉ còn lại hai cha con.

Isaac: “Lại đây. Con. Ngồi xuống gần cha đây. Cha không thấy con một ngày là đã thấy con thay đổi. Con có uống cà phê không?”

Stavros: “Thưa cha, con không uống.”

Bà Vasso trở vào, mang theo một đôi dép. Bà quì xuống xỏ đôi dép vào chân cho Stavros.

Ông Isaac nói: “Con uống với cha một ly cà phê.”

Bà Vasso: “Bây đặt nữa”.

Ông Isaac: “Vasso, hai ly cà phê ngay lập tức!”

Bà Vasso trả lời: “Có ngay lập tức.”

Bà đứng lên và đi ra. Giọng nói của ông Isaac trở nên thân mật.

Ông Isaac: “Cha đã quyết định rồi.”

Stavros: “Cha sẽ gửi con lên thủ đô Cons-tantinople.”

Stavros: “Cha nói sao?”

Ông Isaac: “Cả gia đình chúng ta sẽ rời khỏi nơi này. Con đi trước.”

Stavros đứng lên và chậm chạp đi lại gần ông Isaac.

Ông Isaac: “Con sẽ mang theo tất cả những gì quý giá mà gia đình này có.”

Stavros quì xuống và cầm lấy tay cha, làm như bàn tay đó là một vật linh thiêng, rồi cúi xuống và hôn lên bàn tay người cha.

Ông Isaac cố gắng tiếp tục: “Con sẽ mang theo...”

Nhưng ông không thể nói tiếp. Cử chỉ của đứa con trai làm ông xúc động. Giọng ông đứt quãng: “Con sẽ...Cha nói là...tất cả những gì quý giá nhất mà gia đình ta có...”

Bà Vasso và đứa con gái lớn của bà mười sáu tuổi, Athena, đang ở trong phòng ngủ trên lầu. Cô gái làm việc – những lúc công việc nhà cho phép có – để chuẩn bị một số hồi môn mang về cho chồng trong ngày cưới. Phần

lớn những của hồi môn đó gồm những sản phẩm tiểu công nghệ nhỏ. Trong góc phòng ngủ của cô có đặt một khung dệt. Athena đang quì gối bên khung dệt, tháo ra một tấm chăn khỏi khung. Tấm chăn được dệt không lấy gì làm tinh xảo lắm, nhưng đối với cô gái thì rất quý giá. Nàng đứng lên, cầm tấm chăn trao cho bà Vasso, rồi lấy từ một đồng bên dưới khung dệt ra hai tấm khác đem lại cho mẹ.

Bà Vasso khuyến khích con gái: “Đến mùa đông này đêm đêm mẹ sẽ lên đây rồi hai mẹ con ta sẽ dệt chung. Như vậy đến ngày cưới của con, con sẽ có đầy đủ chăn.”

Trong một phòng ngủ khác, đứa con gái nhỏ, Fofó, mười ba tuổi đứng trước tấm gương, từ từ tháo bông tai ra. Mắt cô bé đầm lệ. Cô bé chưa bao giờ tháo đôi bông tai ra từ ngày tai có được xuyên lỗ. Bà Vasso đi vào, đến bên con gái, đứng yên một lúc chờ đợi. Fofó đưa đôi vòng cho mẹ. Bà Vasso hôn con gái rồi bước ra.

Trong một góc khuất của căn phòng hầm, Stavros và ông Isaac đang quì dưới đất. Ông Isaac thì cầm một cây đèn dầu, còn Stavros thì đang đào, bằng một chiếc xẻng nhỏ.

Ông Isaac nói: “Thỉnh thoảng cha đành phải làm như vậy – con biết đó – chúng ta sống dưới quyền sinh sát của người Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng Stavros, con ạ, cha vẫn giữ được danh dự trong tâm hồn mình. Con thấy đó, chúng ta còn sống sót được. Sau một thời gian, người ta không còn thấy nhục nhã nữa.”

Trong một góc phòng ngủ cuối nhà, hai bà cô đành dâng hiến những món đồ quý giá của hai bà.

Bà Vasso nói: “Anna, cô dùng những thứ đó làm gì nữa? Làm đẹp hay sao? Trẻ quá rồi cưng ạ.”

Bà cầm lấy sợi dây chuyền. Bà cô bật khóc.

Stavros vẫn tiếp tục đào trong góc phòng hầm. Isaac lấy từ túi ra một lá thư, nói: “Hôm qua, cha vừa nhận được một lá thư của một người họ hàng từ Constantinople.” Ông đọc: “Isaac thân mến. Tôi rất sung sướng. Anh cứ cho Stavros đem tiền lên chung vào với tôi, tôi sẽ để đó làm ăn chung với

tôi.” Bằng giọng nói chuyện. ông tiếp: “Con biết là ông ta có một tiệm buôn khá phát đạt ở đó. Rồi con sẽ thấy một cửa tiệm phát đạt...”

Stavros: “Nhưng cha à, chúng ta đến Cons-tantinople thì có dễ chịu hơn không?”

Ông Isaac: “Chắc chắn là hơn. Và lại chúng ta biết đi đâu hơn? Đó là hy vọng cuối cùng của chúng ta.”

Nhưng đối với Stavros thì đó không phải là hy vọng cuối cùng. Chàng lại đào tiếp.

Cạnh căn nhà giữa, là một nhà xép được gia đình dùng làm chỗ sấy thịt. Bà Vasso và hai đứa em đang gói những tảng thịt khô vào vải. Một trong hai đứa em hỏi: “Mùa đông này rồi chúng ta lấy gì ăn đây?”

Bà Vasso trả lời: “Đã có lúc nào mà không có ăn chưa, chẳng mập kia?”

Đứa em kia: “Người Tàu ăn thịt chó”.

Trong góc phòng hầm, Stavros chỉ còn đào.

Ông Isaac: “Con sẽ đem theo tất cả thịt sấy khô của gia đình ta. Con sẽ mang theo hai tấm thảm trải trên gác. Nói tóm lại tất cả những gì con có thể bán được, con lừa nhà ta, phải, cả con lừa nhà ta nữa con cũng lấy theo và khi đến Constantinople con sẽ đem bán đi. Rồi con sẽ đem theo những nữ trang đựng trong chiếc hộp này.”

Ngay lúc đó đầu xẻng dụng vào nắp chiếc hộp. Stavros và cha chàng bắt đầu móc chiếc hộp lên.

Ông Isaac: “Đây là những nữ trang của mẹ con, khi mẹ con lấy cha.”

Trên căn gác, cả nhà đang xúm quanh chiếc hộp, mà ông Isaac đang mở. Lúc nắp hộp được mở lên, cả nhà reo: “Ô...!ô!! ô!!!”

Bà Vasso lấy ra một sợi dây chuyền với tượng nhỏ, ngắm nghía rồi nói: “Cái này của bà ngoại. Như vậy này. Bà ngoại đeo như vậy nè.”

Bà chỉ vào một tấm hình cũ treo trên tường. Trong hình là một người đàn bà bận y phục những năm đầu thế kỷ mười chín. Bà mẹ của bà Vasso là một người đàn bà khá đẹp với những nét lai lai Mông Cổ. Bà đeo sợi dây chuyền với bức tượng nhỏ trước ngực.

Bà Vasso nói: “Mẹ định cho con khi con lấy chồng.”

Rồi bà quay qua Stavros...

Cô em Athena nói: “Thôi, như thế càng hay mẹ ạ.”

Vào buổi tối trước ngày Stavros đi xa, để gia đình đoàn tụ trong bầu không khí nghiêm trang. Ông Isaac chủ tọa một cuộc họp có tích cách lịch sử.

Ông Isaac lên tiếng: “Rồi con sẽ đem ba em gái con lên Constantinople. Là anh cả, con có bốn phận lo gả chồng đàng hoàng cho chúng nó.”

Stavros nhìn các em gái một cách trịnh trọng. Các cô em có vẻ nghiêm trang lắm. Stavros mỉm cười.

Ông Isaac lại tiếp: “Rồi đến lúc công việc làm ăn của con phát đạt, con lại đem bốn em trai của con lên với con, phụ giúp con. Với tư cách anh cả, con có trách nhiệm hướng dẫn chúng nó vào công việc.”

Stavros nhìn mấy đứa em trai một cách long trọng.

Ông Isaac: “Rồi đến mẹ con. Con có trách nhiệm đem lại cho mẹ con những ngày cuối cùng trong đời bà được hạnh phúc.”

Bà Vasso: “Isaac, bà phải biết là ở đời bao giờ cũng có điều phải, điều trái.”

Bà Vasso: “Vâng, vâng.”

Cả hai vợ chồng nhìn đứa con trai lớn. Tất cả trách nhiệm bây giờ đè nặng trên vai Stavros.

Một lát sau, những tượng thánh được bày ra, đèn nến được đốt lên, cả gia đình ngồi lặng yên, cúi đầu mãi nguyện. Nhưng bà Vasso thì lại ngồi riêng một góc, vùi vãi khâu vào góc áo khoác của Stavros.

Ông Isaac cầu nguyện to tiếng: “Lạy Chúa, Vua Cứu Chuộc, Chúa Giêessu nhân từ. Đấng từ cõi chết sống lại để cứu rỗi nhân loại. Bây giờ chúng con xin giao phó con đầu lòng chúng con trong tay nhân từ Chúa. Xin Chúa hãy coi sóc nó. Nó là hy vọng của chúng con.

Bà Vasso đến gần Stavros: “Con có nghe không, Stavros?” Giọng bà thì thầm bên tai chàng.

Stavros: “Thưa mẹ có.”

Bà Vasso: “Cha con giao phó cho con tất cả những gì mà gia đình ta có. Con có hiểu được việc đó không?”

Ông Isaac với giọng sắc gọn: “Vasso!”

Bà Vasso: “Isaac, ông thứ lỗi cho tôi.”

Bà lại tiếp tục khâu trong im lặng.

Ông Isaac: “Lạy chúa, xin chúa nhân từ dạy cho nó hiểu rằng người lành sẽ được thừa hưởng tài sản của chú trên mặt đất này.”

Ông chú già hỉ mũi bên cạnh Stavros, rồi xì xầm: “Ngoại trừ ở xứ này.”

Ông Isaac nghe được câu nói đó, không nổi lên tiếng trách mắng đứa em già. Ông đành chờ đợi.

Rồi ông Isaac tiếp tục: “Xin Chúa hãy dạy nó hiểu rằng mọi người đều là anh em với nhau.”

Ông chú già: “Tuy vậy, mà đừng bao giờ tin ai cả.”

Ông Isaac: “Xin chúa dạy nó rằng một lời nói dịu dàng, và một nụ cười của người Thiên Chúa Giáo sẽ xóa tan mọi sự giận hờn.”

Bà Vasso cầm chiếc áo ngoài đi đến bên Stavros: “Mẹ đã khâu tiền bạc vào chéo áo cho con, Con có thấy không? Đây này. Con sờ coi. Còn đồ nữ trang thì để trong cái bị này. Vậy con phải giữ chiếc áo này luôn luôn trên người con. Con có nghe gì không? Cả lúc con ngủ cũng thế”.

Ông chú già: “Chỉ nên ngủ bằng một con mắt thôi nghe con!”

Ông chú già biểu diễn bằng cách nhắm một con mắt, còn mắt kia thì liếc bên này, sang bên kia, đồng thời đưa ngón tay chỉ theo chiều liếc của con mắt đó.

Lần này ông Isaac lên tiếng với tất cả uy quyền của ông: “Vasso im đi.” Bà Vasso cúi đầu xuống. Rồi đột nhiên quay đi như để nên cảm xúc đang tràn ngập. Ông Isaac giọng dịu dàng hơn:

“Vasso...chuyện gì vậy!”

Bà Vasso: “Lạy Chúa tôi. Ông sai nó đi đến hiệu bánh để mua bánh còn không dám chắc nó biết đường trở về, vậy mà bây giờ ông bảo nó đi... Constantinople! Ông nhìn nó coi! Nhìn nó coi!”

Bà bắt đầu khóc một cách đau xót. Cả gia đình chưa bao giờ thấy người đàn bà này khóc một lần nào. Vì vậy bây giờ các con bà sửng sốt.

Ông Isaac chờ đợi cho đến lúc tiếng khóc dứt, rồi ông cất tiếng, không phải để an ủi, mà chỉ để nói lên sự thật theo quan niệm của ông:

“Vasso, nếu bà và tôi đã nuôi nấng đứa con đầu lòng của chúng ta cho đến ngày hôm nay mà hãn có thể phụ lòng chúng ta, thì chúng ta đáng chết.”

Mọi người quay lại nhìn Stavros. Chàng ngồi đó, tất cả gánh nặng như đè lên vai chàng. Rồi chàng đứng lên, đi về phía mẹ, lúng túng đứng trước mặt bà, đặt cả tâm thành vào lời nói: “Thưa Mẹ, con sẽ không phụ lòng mẹ.”

Đột nhiên hai mẹ con ôm lấy nhau. Bà đã chấp nhận chàng trong địa vị mới của chàng địa vị kẻ đứng đầu gia đình.

Một nhóm người, gia đình Topouzoglou đứng trên một mô đất cao, nhfn cánh đồng Anatolia mênh mông. Từ xa, xa lắm, đang đi lên một triền dốc của cánh đồng cỏ, có hai bóng dáng, chàng trai, Stavros, và con lừa chất đầy đồ đạc đặt trên lưng. Lên đến chỗ cao nhất, chàng dừng lại, quay lui. Chàng trai mặc chiếc áo ngoài mà bà mẹ đã chuẩn bị cho chàng. Bên trong chàng khoác một chiếc khăn. Trên đầu, chàng đội chiếc khăn của Vartan. Bây giờ chàng đưa tay vẫy từ biệt. Rồi chàng quay lưng lại với phía gia đình chàng, và cất tiếng nói với con lừa Goochook: “Đi, đi.”

Chàng cùng với con lừa đi xuống triền dốc, và gần khuất.

Cả gia đình nhìn theo chàng, có thể là lần cuối cùng. Họ quay đi, và trở về thành phố. Chàng trai và con lừa chỉ còn là hai bóng dáng nhỏ xíu trên cánh đồng rộng. Sau lưng họ, mặt trời đang lặn xuống.

CHƯƠNG II

Giống Kizzil, không phải là một con sông lớn, nhưng đó là một con sông lớn nhất vùng này. Stavros và con lừa được chở qua sông bằng chiếc phà. Người lái phà chỉ cần đẩy một cái là pha tách bến.

Người lái phà gác mái chèo lên phà, và lúc đó chiếc phà đã ra đến giữa giòng. Stavros nhìn lui lo lắng. Con lừa Goochook cũng vậy. Người lái phà lay mạnh cho chiếc phà chòng chành. Stavros hét lên vì hoảng sợ. Những chàng trai từ vùng trong í tai biết bơi. Và con lừa với những món đồ chất nặng trên lưng chắc chắn không có hy vọng gì bơi nổi. Con lừa hí lên.

Stavros: “Ông làm gì vậy? Tôi không biết bơi. Ê, ông kia, ông làm gì vậy. Lạy Chúa!”

Người lái phà càng làm cho chiếc phà chòng chành nhiều hơn. Con lừa hoảng sợ.

Stavros: “Coi kia. Con lừa! Ông muốn gì? Tôi sẽ cho ông tất cả những gì ông muốn. Tôi sẽ trả thêm tiền cho ông.”

Người lái phà lập tức đi về phía Stavros, đưa hai bàn tay ra. Stavros do dự. Chàng nhìn sang bờ sông còn xa, rồi vào con lừa chở nặng trên lưng. Chàng suy tính. Rồi chàng lôi ra một chiếc túi nhỏ đựng tiền vật của chàng. Ngay lúc chiếc túi xuất hiện, người lái phà giật lấy và dốc tất cả tiền trong túi ra tay mình.

Stavros: “Chúa sẽ trừng phạt ông.”

Người lái phà: “Chúa hiểu những khó khăn riêng của tôi.” Rồi ông ta trao lại chiếc túi rỗng cho Stavros. “Bạn còn phải nhớ ơn tôi đã không đụng gì đến đồ vật trên lưng con lừa.”

Trước khi phà cập bến, người lái phà đã nhảy xuống và bỏ chạy. Stavros đuổi sát theo sau. Nhưng chiếc phà trôi lênh bênh xa bờ, và con lừa lại hí lên hoảng sợ. Chàng hét to cho cả thế giới nghe” “Ăn cướp, ăn cướp.”

Như đáp lại lời kêu cứu của chàng, một người Thổ to lớn từ sau một vại tảng đá hiện ra. Stavros giữ chặt mạn phà, gọi to: “Bắt hắn đi. Bắt lấy hắn”.

Tên lái phà chạy ngang Abdul, người Thổ kia, và Abdul túm lấy hắn.

Abdul thì to lớn, mà tên lái phà lại nhỏ bé. Abdul túm cổ tên lái phà lắc mạnh, và lôi hắn về phía Stavros.

Abdul: “Thằng khốn nạn!” Rồi quay về phía Stavros: “Tôi tóm được hắn rồi. Đừng lo. Tôi bắt được hắn rồi.”

Sau đó, Stavros và Abdul cùng trên đường đi Ankara. Stavros đi sau con lừa Goochook. Abdul không có hành lý gì, cưỡi con ngựa của hắn ta, hai chân giang rộng, gót chân chấm bụi đường. Hắn cầm theo một chiếc gậy. Hắn to lớn, khoảng giữa tuổi ba mươi, nặng gần trăm ký, và trông thật bí mật.

Stavros: “Tôi không biết nói gì để cảm ơn anh cho xứng đáng.”

Abdul: “Chính tôi mới là kẻ may mắn. Thật vậy, con đường từ đây đến Ankara đầy đầy bọn trộm cướp khốn nạn nhất trên miền đất Thổ Nhĩ Kỳ này. Trên một con đường như vậy, thật là may mắn cho tôi được gặp người anh em cùng đi. Đúng không người anh em.

Hắn xoa hai ngón tay trở vào nhau, một cử chỉ mà hắn sẽ còn lặp lại nhiều lần.

Stavros: “Anh đừng nói vậy. Tôi mới chính là người may mắn.”

Abdul: “Anh có nụ cười thật dễ thương”. Giọng hắn trở nên say sưa: “Anh và tôi. Chúng ta thành đôi bạn kết nghĩa.” Hắn lại xoa hai ngón tay trở vào nhau: “Tất cả những gì của tôi đều là của anh, cũng như tôi biết chắc rằng tất cả những gì của anh đều là của tôi.”

Stavros nhìn hắn bằng ánh mắt nghi ngại. Nhưng Abdul trông thật cởi mở, thân thiện quá, làm cho Stavros trở nên yên tâm ngay.

Thì giờ trôi qua. Buổi trưa thật nóng bức. Hai người đều mệt mỏi. Con lừa Goochook hơi loạn choạng. Abdul dừng lại.

Abdul: “Này người bạn kết nghĩa của ta, lòng ta đau quặn lại khi thấy con lừa của bạn cố gắng chở những món đồ nặng nề bạn đặt lên lưng nó. Tôi tin chắc rằng ngay lúc này, Thượng Đế, Đấng nhìn thấy mọi sự, đang tự hỏi: bao giờ thì chàng thanh niên hay mĩm cười kia – Stavros bỗng tắt nụ cười – cuối cùng nhận ra rằng hắn đã làm khổ con vật nhỏ bé đáng thương. Anh có nghĩa là có thể như vậy không hở? người anh em”.

Stavros: “Không. Tôi muốn nói!...Phải...Phải. Tôi nghĩ có lẽ...”

Abdul: “Nếu vậy, thì dù cho con vật của tôi có không muốn chẳng nữa, chúng ta cũng phải bắt nó chia sẻ gánh nặng với con vật của anh”.

Stavros: “Ồ! Không?”.

Abdul: “Tôi tha thiết van anh. Những gói thịt sấy kia nặng quá”.

Stavros: “Nhưng nếu làm vậy thì anh phải đi bộ sao?”

Abdul: “Có sao đâu”. Hắn vội nhảy xuống khỏi lưng con vật: “Lại đây! Một khi chúng ta đã là bạn kết nghĩa với nhau đi chung một đường, thì những con vật của chúng ta cũng nên kết nghĩa huynh đệ với nhau. Đây. Giúp tôi một tay”.

Hắn bắt đầu tháo những sợi dây buộc những vật trên lưng con lừa. Bây giờ cả hai con vật cùng mang nặng trên lưng. Họ lại tiếp tục đi. Sau đó, khi mặt trời lặn, họ dừng lại trên một ngọn đồi nhìn xuống thành phố Mucur.

Abdul: “Người anh em kết nghĩa của ta ời, tôi biết rõ thành phố kia lắm. Tôi đã từng là nạn nhân khốn khổ của nhiều tên cướp trong thành phố Mucur này. Vậy chúng ta nên ngủ đêm trên ngọn đồi này.”

Stavros: “Nếu anh đã khuyên vậy. Nhưng chúng ta lấy gì ăn?”

Abdul nhìn sang những gói thịt sấy. Stavros để ý đến cái nhìn đó.

Abdul: “Tôi biết anh đang nghĩ gì. Nhưng tôi không để cho anh làm như vậy được. Tha rằng tôi nhịn đói. Thề danh dự đó”.

Họ dọn dẹp một chỗ nghỉ tạm bên đường và đốt một đồng lửa. Abdul ăn thịt sấy một cách ngon lành, thưởng thức mùi vị của thịt. Stavros nhìn hắn ta.

Abdul: “Ăn đi chứ. Ăn đi người anh em của tôi. Thức ăn là sức mạnh mà. Chúng ta phải đi chín mươi ngày mới đến Ankara. Rồi... chắc anh còn đi tiếp nữa.”

Stavros: “Phải. Đến Constantinople. Người chú họ của tôi có một cửa hiệu bán thảm rất phát đạt ở đó.”

Đầu óc Abdul chú ý đến một vấn đề khác rồi: “Tôi để ý thấy suốt ngày nay anh không lúc nào cởi áo ngoài ra. Anh không thấy nóng nực sao?”

Stavros: “Ờ...Không...Hơi nóng thôi.”

Chàng bắt đầu cởi áo, rồi lại thôi. Abdul mỉm cười, xoa hai ngón tay trở vào nhau, nhấp nháy mắt.

Sang một ngày khác. Ánh nắng trưa trên con đường đến Ankarra chiếu xuống chói chang. Hai lữ hành bần thủ và mệt nhọc, cố gắng trèo lên một sườn dốc đầy sỏi đá. Abdul dừng lại.

Abdul: “Tôi không đi nổi nữa.”

Hắn ngồi xuống và tháo một chiếc giày ra, mặt nhăn nhó.

Abdul: “Người ta kể rằng Đấng Tiên Tri đã đi chân đất, nhưng chắc hẳn ngài đã đi trên những con đường khác không giống con đường này. Anh coi”.

Hắn đút ngón tay vào một lỗ thủng nơi đế giày.

Abdul: “Tôi tưởng đôi giày này đủ xài suốt con đường này, nào ngờ. Nhưng khi đó tôi tính cởi lười đi suốt đường chớ. Tôi không chuẩn bị đi bộ nhiều thế này. Anh nghĩ sao?”

Stavros: “Ờ...”

Abdul: “Không, không. Lạy Chúa. Không. Tôi đọc thấy ý nghĩa của anh. Trên nét mặt: thằng Abdul, con lười Abdul bây giờ trở thành gánh nặng đối với ta. Thôi, tôi đang ngồi lỳ trên chỗ này cho đến lúc chết mục. Thề danh dự đó.”

Trong một tiệm giày giữa phố chợ của thị trấn kế tiếp, Kursehir, Abdul đang thử một đôi giày mới. Đây là một đôi giày kiểu cách, không thích hợp để đi bộ nhiều trên những con đường gồ ghề đá sỏi/ Abdul mặc cả với chủ hiệu trong lúc Stavros lờ ngó bên cạnh.

Abdul: “Ông không thấy xấu hổ sao? Ông đúng là người dám ăn trộm cả của mẹ ruột ông. Ông thử suy nghĩ lại coi, người anh em của tôi đây vừa bán một miếng thịt sấy lớn, một trong những miếng ngon nhất mà gia đình nó ủy thác cho nó...”

Ông chủ hiệu: “Giá đôi giày như vậy đó, không mua thì thôi.”

Abdul quay sang Stavros: “Tôi cố gắng hết mình rồi...”

Stavros không trả lời. Chàng cầu mong sao đừng bao giờ dính gì đến thằng cha này. Sau một lúc, chàng đành cho tay vào túi.

Rồi họ lại lên đường đến Ankana. Trời nóng bức. Đường gồ ghề sỏi đá. Abdul đi khập khiễng. Stavros đang cố gắng một cách tuyệt vọng để bỏ rơi thằng cha này.

Stavros: “Đôi giày mới thế nào?”

Abdul: “Đôi giày mới có kẹp. Hai bàn chân tôi bỏng cả lên rồi, đau chịu hết nổi.

Stavros: “Có lẽ anh nên nghỉ lại vài ngày ở thị trấn sắp tới?”

Abdul: “Nhưng còn anh thì sao?”

Stavros: “Tôi phải đi tiếp.”

Abdul: “Đâu có thể như vậy được. Tôi không thể bỏ người anh em kết nghĩa của tôi được. Đừng lo. Tôi không bao giờ bỏ rơi anh đâu.”

Hắn khập khiễng đi theo. Rồi đột ngột dừng lại, vè khổ sở.

Abdul: “Này người anh em của tôi. Tôi cần phải uống một cái gì. Lồng tôi khô héo. Tinh thần khao khát. Tôi cần phải uống một hớp rượu! Anh không thể nào từ chối tôi một cốc rượu?”

Stavros và Abdul ngồi vào một chiếc bàn trong một quán cà phê ngoài trời ở thành phố Zordagh, một nơi ghé chân của những đoàn lạc đà và la. Nơi đây cung cấp đủ những gì mà những người cưỡi lạc đà hay la mong ước sau một tuần lễ hành trình trên cao nguyên khô cháy. Nơi đây là một thành phố hung bạo.

Abdul bắt đầu say sưa. Stavros, nạn nhân của hắn, ngồi nhìn hắn, vẫn tìm cách nào để thoát khỏi hắn. Một cơn goings bão chừng như sắp đến. Một người hầu bàn bưng thêm một cốc rượu cho Abdul.

Abdul: “Tôi xin thú thực là tôi không đủ tiền trả cốc rượu này.”

Stavros: “Anh có trả tiền những cốc kia đâu mà lảm chuyện?”

Abdul: “Người anh em không nên nhắc nhở tôi rằng lúc này tôi không được khấm khá. Dù sao trong tình bằng hữu, chỉ có một qui luật duy nhất: cái gì của bạn là của ta, và cái gì của ta là...”

Stavros không nhin nhục nổi: “Nhưng anh không có một thứ gì hết!”

Abdul vẫn nhần nhin: “Đấng Tiên Tri đã phán dạy: ai có thể đánh giá được sự khôn ngoan?”

Stavros: “Đấng Tiên Tri có nói sao cũng mặc, đây là cốc rượu cuối cùng mà tôi trả cho anh.”

Stavros trở nên tức tối và ngồi im. Abdul tìm cách làm cho chàng chú ý. Hắn lại xoa hai ngón tay vào nhau một cách đùa cợt. Nhưng hắn vẫn không làm cho Stavros chú ý tới. Rồi Abdul bật khóc.

Stavros: “Bây giờ lại đến chuyện gì nữa đây?”

Abdul: “Anh đang cầu mong thà rằng đừng bao giờ gặp tôi. Công nhận đi! Công nhận đi thôi!” Stavros không trả lời, hắn lại tiếp: “Vì một lý do nào đó, anh không dám ní ra một điều hiển nhiên. Vậy mà tôi từng hy vọng có thể đi chung với người anh em của tôi trọn đoạn đường. Mới tuần trước đây có một người bị giết trên khoảng đường từ đây đến Ankara. Đúng ra, không xa thành phố này bao nhiêu, trên khoảng đường đến Ankara.”

Hắn uống ngụm rượu. Mưa đột ngột rơi xuống.

Abdul: “Anh nhìn đó, trời còn khóc thương cho tôi nữa là...”

Đây chỉ là một trận mưa đám mây. Cả hai người chạy đi dắt lừa tìm chỗ tránh mưa. Họ tìm thấy một quán trọ và dắt hai con vật vào chuồng. Mưa rơi nặng hạt hơn. Stavros chạy vào trong quán. Abdul làm như sắp chạy theo, nhưng rồi quay trở lại với đôi lừa. Hắn tháo hết đồ đạc trên lưng con lừa Goochook xuống rồi đi về phía khác.

Lát sau trong quán Stavros ngồi một mình bên một chiếc cửa sổ nhìn trời mưa, đợi chờ. Abdul bước vào với hai người đàn bà, hắn cầm một chai rượu. Mấy người đàn bà béo mập, đàn bà tóc sói. Họ dắt theo một con gấu buộc vào đầu một sợi xích sắt. Họ đã uống khá nhiều rượu – kể cả con gấu.

Abdul: “Này người anh em. Tôi đã quyết định sẽ không bỏ người anh em.” Stavros nhìn hắn chòng chọc. Hắn tiếp: “Anh có vẻ như không vui mừng về chuyện đó như tôi. Nụ cười dễ thương của anh đâu mất?” Stavros vẫn không trả lời. Hắn lại thêm: “Tôi phải thú tội với anh. Tôi đã bán hết chỗ thịt sấy còn lại rồi.”

Stavros: “Anh đã bán...”

Abdul: “Tôi bán dùm cho anh mà. Tôi thề. Tục ngữ có câu: giây căng quá phải đứt. Anh xem đây này. Chingana!” Hắn vẫy tay gọi một người đàn bà lại gần: “Nàng Chingana này đây bây giờ thuộc phần anh. Tôi không

biết con vật kia tên gì. Nhưng chúng ta sẽ tìm hiểu chút nữa đây. Tôi tin rằng con gấu cũng thuộc giống cái.” Hăn hát to lên, nhảy múa. Con gấu cũng nhảy múa theo.

“Đáng thương cho gã đàn ông nào không có đàn bà.

Đáng thương thay!

Đáng thương cho ai không có bạn tri âm,

Đáng thương thay!

Như vườn thiếu nước.

Như một bữa ăn thiếu rượu.

Như trời không có trăng.

Như một khuôn mặt không có đôi mắt.

Đáng thương thay!”

Có một cái gì bùng giậy trong đầu óc chàng trai. Chàng nhảy xổ đến Abdul. Một trận ẩu đả ngăn ngui và quyet liệt diễn ra. Abdul dùng một thành ghế đập Stavros ngất xỉu. Rồi hăn đứng ngắm nghía nạn nhân của hăn nằm mê man với vẻ mặt đầy thương xót.

Abdul: “Tội nghiệp. Tội nghiệp. Này, Chingana, cầm chân nó đi. Hăn là một người dễ thương. Đi nào.”

Cả ba người khiêng chàng trai lên lầu.

Lát sau, trong căn phòng trên lầu của chiếc quán trọ. Abdul và Chingana, cả hai đều say khướt, lay gọi Stavros.

Abdul: “Người anh em ta ơi. Nay người anh em. Đừng lo sợ gì cả nghe. Bạn ngủ nhưng có ta thức. Ta đang trông chừng những đồ đạc quý báu của bạn. Tôi đã mang lên đây cho khỏi bị ướt mưa.”

Stavros thức dậy với một ý chí phục thù.

Stavros: “Lạy Chúa!”

Chàng nhảy đứng lên và nhìn quanh quất.

Abdul: “Tất cả mọi món đồ của anh đều có ở đây cả.”

Stavros: “Những chiếc khăn của em gái tôi đâu cả rồi?”

Lúc đó người đàn bà được Abdul gọi là “Con vật kia” từ phòng bên đi vào, trên người chỉ khoác một tấm chăn dành làm của hồi môn của Athena, em gái Stavros. Nàng làm một điệu vũ uốn éo.

Stavros ghé tởm: “Cô làm trò gì kỳ vậy?”

Abdul ôm choàng lấy “Con vật kia” và vuốt ve âu yếm, sờ soạng, nắn nót những phần thân thể mềm mại.

Abdul: “trong lúc anh ngủ say, người đàn bà này đã đem đến cho tôi những lạc thú không thể tả hết được. Ôi...A...”

“Con vật kia” say khướt. Tóc nàng rối vò, và hai hàm răng dài vàng khê phô bày hết ra, đôi mắt đỏ ngầu của nàng long lên. Nàng uốn éo khêu gợi, trên thân thể chỉ có duy nhất tấm chăn, đồng thời cố làm điệu bộ giống như một mệnh phụ.

Stavros tức tối, giận dữ: “Áo khoác của tôi đâu?”

Tất cả cười âm lên.

Abdul: “Anh đang mặc trong người đó.”

Stavros vội sờ gấu áo. Abdul có vẻ buồn phiền, phật ý.

Abdul: “Anh đã sỉ nhục cha tôi, khi anh làm cử chỉ đó, cha tôi đã dạy tôi phân biệt điều phải với điều trái. Người anh em ơi, tôi là một người biết nhẫn nhịn, nhưng anh đã sỉ nhục đến mẹ tôi, tiếc thay, đã khuất từ lâu.”

Abdul lau nhàu trong miệng. Stavros bắt đầu tóm gom các đồ vật lại.

Abdul: “Nhưng tôi sẵn sàng tha thứ cho anh. Bây giờ anh trông đây. Tôi biết dưới mắt anh nàng giống một con vật. Nhưng anh không nên quan tâm đến bề ngoài. Hãy tìm vào tận linh hồn nàng đi. Hãy mang nàng vào phòng kia đi.”

Chợt hần nhẩy đến ôm chầm lấy Stavros thật chặt: “Tôi chưa bao giờ gặp một người nào dễ thương và rộng lượng như anh. Cuộc hành trình này đã trở nên một kỷ niệm đáng ghi nhớ nhất trong đời tôi.”

Hắn bắt đầu hôn Stavros tới tấp. Stavros xô gã say ra.

Stavros: “Còn tấm thảm kia của tôi đâu? Tấm nhỏ đó!”

Abdul nhăn nhó, đau khổ: “ Người anh em, tôi xin anh, đừng dùng cái giọng đó nói với tôi!”

Stavros: “Không cần phải để ý đến giọng nói của tôi. Đâu! Tấm thảm nhỏ của mẹ tôi đâu rồi?”

Chàng nhào vô Abdul, túm lấy cổ hắn. Abdul yếu xìu vì say rượu và vì chầu làm tình vừa rồi, không đủ sức tự vệ. Người đàn bà thét lên.

Stavros: “Đồ súc vaath! Tắm tắm của mẹ tao đâu rồi?”

Bây giờ chủ quán chạy vào, theo sau còn có một người phu khuân vác, hai người chủ lạc đà. Họ kéo Stavros và Abdul ra, nhưng Stavros vẫn la hét.

Stavros: “Tắm tắm của mẹ tôi đâu rồi?”

Abdul chỉ chủ quán: “Tôi đưa cho ông ta rồi.”

Stavros: “Cho ông này? Mà trao những tắm tắm của tao cho ông này? Để làm gì? Để làm gì mới được chứ?”

Chàng quay sang chủ quán. Ông ta là một người khỏe mạnh. Dĩ nhiên ông ta phải khỏe mạnh mới có thể điều khiển một cái quán loại này. Ông ta hét trả lời: “Để làm gì? Để làm gì hả?”

Bây giờ thì Abdul lại phải can gãi chủ quán ra, để ông ta không xé nát chàng trai thành từng mảnh. Cùng lúc hăn trách nhẹ Stavros: “Người anh em, người anh em. Suyt! Bớt giận. Lịch sự một chút nào...”

Ông chủ quán: “Để làm gì hả? Thì để trả tiền phòng đêm qua cho mà.”

Hừ! Để làm gì!

Abdul quay sang gã chủ quán: “Thôi...Thôi...Chúng ta đều là những người lịch sự cả.” Rồi hăn quay sang Stavros: “Này người anh em, tôi xin nhận lỗi trong việc này.”

Stavros: “Trả lại tắm tắm của tôi cho tôi!”

Chủ quán: “Thì trả tiền phòng cho tôi! Bằng tiền mặt. Vả lại anh coi tắm tắm kia là loại gì? Tắm Ba Tư chắc? Đó chỉ là tắm giẻ mà tôi lấy làm xấu hổ không dám để cho bạn bè nhìn thấy, vì vậy tôi dùng lót ở sàn phòng tiêu để thấm nước.”

Vừa nói chuyện, Stavros vừa hối hả tom góp các đồ đạc của chàng lại. Abdul quì xuống trước mặt chàng.

Abdul: “Hồi người anh em. Chỉ có tôi đây là hoàn toàn có lỗi. Tôi xin anh tha thứ cho tôi. Nếu anh không tha thứ, tôi không thể nào sống được.”

Hăn tính ôm chầm lấy chân Stavros, nhưng chàng trai nhảy tránh được, và tiếp tục gói ghém đồ đạc của chàng.

Abdul: “Trước mặt tất cả những người ở đây, tôi xin anh tha thứ cho tôi. Anh đừng bắt tôi phải quì hoài như vậy. Đừng làm nhục đến linh hồn tôi

như vậy.”

Rồi đột ngột giọng Abdul thay đổi. Abdul: “Này người anh em, tôi chưa bao giờ quì gối trước một người Hy Lạp.”

Stavros không cần để ý, đi ra ôm theo những đồ vật của chàng.

Abdul vẫn còn quì gối: “Này, người anh em, tôi cảnh cáo người anh em biết. Với một người Thổ thì chỉ có thể là bạn hay ...ngược lại. Tôi cảnh cáo anh đó.”

Stavros đã ra ngoài. Abdul chậm rãi đứng lên, phủi bụi nơi đầu gối. Đột nhiên hẳn trở nên tỉnh táo lạ thường.

Abdul: “Đáng tiếc. Thật đáng tiếc. Thôi đành. Thôi đành vậy.”

Trông hẳn có vẻ độc ác. Hẳn đã nói sự thật: hẳn khoái chàng trai này và hẳn cảm thấy đã bị sỉ nhục. Hẳn lại xoa hai ngón tay với nhau một cách điệu cợt rồi đưa một ngón tay vạch ngang cuống họng.

Sáng ngày hôm sau. Mặt trời chói chang. Stavros và Goochock đã đi suốt đêm trên con đường đến Ankara và cảm thấy mệt lả. Dọc theo đường lộ chỉ có một con đường xe hỏa duy nhất. Một chuyến tàu nhỏ chạy qua Stavros không buồn nhìn lên.

Từ một cửa sổ trên toa xe. Abdul đã nhìn thấy nạn nhân của hẳn.

Chiều hôm đó, Stavros và con lừa Gooc-hook đã đến vùng phụ cận thành phố Soose-hir. Stavros vừa đi vừa ngủ gật, chợt ngẩng đầu lên và nhìn thấy hai cảnh sát viên đang chăm chú nhìn chàng.

Stavros dắt con lừa, đi ngang qua hai cảnh sát viên. Bỗng nhiên hai người cảnh sát viên nhào vào chàng. Chàng cố vùng vẫy, phản kháng nhưng vô ích. Họ lôi chàng đi.

Stavros: “Tại sao? Tại sao? Tôi làm gì nên tội?”

Phiên tòa trong thành phố này diễn ra trong một gian phòng xập xệ, ngay trong nhà của quan tòa. Quan tòa ngồi xếp bằng trên nền nhà, đằng sau một bàn thấp. Có một giọng nói quen thuộc.

Abdul đứng đó, đúng là hình ảnh công chính bị xúc phạm.

Abdul: “Thưa quan tòa, tôi đã kê khai xác thực nét đặc biệt mỗi món.”

Stavros đứng giữa hai người lính gác, hét lên: “Láo, láo, láo!”

Người cảnh sát đứng cạnh đưa tay bịt miệng chàng, và đấm chàng ngã nhào xuống: “Im, thằng ăn trộm!” Quan tòa chỉ chú ý chút đỉnh đến chi tiết nhỏ mọn đó. Ông quay qua một gã thư ký đang cầm tờ giấy kê khai tài sản của Abdul.

Quan tòa: “Đọc đi!”

Người thư ký đọc lên. Đến món nào, cảnh sát viên lại kiểm soát món đó.

Gã thư ký: “Một tấm thảm Hamedan. Màu hồng và xanh thẫm. Một góc đã mòn, sờn.”

Abdul: “Coi đây!”

Cảnh sát viên: “Đúng như mô tả.”

Quan tòa nói nhỏ: “Tấm thảm đẹp thiệt!”

Cảnh sát viên: “Một tấm chăn, màu vàng, được dệt ở nhà, do những cô em thân yêu của tôi.”

Abdul nhìn Stavros một cách tức giận. Stavros đứng đó, đầu hơi cúi, mặt quay đi. Không ai nhìn thấy chàng đã tháo chéo áo khoác ra và vội vàng nuốt vào bụng đồng bạc này đến đồng bạc kia.

Gã thư ký: “Rồi trong chéo áo khoác.”

Stavros ngừng nuốt.

Abdul: “Thưa quan tòa, xin ngài buộc bị cáo cởi chiếc áo khoác của hắn ra.”

Quan tòa: “Cởi áo khoác ra.”

Hôm nay trời nổi gió. Stavros không còn áo khoác ngoài, không còn lừa, không còn một món đồ nào cả, chậm rãi đi trên con đường đến Ankara dưới bóng hoàng hôn. Chàng nhìn lui và thấy Abdul ngồi trên lưng con lừa. Goochook đang chạy rước kiệu. Bàn tay của Stavros đặt vào con dao găm để yên đó.

Con lừa đã đuổi kịp Stavros. Abdul đi song song cạnh Stavros, cất tiếng thân mật, tự nhiên nói với nạn nhân của hắn. “Sau khi anh bỏ đi, tôi phải trải qua những giờ khổ sở. Mấy thằng cảnh sát đó không có lương tâm chút nào cả. Rồi cả quan tòa nữa. Lạy chúa! Hắn đề nghị chia những tài sản mới của tôi. Rồi khi tôi từ chối, họ tự chia nhau. Quan tòa đặc biệt ham thích

mấy tấm thảm. Luật pháp xứ này rất cần được cải tổ.” Stavros không trả lời. Hăn tiếp: “Coi đây, để tôi cho anh thấy tôi còn lại những gì.”

Hăn chìa tay ra, trên bàn tay còn đôi bông tai của em gái chàng, cái tượng ảnh của mẹ chàng, và một đồng tiền duy nhất. Stavros bàn tay vẫn còn đặt trên chuôi con dao găm, không thém quay lại.

Abdul: “Không còn gì. Anh thấy đó. Không còn gì.” Vẫn không có trả lời. “nhưng còn thiếu vài đồng tiền. Theo tôi tính thì khoảng chừng sáu đồng. Tôi đi đến kết luận là anh đã nuốt vào bụng những đồng đó. Không? Tôi đã thấy anh nuốt mà. Lúc đó tôi tự nhủ: nên để lại cho nó vài món, tội nghiệp nó. Nhưng bây giờ tình thế đã đổi khác.” Hăn lại chìa tay ra. “Anh thấy đó. Tôi không thể nào rộng rãi được”. Không ai trả lời. “Tôi phải công nhận là anh đã tỏ ra nhẫn nhục đối với tôi. Nếu tôi ở vào địa vị anh, thì tôi đã rút con dao mà anh đang cầm trong tay ra từ lâu và sử dụng nó đúng chỗ. Nhưng người Thổ chúng tôi thô bạo còn người Hy Lạp các anh văn minh. Tôi muốn được như anh. Anh đã học được cách chịu đựng những rủi ro ở đời, nuốt nhục nhã, uất hận, và mỉm cười được. Quả thật tôi muốn được như anh.” Hăn nhìn chàng, thán phục. “Sao...” Những đồng tiền kia? Chưa thấy triệu chứng gì cả à? Chưa có gì sao? Theo anh nghĩ thì chừng bao lâu nữa? Chỉ có trời biết? Nếu vậy...một cốc rượu nhé?”

Stavros không tỏ dấu đã nghe. Abdul nâng chai rượu lên tu một hơi dài.

Mặt trời đã lặn. Stavros ngồi quay lưng vào mấy tảng đá. Abdul ngồi xa xa phía trước bây giờ đã say khướt, và không còn đóng kịch nữa.

Abdul: “Anh quả thực là một thằng hèn! Thử tưởng tượng nếu tôi ở vào địa vị anh, tôi sẽ làm gì?”

Mặt Stavros nóng bừng vì nhục nhã xấu hổ.

Abdul: “Anh chỉ dám ngồi yên, mỉm cười và nuốt hận. Tồi. Rất tồi. Tôi đã từng giết những người như anh, và thấy không khác gì giết cừu. Chỉ cần thọc dao vào bất cứ chỗ nào, là mạng sống chảy thoát ra. Ngoáy một hai nhát, và thế là xong việc. Uống một ngụm rượu đi. Không? Dĩ nhiên là không uống. Anh không uống rượu, không chống trả, không biết chơi gái. Như vậy anh là loại người gì?” Hăn ngáp, nằm xuống. “Tôi không thể phí thì giờ thêm được nữa. Nhưng rủi là tôi không có khí giới gì cả. Vì vậy tôi

cần phải mượn con dao của anh. Không? Chịu? Sao? Sao anh không nói gì cả vậy? Anh sợ không dám nói chuyện nữa sao? Anh có coi trọng sinh mạng của anh không? Tôi không hiểu bọn anh là người như thế nào? Bọn anh có khác gì đàn cừu không? Chúng nó cũng không hề chống trả để bảo toàn mạng sống của chúng. Trời tối rồi. Có lẽ đã đến lúc chúng ta chơi với nhau ván chót. Thôi, tôi để anh vài phút. Tôi đọc kinh chiều đã. Rồi sau đó...”

Abdul đứng lên, trái tim thăm đọc kinh của hắn xuống đất, và bắt đầu đọc kinh, Stavros biết rằng chỉ có lúc này, hay sẽ không bao giờ còn cơ hội. Bàn tay chàng nắm chặt chuôi dao.

Lúc Abdul quì gối và cúi đầu cầu kinh, Stavros với sự lạnh lẽo của tuổi trẻ, nhào lên lưng Abdul, đâm con dao vào nhiều lần, Abdul hét lên kinh hãi. Con lừa Goochook sợ sệt bỏ chạy. Stavros đứng lên, run rẩy. Chàng ngó quanh quất một cách lăm lét để xem có ai chứng kiến không.

Con lừa chạy thục mạng như có ai đuổi theo ăn thịt nó.

Stavros cuống quít gọi lớn: “Goochook! Goochook.”

Stavros nhìn thấy con lừa hoàn toàn mất dạng sau một mô đất. Sự hoảng sợ của con vật chuyển sang chàng. Chàng bắt đầu chạy. Rồi chợt dừng lại. Quay lui, đi đến xác chết của kẻ chàng vừa giết. Một cái gì bắt đầu làm cho tâm hồn chàng trở nên rần rỏi. Chàng lấy hết những món nữ trang và tiền bạc tìm thấy, và đứng thẳng người lên nhìn mấy đồng tiền trong tay. Chàng thở dài, đau khổ, tức giận? Ghê tởm với chính mình. Rồi chàng bỏ tiền vào túi và bỏ đi. Dù không ý thức được, nhưng chàng đã quyết định rằng tự hậu sẽ không để một chuyện tương tự như vậy xảy ra lần nữa.

Cuối cùng, mệt mỏi người, Stavros đã đến chiếc cổng đá to lớn cũ kỹ, đổ nát tại cửa ngõ vào thành Ankara. Đây là nơi dừng chân uống nước của những đoàn lừa, lạc đà. Đây cũng là một cái chợ phiên với những người bán hàng dạo ồn ào, và những đám hành khất đông đảo, với những vết thương lộ liễu trên thân thể họ. Mặt trời lặn dần sau cổng thành.

Stavros bám đầy bụi bặm, trông có vẻ già dặn, rần rỏi hơn.

Chàng tìm được ga xe lừa, với tấm bảng: Ankara. Chàng lôi ra tất cả số tiền còn lại của chàng. Trên bàn tay, cả một nắm tiền lẻ. Chàng quyết liệt

tiến đến quầy vé. Bên cạnh có một tấm bảng quảng cáo Hãng Tàu Vận Tải Lloyd của Đức, chạy sang Mỹ. Trên tấm bảng có hình một chiếc tàu chạy qua dưới chân tượng Nữ Thần Tự Do. Stavros nhìn lên tấm bảng quảng cáo một lúc, rồi nói với người bán vé xe hỏa: “Constantinople!” Chàng đặt tất cả tài sản của chàng lên quầy vé.

Stavros đã đến Constantinople. Chàng khâm phục ngắm nghía sáu tháp chuông cao vút của thánh đường Santa Sophia. Lát sau, người ta thấy chàng đi vào hải cảng Constan-tinople. Ban ngày, đây là nơi rộn rịp nhất thành phố. Chàng nhìn những chiếc xà lan đậu trong hải cảng, những chiếc tàu kéo, những chiếc xuồng đưa khách ra vào, rồi chàng nghe tiếng còi tàu của một chiếc tàu lớn chạy bằng hơi nước. Chàng dáo dác nhìn quanh. Một chiếc tàu chở hàng lớn đang chất hàng lên ở một bên đậu. Một hàng phu khuân vác, ít nhất độ một trăm, đang đi lên xuống chiếc tàu.

Stavros đi vội về phía chiếc tàu. Chàng nhìn lên. Chiếc tàu trương cờ Mỹ.

Vài sĩ quan Mỹ đang kiểm soát công việc bốc hàng, từ trên boong tàu. Những khuôn mặt của họ có vẻ cởi mở, lịch sự. Đột nhiên, Stavros gọi lớn: “America...America...Mỹ...Mỹ...ê, ê, ê?”

Những sĩ quan trên tàu không chú ý đến chàng. Họ đang nhìn theo những đoàn phu khuân vác hàng lên tàu. Một người quá già yếu, ngã quỵ xuống dưới sức nặng của bó hàng. Bó hàng của lão ta lăn sang một bên. Ba người ở trên bến tàu chạy lại.

Stavros theo bản năng mà chính chàng không ngờ nữa, cũng đi về phía bó hàng, để giành việc. Một trận ẩu đả dữ dội diễn ra. Cả bốn người đều giành nhau việc làm. Stavros giành giật như một thú dữ. Tất cả bao nhiêu giận hờn bị dồn ép bấy lâu nay bùng nổ ra. Chỉ vài giây sau, chàng đã đoạt được bó hàng của lão già và giành được việc làm. Chàng cười gằn khi nâng bó hàng lên lưng, rồi bước lên chiếc cầu ván với vẻ đắc thắng hiện rõ.

Viên sĩ quan Mỹ đã nhìn vụ ẩu đả. Lúc Stavros đi ngang qua mấy sĩ quan chàng vác bó hàng một cách hãnh diện. Viên sĩ quan phụ trách: “Chào chú bé!”

Stavros ưỡn ngực, huyết sáo, vênh váo, hãnh diện vì đã đắc thắng, và thoãn thoắt dưới sức nặng của bó hàng. Ba tiếng còi tàu hú lên, tưởng như mừng chiến thắng của Stavros.

Lúc chiếc tàu chất đầy hàng, bắt đầu ra khơi, thì mặt trời cũng vừa mọc. Cách bờ chừng hai trăm thước, còi tàu lại hú lên ba lần, chào tạm biệt.

Bến tàu bây giờ trống vắng, ngoại trừ một bóng dáng đơn độc. Stavros đứng nhìn theo con tàu đang ra khơi. Chàng đã đến gần giấc mộng của chàng. Và bây giờ, chàng buồn bã quay mình rồi bỏ đi.

Khu bán hàng tạp hóa chiếm một góc thành phố gồm những con đường hẹp, hai bên đường nối tiếp nhau những cửa tiệm có cửa kính che kín. Lúc này là giờ mua bán nên khu tạp hóa đông kinh khủng. Những người bán hàng tranh giành nhau tràn ra lối đi giữa, hàng bày trên tấm giấy đặt trên mặt đường.

Stavros cầm một mảnh giấy nhỏ trong tay, hỏi đường đi, sau khi được chỉ dẫn lại tiếp tục cất bước. Tiếng huyên náo thật nhức tai.

Đến một góc khu phố, bỗng dừng yên tĩnh hẳn lại. Đây là khu những cửa hiệu bán thảm. Stavros dơ mảnh giấy trên tay, rồi đi dọc theo một cửa hiệu bán thảm, đọc những số nhà và tên cửa hiệu.

Những cửa hiệu này vắng quá. Stavros dừng lại. Chàng đã tìm thấy cửa hiệu “Công Ty Thảm Ba Tư Topouzoglou”. Stavros ngắm nghía mặt tiệm cửa hiệu nhỏ, tối tăm. Bên trong vắng như một nhà mồ. Stavros cảm thấy thất vọng. Chàng đã tưởng sẽ thấy một “tiệm buôn phát đạt”.

Stavros bước vào. Dừng lại. Không một ai ra gặp chàng. Yên lặng. Rồi chợt chàng nghe rõ một tiếng ngáy lớn, đều đặn. Stavros nhìn quanh tìm xuất xứ.

Người chú họ nằm dài trên một chõng thảm ngủ say sưa. Một tên phu già đi dép bước về phía Stavros.

Giọng Stavros không dấu được thất vọng: “Đây có phải là hang buôn của ông Odysseus Topouzoglou không?”

Người phu: “Đúng rồi. Mời ông vào. Mời ông.”

Rồi hẳn nhìn kỹ lại người khách, trông rõ vẻ rách rưới của chàng, và giọng gã đổi thay lập tức: “Ê, Anh muốn gì? Chúng tôi không cần gì cả.”

Lúc đó, người chú họ trở mình, rồi liên tiếp thốt ra một lô tiếng thở dài, ngáp, lầu bầu. “Á, Á, À, Sịt, Sịt, À, Á.”

Stavros: “Ông ta nói gì vậy?”

Người phu: Ông ta đang than trách trời đất đã sinh ông ta ra trong thế giới như thế này.”

Stavros: “Tôi là cháu ông ta. Bao giờ thì ông ta dậy?”

Người phu: “Lúc nào có khách hàng.” Rồi nhìn xuống chân Stavros: “Ê. Nhìn đất cát anh tha vào! AI sẽ phải quét dọn đây? Lại tôi nữa!”

Lúc đó, chẳng hiểu cái gì đã đánh thức ông chú họ dậy. Ông nhìn quanh, mỉm cười vu vơ, miệng rớt rãi. Ông lau miệng, bầu nhàu. “Á, À.”

Người phu: “Này ông Topouzoglou. Người này nói hẳn là cháu của ông.”

Cửa tiệm tối om. Mắt lão già không được sáng lắm. Hơn nữa, lúc ngủ lão bỏ kính ra. Bây giờ lão lại gần Stavros, thoát tiên cười đơn đả: “Ồ, ồ, mời vô, mời vô”. Rồi khi đeo kính vào, đã nhìn rõ, giọng lão thay đổi hẳn.

Ông chú họ: “Chuyện gì đã xảy ra cho cháu vậy?”

Stavros: “Thưa chú, cháu gặp nhiều rủi ro dọc đường”.

Ông chú họ: “Tội nghiệp. Tội nghiệp.” Quay qua người phu: “Artin. Mau lên. Ngay lập tức. Hai ly cà phê.”

Artin chậm rãi bước đi: “Thưa vâng. Ngay lập tức”.

Người chú họ: “Chú chờ cháu bao lâu nay. Chú rất vui mừng gặp cháu. Theo chú. Ra sau nhà. Chú có sẵn quần áo sạch. Rồi chú sẽ gọi thức ăn trưa cho cháu.”

Người chú họ dẫn Stavros đến một tiệm ăn nhìn ra hải cảng. Được phần khích nhờ chất nghị lực còn lại, ông chú họ biểu diễn một bữa thịnh soạn. Còn Stavros thì như người đói lâu ngày, ăn không thềm chừa cả đầu cá.

Người chú họ: “Chúng ta cần có thêm hàng”.

Từ hải cảng, có tiếng còi tàu vang lên. Stavros quay đầu lắng nghe.

Người chú họ: “Chuyện gì vậy?”

Stavros: “Xin chú tha lỗi cho cháu. Cháu chỉ muốn nói là chú hình như không muốn bán các thứ hàng đang có.”

Ông chú họ: “Cháu nhận xét tinh lắm. Một con cá đối nữa nhé? Chú mời cháu! Mấy con cá nhỏ quá!”

Stavros hãy còn đối: “Chú đã mời cháu xin nhận. Cảm ơn chú”.

Lại có tiếng còi tàu vang lên.

Ông chú họ: “Cháu cũng thấy rằng chú không có những thứ hàng thích hợp cho thị trường ngày nay.”

Stavros chỉ nghe tiếng còi tàu.

Lúc trở về Công Ty buôn thảm Ba Tư Topouzoglou, ông chú họ chỉ cho Stavros xem những xấp thảm của ông.

Ông chú họ: “Ngay khi cháu thạo việc, việc đầu tiên mà chú phải làm là cầm sổ tiền mà cháu mang lên, rồi đi Ba Tư và mua những loại hàng...”

Ông chú ý đến sự im lặng của Stavros. “Cháu làm sao vậy?”

Stavros đành thú nhận: “Cháu không mang lên đồng nào cả.”

Ông chú họ: “Sao...Sao?”

Stavros: “Cháu là một thằng ngu, và cháu bị người ta đánh cắp.”

Ông chú họ: “Cháu giỡn với chú thôi đó chứ?”

Stavros: “Thưa chú không. Cháu lấy làm xấu hổ phải nhìn mặt chú.”

Ông chú họ: “Nhưng cha cháu...”

Stavros: “Cháu rất xấu hổ phải thú thực là đã bị đánh cắp mất hết rồi!”

Lúc đó ông chú họ có vẻ như bị đứng tim. Ông ôm lấy ngực, rên rỉ.

Stavros: “Chú...chú làm sao vậy?”

Ông chú họ đột nhiên hét lên: “Nếu vậy tại sao mày lại chịu đi ăn trưa với tao?”

Stavros: “Thưa chú, cháu đang đói bụng.”

Ông chú họ hết rên rỉ lại gào thét: “Bây giờ mày cút cho khỏi mắt tao. Cút, cút ngay.”

Stavros định bỏ đi, thì ông chú họ gọi lại: “Khoan, khoan đi đã. Ngồi xuống đây. Lạy Chúa, xin cho tôi đủ thì giờ nuốt cơn tức này. Tại sao mày lại ăn bữa trưa của tao? Lại ăn những hai phần nữa chứ. Món gì cũng hai phần. Đúng là ngày tao phải phá sản đây mà.”

Một giờ sau Stavros ngồi một mình trước cửa tiệm. Ông chú họ bước lại gần, cầm theo một cái chổi, hét: “Này, cái thằng phá cửa, quét nhà đi!”

Ông chú họ: “Tao sẽ viết thư nói cho cha mày biết. Ông ta là người đứng đắn...”

Stavros vứt cái chổi và chạy vội lại ông chú họ: “Đừng, xin chú. Đừng để cho cha tôi biết chuyện này. Chú hứa đừng nói gì với cha tôi hết!”

Ông chú họ: “Tao chỉ định nói là cha mày nên...”

Stavros: “Chú muốn giết cha tôi sao chứ? Cha tôi đã đặt hết tin tưởng vào tôi. Chắc ông sẽ không sống nổi nếu...Tôi đang cố gắng để khỏi phụ lòng ông. Tôi có những dự định to lớn lắm. Cả nhà sẽ hãnh diện vì tôi. Nhưng bây giờ thì chưa có gì, chưa có gì cả. Chú nghe không? Chú hứa đi? Chú không viết gì hết nghe chưa?”

Ông chú họ: “Thôi được. Tao hứa. Bây giờ thì quét nhà đi. Thằng phá của!”

Stavros cầm chổi tiếp tục quét. Ông chủ họ đi về phía cửa sổ và nhìn ra đường. Stavros nói một mình: “Họ sẽ hãnh diện vì ta.”

Ông chú họ đứng bên cửa sổ, chỉ ra đường: “Coi đó. Những người giàu đi làm sau bữa trưa bằng xe ngựa, trong lúc tao...” CHợt như bắt được một sáng kiến thần diệu nào, reo lên: “Stavros. Nghe đây.” Stavros ngừng quét. Ông chú họ tiếp: “Chúa nhân lành. Mày nhìn xem.”

Ngoài đường một chiếc xe ngựa, vừa dừng lại trước một cửa tiệm to lớn. Một ông chủ tiệm thảm mấp mạp, giàu có đang bước xuống.

Ông chú họ: “Mày nhìn kỹ đi. Đó là ông Aleko Sinyosoglou!” Một người có nhiều tiền, nhiều hàng họ, và bốn đứa con gái, đứa nào cũng xinh đẹp đến nỗi mỗi ngày ông lại mất dần hy vọng được làm ông ngoại. Mày hiểu chứ?”

Stavros: “Không.”

Ông chú họ: “Chúa giải quyết được mọi vấn đề. Lúc này chúng ta không được phép quân rằng mày là một thanh niên, trông cũng có vẻ bảnh trai, và nếu ăn mặc đàng hoàng thì...Bây giờ mày có hiểu chưa?”

Stavros lắc đầu: “Không” Rồi chàng quay đi ghé tởm: “Lạy Chúa!”

Ông chú họ nhìn lên bướng bỉnh. Bây giờ cơn giận của ông lại bùng lên: “Không sao! Quét nhà đi. Tao sẽ giàn xếp một cuộc gặp gỡ, rồi mày sẽ thấy...”

Stavros lại quét nhà. Rồi đột ngột chàng ném chiếc chổi ra xa, suýt đụng vào người phu lúc đó nhảy dựng lên từ đằng sau mấy tấm thảm giống như một con vật thẹn thùng bị bắt gặp đang lẩn trốn. Không nói một tiếng nào, Stavros đi ra khỏi tiệm.

Sau cửa kiếng văn phòng hang Tàu Vận Tải Lloyd, cạnh những tấm bảng quảng cáo thông thường, còn trưng bày một mô hình chiếc tàu hành khách mang tên The Kaiser Wilhem, chạy đường Constantinople – Nữu Ước.

Stavros bước vào văn phòng. Đến quầy hàng, chàng hỏi người thư ký:

“Muốn đi Mỹ thì phải làm sao?”

Người thư ký nhìn chàng trai qua song mũi: “Phải có tiền”.

Stavros: “Bao nhiêu?”

Người thư ký: “Chắc anh muốn hỏi giá vé hạng ba thôi phải không? Một trăm lẻ tám đồng tiền Thổ Nhĩ Kỳ”.

Đối với Stavros đây là một con số trời trăng. Chàng lặp lại: “Lạy Chúa! Một trăm lẻ tám đồng. Thôi được.”

Người thư ký nhìn chàng một cách khinh bỉ và bỏ đi. Nhưng Stavros đưa tay qua quầy hàng giữ hẵn ta lại. Chàng đưa bàn tay kia chỉ vào ông Phó Giám Đốc, hỏi: “Ông ta là người Mỹ phải không?”

Ông Phó Giám Đốc là người Mỹ chính cống. Trong nhà ông ta cũng đội một chiếc nón rơm, và được những người làm công phục lăm. Gã thư ký đáp “Hoàn toàn Mỹ.” Giọng hẩn kính cẩn như vừa nói đến một vị thần linh.

Nét mặt Stavros biểu lộ một sự thèm muốn tốt độ, và ghen tức đối với người Mỹ, giọng cương quyết: “Tôi sẽ trở lại.”

Rồi chàng đột ngột bỏ đi ra khỏi văn phòng.

Trở lại gia đình của Stavros, cả nhà đang dùng cơm tối. Ông Isaac đang đọc cho cả nhà nghe – bà Vasso, các con, hai bà cô, ông chú già – một lá thư. Ông Isaac đọc:

“Và bây giờ tôi không biết cháu nó ở đâu nữa. Nói tóm lại, nó không đem cho tôi một xu nhỏ nào cả. Nó nói là nó bị ăn cướp giật hết. Tôi cố gắng khuyên bảo, chỉ dẫn nó, vì tôi nghĩ đó là phận sự của tôi. Nhưng nó

đột ngột ném cái chổi vô người phu rồi bỏ đi ra khỏi cửa hiệu, mắt long lên sòng sọc.”

Bà Vasso rên rỉ. Ông chú già bật cười lớn.

Bà Vasso: “Đồ ngu! Có gì buồn cười đâu mà cười?”

Isaac cầm một lá thư khác lên: “Bây giờ nghe đây. Thưa cha. Con không thể giao liên cho ông ta được. Không một khách hàng nào đặt chân vào tiệm của ông ta. Ông ta nằm ngủ suốt ngày trên đồng thảm. Vì vậy con nói với ông ta là con bị cướp giật hết tiền rồi. Nhưng trong lúc đó, con có một dự định lớn, một sáng kiến mới. Con sẽ có tin báo cho cha nay mai. Con đã tìm được một chiều hướng làm ăn khác. Một công việc nhiều hoạt động hơn, vâng thật vậy, hết sức hoạt động.”

Vasso: “Dù sao, lá thư này cũng đem đến cho chúng ta chút tin vui.”

Ông chú già: “Chỉ có trời biết chuyện gì xảy ra ở đó?”

Vasso: “Nó thì luôn luôn chỉ làm có mỗi việc đó.”

Ông Isaac đọc tiếp: “Sức khỏe con vẫn bình thường. Nhờ cha nói với mẹ, bằng cách này hay cách khác con vẫn kiếm được cái để ăn.”

CHƯƠNG III

Trở lại Constantinople, người ta có thể nhìn thấy mười lăm chiếc thùng rỗng chồng lên nhau, đang “lắc lư” đi qua một con đường hẹp và đông. Nếu dưới chồng thùng rỗng này có người thì cũng khó mà nhìn thấy.

Tuy vậy, lát sau, chúng ta có thể nhận ra Stavros đang vác chồng thùng rỗng đó. Hôm nay là một ngày mùa hạ nóng bức, và Stavros ướt đầm mồ hôi, có vẻ mệt mỏi.

Ngồi dưới bóng mát một nhà kho, những người phu khuân vác đang ăn trưa, Stavros không có gì để ăn trưa, nhìn những kẻ khác ăn. Một người phu tên Gabaret, ăn đã no, và định ném mẩu bánh còn lại đi.

Stavros vội ngăn lại: “Đừng. Đừng vất đi.”

Chàng giật lấy và ăn ngẫu nhiên.

Gabaret: “Tại sao mày không lấy vài xu mua bánh mà ăn?”

Stavros mỉm cười. Nhưng nụ cười của chàng bây giờ có một cái gì bí hiểm.

Đằng sau một tiệm ăn. Vào ban đêm, đầu mùa đông. Stavros và vài người nghèo khổ đang đứng chờ ném thức ăn thừa ra. Ngay khi thức ăn ném ra họ vội vàng chạy đến lượm. Một con chó cũng cố gắng chen vào, nhưng Stavros đuổi nó đi.

Gabaret nhìn chàng. Lão là một người có học trong đám phu khuân vác. Lão độ năm mươi tuổi, khôn khéo, chua chát rắn rỏi, Stavros làm lão ta chú ý.

Gabaret: “Ê, anh kia. Coi kìa.”

Lão chỉ ra đường.

Một con lừa mẹ và lừa con mới đẻ đi qua. Chủ hai con lừa đã khuất sau một cánh cửa, bận việc trong chốc lát, Gabaret chế giễu: “Sữa tươi đó.”

Ngày tháng trôi qua, tháng mười một lạnh và mưa nhiều, Stavros và Gabaret đang làm việc. Bây giờ Gabaret thấy thương chàng thanh niên, và họ làm việc cặp chung với nhau. Stavros rắn rỏi, dẻo dai.

Lúc này là buổi chiều một ngày dài đen tối, u ám, và cũng là lúc những người phu khuân vác được trả tiền. Vài con điếm trẻ đứng chờ gần đó. Một con điếm khá hấp dẫn, nhìn Stavros chăm chú.

Gabaret: “Tao lạnh quá. Đêm nay tao cần ngủ với gái. Mà có muốn đi theo tao không?” Stavros lắc đầu. Lão tiếp: “Tao trả tiền cho mày mà.” Stavros lại lắc đầu. “Mày cần món đó.”

Gabaret làm một cử chỉ thô bỉ diễn tả cái sự cần thiết đó. Stavros không thèm nhìn. “Tôi chẳng cần gì cả”.

Gabaret: “Mày đã bao giờ ngủ với gái chưa?” Stavros lắc đầu. “Mày có muốn ngủ với một con không?”

Stavros: “Cha tôi không muốn tôi làm chuyện đó”.

Gabaret làm một cử chỉ thô tục chế giễu cha của Stavros. Lúc đó, Stavros vừa được trả tiền công và bỏ đi.

Gabaret: “Mày đi đâu đó?”

Stavros: “Tôi còn phải làm một việc khác.”

Gabaret: “Lúc này? Việc khác? Ban đêm?” Stavros gật đầu. “Cầm cái này”. Lão trao cho Stavros cái móc hàng mà những người phu luôn luôn mang theo người. “Thà mày lấy cái này để tự tử còn hơn”.

Việc làm ban đêm của Stavros là rửa chén bát trong một tiệm ăn. Mặt chàng trắng bệnh như xà phòng. Một con bếp, khoảng mười lăm tuổi liếc mắt với chàng. Chàng chăm chú vào công việc. Cô ả đành thôi, kiểm thức ăn.

Một buổi sáng mùa đông. Tuyết rơi. Trong một nhà kho thaapsm nơi chứa những chiếc xe kéo được dùng để chở thực phẩm, hàng hóa từ kho ra chợ, hay từ chợ này đến chợ khác, Gabaret đi lại phía một chiếc xe kéo, và lay gọi một người nằm đó. Stavros nhảy dựng lên, rút dao ra, như một con thú dữ, sẵn sàng đối phó với mọi đe dọa.

Stavros: “Té ra ông ở đây, đâu cũng đầy đầy bọn trộm cắp. Như ranh. Mấy giờ rồi vậy?”

Gabaret: “Dậy đi thôi. Đến giờ rồi. Người ta bắt đầu làm việc cả rồi. Mày không lạnh sao? Stavros lắc đầu. “Tối nay mày đến nhà tao mà ngủ”. Stavros lại lắc. “Mày cần ngủ được một giấc ngon”.

Stavros: “Tôi không cần gì cả”.

Rồi với vẻ lanh lẹn vui tươi, chàng nhảy xuống khỏi chiếc xe kéo.

Stavros: “Lạy Chúa. Thôi đi. Đi. Ông bạn già”.

Stavros và lão già kéo hai chiếc xe kéo tay qua những con đường ngập tuyết, song song bên nhau.

Gabaret: “Tiền vé tàu bao nhiêu?”

Stavros: “Một trăm lẻ tám đồng.”

Gabaret: “Bây giờ mày được bao nhiêu rồi?”

Stavros: “Việc gì đến ông!”

Gabaret: “ Bao nhiêu rồi?”

Stavros: “Bốn đồng mấy cắc. Rồi sao?”

Gabaret: “Mày hy vọng sống bao lâu nữa?”

Stavros không trả lời. Huýt sáo một cách bực bội. Gabaret nhìn chàng.

Gabaret: “Cái áo đệm lót lưng của mày mục rồi!”

Thời tiết thay mùa. Ánh nắng vàng vọt chiếu xuống khu chợ. Mùa xuân đã sang. Một cuộc cãi vã diễn ra. Một người phu từ chối vác một kiện hàng quá nặng. Hắn ta ném kiện hàng xuống đất.

Người phu: “Kiện hàng này chỉ có súc vật mới chịu nổi. Đi kiếm một con lừa!”

Người cai nhìn quan tùm kẻ không bao giờ từ chối một công việc nặng nhọc nào. Hắn gọi lớn: “Ê! Mỹ! Mỹ!”

Stavros đang ngồi trên lề đường vá lại tấm đệm lót lưng nghe gọi, đứng lên, khoác tấm đệm lót lưng lên vai, xóc xóc cho ngay ngắn trên lưng rồi chạy lại bên người cai. Chàng đã phải chấp nhận đương đầu với những người phu khác trong công việc, vì họ ghen tức với chàng, khó chịu với chàng, một người không bao giờ từ chối bất cứ công việc gì. “Mỹ! Mỹ!” tiếng đôi đó đã thành biệt hiệu của chàng và được gọi lên với tất cả giọng khinh bỉ có thể có được bởi những đồng nghiệp của chàng.

Thời gian trôi qua. Mùa hạ lại đến. Gabaret đi qua khu chợ, trộm một trái dưa hấu từ một chiếc xe đi ngang. Lão đi về phía Stavros, đang nằm ngủ trên một đống rau cải thối. Chàng trai ôm chặt tấm đệm lưng dùng để

khuôn vác, làm như đó là tất cả gia tài trên đời này của chàng. Mặt chàng bây giờ xanh xao, mệt mỏi. Chàng sắp đến hồi kiệt sức.

Gabaret nhìn chàng trai, rồi lấy mũi giày đập vào nách chàng ta, làm cho Stavros thức dậy. Chàng ngơ ngác nhìn, hốt hoảng: “Mấy giờ rồi?”

Gabaret: “Còn dư thì giờ”.

Lão bẻ đôi quả dưa, đưa cho Stavros một nửa.

Stavros: “Tôi không thể nào mở mắt nổi. Lúc nào tôi cũng muốn ngủ gật.”

Gabaret: “Mày đừng lo làm gì cho mệt. Mày sắp chết rồi.” Lão vỗ nhẹ vào bụng Stavros: “Thằng nhỏ nặng mấy đồng cân rồi?”

Stavros: “Cái gì? À tôi hiểu. Bảy đồng mấy hào.”

Gabaret ngấu nghiến ăn dưa: “Tiền lẻ! Có hai thứ tiền. Tiền lẻ và tiền chẵn. Tiền lẻ như một con điếm. Mày nhìn đồng tiền coi. Nó đã chạy qua tay mọi người. Buổi sáng mày thức dậy, số đã sang tay người khác. Nhưng tiền chẵn thì khác. Tiền chẵn như số tiền mày cần...”

Stavros đã ngã xuống lại. Gabaret cầm miếng dưa còn trên tay Stavros và ăn nốt.

Stavros và Gabaret đứng ngăm mặt trời xuống trên bến tàu. Khu bến tàu là nơi những đôi tình nhân thường thích đi dạo mát. Hai cô gái đi qua. Gabaret nhìn thấy Stavros nhìn theo một cách thèm thuồng.

Gabaret: “Té ra mày cũng là người như ai.” Lão trở về đề tài ruột của lão: “còn tiền chẵn thì lại biết sinh đẻ. Nó sinh đẻ rất mau. Bằng cách nào thì tao không biết, nhưng nó sinh ra đồng con đồng cháu lẹ lắm. Cứ mỗi lần mày nhìn lại, nó đã có thêm đầy đàn con cháu, đứa sau khỏe mạnh to lớn hơn đứa trước, và lại mắn đẻ hơn. Đối với những kẻ như chúng ta chỉ có hai cách để kiếm được tiền chẵn. Ăn trộm. Hoặc nếu còn trẻ như mày chẳng hạn, thì cưới nó. Nhưng cứ coi tao đây. Tao đã làm việc như con vật từ ngày tao biết đi và mang. Bây giờ mày coi đó. Tao sống khổn khổ đói rách nhất trên trần gian này.”

Lão nhìn Stavros, lúc đó vẫn còn nhìn theo hai cô gái.

Gabaret “Nếu tao ở vào địa vị mày! Có vài cô gái xấu xí, nhưng lại được những ông cha rất giàu!”

Hai gã đàn ông đến dẫn hai cô gái đi. Stavros cúi đầu xuống. Chàng có vẻ thất vọng, chẳng hiểu vì sao.

Gabaret: “Chúng mình cũng nên đi kiếm hai cái bầy chuột đó đi.”

Lão ôm ngang lưng Stavros, bắt chước bộ điệu của những cặp nhân tình. Stavros đẩy lão ra. Rồi Gabaret nói bằng giọng thân mật đơn giản: “Đi. Theo tao. Mày cần cái đó lắm.” Rồi lão biểu diễn cho Stavros thấy cái mà chàng cần lắm, bằng cách lúc lắc vai...

Stavros: “Tôi không cần gì cả.”

Gabaret: “Mày cần cái đó. Sau giờ làm việc, mày đến nhà tao. Tao để dành cho mày một con...”

Stavros do dự, rồi bước lại gần Gabaret và thì thầm: “Tôi chưa...chưa bao giờ... Tôi không biết...không biết làm sao cả...”

Gabaret: “Đừng lo. Chúng nó sẽ dạy cho mày!”

Nhà của Gabaret chỉ là một túp lều xập xệ. Ánh sáng từ cánh cửa rọi vào soi rõ một cô gái trẻ. Khó nhìn thấy nàng xấu đẹp ra sao.

Stavros đứng trước cửa. Nét mặt chàng biểu lộ rõ sự thèm khát một hơi ấm đàn bà.

Giọng cô gái: “Vào đây. Vào đây đi anh. Rồi đóng cửa lại.”

Stavros đi về phía cô gái.

Sau đó, Stavros nằm trên bụng cô gái, ngủ say như chết. Cả hai trần truồng. Một tấm vải rách phủ hờ lên thân thể chàng trai. Không cái gì có thể đánh thức chàng dậy được lúc này. Chàng đang ở trong tình trạng kiệt sức hoàn toàn. Nhưng nàng thì không. Nàng tìm thấy gói tiền của chàng giấu trong thắt lưng. Nàng khéo léo móc ra từng đồng tiền một.

Buổi sáng, trong khu chợ, phu phen đang chất hàng lên. Người cai gọi: “Mỹ! Mỹ!”

Gabaret nhìn quanh, nhưng không thấy tấm hơi Stavros đâu cả. Một kiểm hóa viên chỉ kiện hàng cho Gabaret. Nhưng lão đặt kiện hàng xuống và bỏ chạy đi. Từ xa chúng ta có thể nghe được tiếng gọi: “Mỹ! Mỹ!”

Trong căn phòng của Gabaret, Stavros đang bối tung tóe tất cả mọi đồ đạc, tìm kiếm số tiền của chàng, Gabaret bước vào.

Stavros: “Gabaret!”

...”Tiền của tôi...Con điếm đó...Nó đâu rồi. Tôi cần phải kiếm ra nó. Tìm nó ở đâu?”

Gabaret: “Tao không biết nó ở đâu nữa.”

Stavros: “Tôi cần phải kiếm ra nó. Chín tháng. Tôi làm việc chín tháng trời, được bấy nhiêu! Ông tìm ra nó ở đâu vậy? Nó là ai?”

Gabaret: “Nó là con gái tao.”

Stavros: “Con gái...Lạy Chúa tôi!”

Gabaret: “Đúng vậy.”

Stavros: “Nếu vậy...nếu vậy thì...”

Gabaret: “Tao không biết nó ở đâu.”

Stavros: “Nếu vậy thì làm sao ông...?”

Gabaret: “Đêm qua tao gặp nó dọc đường.”

Stavros: “Nhưng nó ở đâu?”

Gabaret: “Thì ở cả chỗ đó. Chắc vậy. Có một xóm.”

Stavros: “Nó sống bằng cách đó sao? Đi làm điếm sao?”

Gabaret: “Mày trẻ con quá sức tưởng tượng. Nó có gì khác để có thể bán nuôi miệng?”

Stavros: “Gabaret! Gabaret, tôi đã làm việc chín tháng trời!”

Gabaret: “Nó đã làm ơn cho mày.”

Stavros: “Sao?”

Gabaret: “Tao nói là nó đã làm ơn cho mày.

Stavros đấm Gabaret với tất cả sức bình sinh. Bây giờ Stavros rất khỏe, có nắm tay rất cứng. Gabaret văng vào tường, dội ra, trong tay đã cầm con dao nhắm vào cổ họng Stavros, tay kia túm tóc Stavros lão gần như không kiềm chế nổi mình. Lão kịp dừng lại cổ giãn cơn giận điên người.

Gabaret: “Đáng lý tao phải giết mày. Mày biết không? Tao không thương mày đến cái độ đó đâu. Mày biết không, mày không phải là một đứa trẻ. Mày biết không? Nếu mày đã làm như vậy, mày phải có gan làm tiếp. Mày biết không?”. Rồi giọng thách thức: “Tao nói nó đã làm ơn cho mày”. Hắn chờ đợi nói tiếp: “Mày tườn mày có thể để dành được một trăm lẻ tám đồng theo cách đó sao? Sức người có hạn! Lão nhìn chàng trai: Đáng lý tao phải giết mày.” Rồi tiếp: “Thôi! Theo tao.”

Lão đi ra. Stavros đi theo.

Vartuhi là một con điếm. Phòng nàng trên gác một quán rượu, nơi dân ăn chơi Thổ đến ngồi nghe nhạc và khiêu vũ. Phòng nàng không rộng lắm. Nhưng cái giường, sau một tấm rèm kết bằng hạt, thì khá rộng, Vartuhi đang bận đi khác. Ngọn đèn dầu duy nhất soi sáng căn phòng.

Cánh cửa mở toang ra. Gabaret và Stavros nhào vào phòng. Gabaret bước thẳng đến giường, nắm con gái của lão kéo lên. Ông khách nhảy xuống khỏi giường, chạy qua lại trong phòng, la hét như con gà bị đuổi. Stavros đứng chặn trước cửa. Không thể nghe Gabaret nói gì con gái lão ta, nhưng chắc chắn toàn là những lời chửi bới. Lão đánh cô gái. Cô ta gào lên.

Gabaret: “Mày đem tiền của nó cho thằng nào rồi?”

Vartuhi: “Đừng. Đừng. Ông chủ. Dưới kia kìa. Thôi.”

Lão lại tát cô ả. Cô ta lại gào lên.

Vartuhi: “Ông ta sắp đuổi con đi. Đuổi con ra đường.”

Gabaret bỏ nàng xuống, quay ra nói với Stavros: “Đi”.

Cả hai đi ra ngoài.

Vartuhi chạy ra cửa, gọi với theo lão: “ông muốn tôi bị đuổi ra đường sao chứ? Nếu không có phòng không có giường, tôi còn là gì? Một con vật.”

Ông chủ tiệm, một người Thổ to lớn, có mặt dưới nhà, đang hầu tiếp hai viên chức cảnh sát thành phố mặc đồng phục đảng hoàng. Họ đang ăn bánh ngọt, những giọt mật ong chảy rên xuống cằm, và uống trà nóng bằng những chiếc cốc bé tí xíu. Gabaret và Stavros vừa bước vào.

Ông cảnh sát: “Đi chơi điếm thì phải phòng bị điếm lộ.”

Ông chủ tiệm: “Con gái ông hả? Ba tháng nay nó không trả tiền phòng cho tôi.”

Vợ ông chủ tiệm, một người to béo như chiếc thùng, nặng gần một trăm ký lô, từ bếp đi lên.

Bà vợ: “Tuần tới, nó lại tiếp tục mắc nợ ông nhà tôi. Chỉ tuần tới thôi. Ông nhà tôi kiên nhẫn hết chỗ nói...”

Viên chức cảnh sát đột nhiên la lên một tiếng: “Aahahaha! Bọn tao đang nhậu nhẹt...” Ông ta làm một cử chỉ dữ dằn. “Cút! Cút gấp! Cút ngay trước

khi tao nổi giận!”

Gabaret quay sang nhìn Stavros chờ chàng ta quyết định! “Mày còn muốn nói gì nữa không?”

Stavros: “Lạy Chúa!”

Chàng bước ra thất thểu! Gabaret đi theo sau.

Đến một góc dọc bờ sông, Stavros tìm được một chỗ đứng khóc. Gabaret theo kiểu của lão ta, cố gắng khuyên bảo chàng trai.

Gabaret: “Mày biết không. Tao vẫn còn giận càn hông đây.” Rồi giọng lão dịu dàng hơn: “Đáng lý tao phải giết mày. Thật thế. Tao phải giết mày.” Chàng trai vẫn không thể chặn được tiếng khóc. “Mày đâm tao. Mày đâm tao nặng lắm. Rất nặng. Mày khỏe thật!”

Kiểu đó không hiệu nghiệm, nên chỉ lão ta đổi cách:

“Mày muốn giết nó? Được rồi. Đến đó mà giết nó đi. Tao đâu có cản.”

Cũng chẳng kết quả gì cả.

Giọng Gabaret trở nên chăm sóc và thiện cảm thiệt sự: “Cách nào thì cũng đến lúc mày phải sáng mắt ra, để thấy rõ sự thật.” Lão bắt chước giọng Stavros: “Những chuyện lớn! Những chuyện lớn!” Rồi đổi giọng chế giễu: “Họ sẽ hãnh diện về tôi. Chèng dec ời!”

Stavros hét lên đau đớn: “Đừng nói nữa!”

Bây giờ giọng Gabaret trở nên độc ác, chế nhạo: “Họ sẽ hãnh diện về tôi. Một ngày nào đó, họ sẽ hãnh diện về tôi! Haahaaaa!”

Stavros: “Họ sẽ hãnh diện!”

Gabaret: “Bây giờ mày chẳng là gì cả. Ngày sau mày cũng sẽ không là gì cả!”

Stavros: “Tôi sẽ thành công. Tôi phải thành công. Tôi thành công. Tôi sắp rời chỗ này. Có một chỗ khá hơn.”

Gabaret: “Chỗ nào cũng thế thôi. Này mày thử cho tao biết, từ ngày mày bỏ nhà ra đi, mày có gawoj được giữa người theo đạo Chúa một người nào làm đúng lời Chúa dạy chưa? Mày đã gặp được giữa loài người một người nào đáng là người không?”

Stavros: “Ông đó.”

Gabaret: “Tao? Mà mày đã không nhìn vào mặt tao? Mày không biết tao. Mày không biết tao là...”

Trong một phòng hầm, một nhóm chính trị bí mật đang nghe Gabaret thuyết trình. Lão ta là một trong những lãnh tụ của nhóm bí mật. Stavros ngồi trong đám khán giả.

Gabaret: “Tôi có một ý kiến cho thế giới này. Phá hủy tất cả để làm lại hết. Quá bẩn thỉu, không cách gì quét sạch được. Cần một mối lửa để thiêu hủy tất cả. Cần một trận lụt để cuốn trôi tất cả.”

Lại một cuộc họp khác. Một phòng hầm khác. Một đêm khác. Phần lớn cũng những người đó. Stavros cũng có mặt. Trong chàng có vẻ kiệt quệ chán nản, và chàng đến đây, chỉ vì chàng không biết trông nom vào đâu khác. Bầu không khí của cuộc họp lần này có vẻ bí mật hơn, những âm mưu hơn. Câu chuyện diễn ra trong những tiếng thì thầm. Mọi người chú ý nhìn ra cửa. Họ như đang chờ đợi một người nào.

Một người: “Tôi phải nói rằng nạn nhân chính của đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ là nhân dân Thổ. Một ngày nào đó, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ là một cường quốc”.

Stavros: “Sau khi tôi chết, tôi không cần biết đến.”

Gabaret giải thích chế giễu chàng trai: “Hắn vẫn còn nghĩ rằng trên trần gian này, ở một nơi nào đó, có một đời sống sạch sẽ, no ấm. Đúng vậy không? Nước Mỹ? Đúng không?”

Một người trông thật dữ dằn, hơi khập khểnh, từ một góc phòng bước ra: “Đừng nói đến nước Mỹ với tôi: Tôi đã sang đó. Tôi đã góp công xây nhà cho họ.”

Hắn kéo áo lên, để hiện ra một vết sẹo dài: “Tôi bị ngã. Sau đó? Không ai cần đến tôi nữa. Nếu có tiền thì ở Mỹ anh sẽ là một nhân vật quan trọng. Nhưng nếu không có tiền, thì ở đó, cũng như đây thôi. Đời sống là đặc ân cho người giàu.”

Gabaret, nói thay cho Stavros, chế giễu: “Hắn vẫn không thay đổi ý kiến.” Stavros gượng cười, gật đầu thật nhẹ.

Không phải chàng đã quên được cứu cánh của chàng. Chẳng qua lúc này chàng không biết được cách nào đạt đến cứu cánh thôi. Chợt mọi người im

lặng. Một người vừa bước vào, đi đến cái chỗ dành sẵn cho chủ tọa, và cất tiếng nói.

Lãnh Tự: “Ai muốn đi ra, nên ra ngay bây giờ.”

Gabaret làm một cử chỉ ra hiệu cho Stavros nên đi ra. Nhưng Stavros lại ngã người sâu lún trong ghế. Cánh cửa sau họ đã khóa lại. Cuộc họp khai mạc.

Lát sau. Một quả bom được giấu trong tấm vải đệm lưng của phu khuân vác. Những người đứng quanh trái bom thì thào.

Lãnh tự: “Tôi nhắc lại. Sau vụ nổ chúng ta chia tay nhau. Một tháng sau kể từ hôm nay, chúng ta gặp lại nhau. Ngoài đường các đồng chí không nhận mặt nhau. Hiểu rõ không?”

Mọi người gật đầu, cả Stavros.

Ngay lúc đó, các cửa sổ bật tung. Cảnh sát và những mũi súng chĩa vào phòng. Ngọn đèn dầu duy nhất bị bắn tắt. Từng tràng đạn nối tiếp nhau. Những tiếng thét đau đớn, những tiếng kêu tuyệt vọng. Rồi những tiếng súng im. Cánh cửa bị phá tung. Chút ánh sáng ban đêm tràn vào. Khói sung lẳng xuống. Vụ tàn sát trông thật khủng khiếp, ghê tởm. Những xác chết như còn cố vùng vẫy. Rồi tất cả trở nên yên tĩnh, ngoại trừ tiếng rên nhỏ của kẻ hấp hối.

Trong một quân y viện, hai bác sĩ quân y đi ra một nhà xác. Họ dừng lại bên một tấm ván, nhìn xuống.

Ông bác sĩ thứ nhất: “Thật quá đáng. Nhìn hẩn coi. Chưa đến tuổi trưởng thành. Hẩn chỉ muốn một cái gì đó. Tự do. Phải không?”

Ông bác sĩ thứ hai: “Xxxiii”.

Ông ta chỉ một người lính trở nên nghiêm nghị:

“Anh kia. Lại đây. Anh có biết khi nào người ta sắp chết không?”

Stavros nằm trên tấm ván. Chàng chỉ còn thoi thóp. Một vết thương chạy dài trên trán chàng. Chàng sẽ không bao giờ xóa mất vết tích đó.

Người lính: “Tôi có thể biết khi nào thì một con lừa sắp chết.”

Bác sĩ: “Giống nhau. Đối với tên này, chỉ còn vài giờ đồng hồ. Dưới nhà bếp có một chiếc xe chất đầy xác bọn chúng nó. Anh khiêng nó vất lên đó. Hẩn coi như chết rồi.”

Chiếc xe chở xác đi qua ruộng đồng. Đống xác trên xe được phủ một tấm chiếu rách. Một cái xác từ tư rơi xuống, tuột khỏi chiếc chiếu, chạm đất, nhẹ nhàng, trong lúc chiếc xe vẫn tiếp tục chạy.

Cái xác còn sức sống. Với một cố gắng tuyệt vọng, cái xác lê được ra khỏi mặt đường. Rồi Stavros lăn xuống đường rãnh bên đường. Cố gắng đó đã làm chàng kiệt sức. Chàng nằm yên đó, cổ thở vào. Một con chó hoang lững thững đi đến bên.

Một vách đá dựng đứng bên bờ biển Marnor. Các binh sĩ lần lượt ném những xác chết xuống vực.

Xác Gabaret rơi xuống biển. Nước biển bắn tung lên. Cái xác lênh bênh lên xuống một lúc, rồi chìm ngấm. Trên mỏm đá, xa xa, vài người đứng nhìn. Trong đó có cô điếm Vartuhi. Nàng quay đi.

Những người đi trên đường vào thành phố nhìn thấy một cái gì, do dự, rồi đi qua. Cái gì đó là Stavros, đang cố gắng bò lét vào thành phố. Đầu chàng đầy máu, quần áo rách nát. Chàng ngã xuống, dựng dậy rồi lại ngã xuống.

Chàng nằm giữa đường, chờ lấy lại sức. Đôi chân của Vartuhi hiện ra dưới mắt chàng. Nàng đến gần, đỡ chàng lên.

Trở lại quê nhà, gia đình Topouzoglou đang ngồi ngoài vườn, dưới dàn nho. Một lá thư vừa đến, mang theo tin buồn.

Ông Isaac đọc: “Tôi không biết kiếm nó ở đâu. Tôi tìm khắp nơi rồi. Nó đã biến mất tăm tích khỏi mặt đất đen tối này.”

Ông Isaac đặt lá thư xuống. Cả gia đình ngồi im lặng.

Trong thành phố Constantinople, căn phòng của Vartuhi nóng như đốt. Ông chủ nhà của nàng đứng ngoài cửa.

Ông chủ nhà: “Nếu mày có chồng thì đi chỗ khác ở. Đây là chỗ làm ăn của tao.”

Vartuhi: “Nhưng anh ấy đã đi khỏi đây rồi mà.”

Ông chủ nhà: “Tao còn đánh hơi được hân.”

Lão ta đi qua mặt nàng, bước vào phòng và sau một lúc lục lọi, ông mở toang cánh cửa tủ áo nhỏ và nông ra. Stavros nằm trong tủ. Đôi mắt chàng

long lên như đôi mắt một con thú bị bẫy. Mồ hôi ướt đầm người chàng. Một tay khuất không trông thấy.

Ông chủ nhà: “Nghe tao đây nè. Ngày mai. Ngày mai phải trả tiền phòng cho tao. Ba tuần rồi tao không được đồng xu nào cả. Vậy hẹn cho máy đến mai. Tao nói lần chót.”

Lão ta bước ra ngoài. Cánh cửa phng đóng ập lại.

Stavros nói khẽ: “Xiiii, Vartuhi, lại đây, lại đây!”

Vartuhi đến gần, ngồi xuống nền nhà. Chàng nắm lấy cánh tay nàng. Tay khuất vừa rồi hiện ra, đang nắm con dao găm của ông nội chàng.

Stavros: “Đừng để bọn đó dọa nạt em. Anh chỉ cần vài ngày nữa thôi. Anh đang mạnh lại gần. Vài ngày nữa thôi.”

Vartuhi thực tình khiếp sợ: “Vâng. Vâng”.

Stavros trao con dao găm cho nàng: “Đây. Em cầm con dao găm này. Dem bán đi. Mua cho anh ít thức ăn.”

Vartuhi: “Anh...anh...Sao anh không trở về nhà anh?”

Stavros rùng mình: “Đi đi. Đi ngay. Mua cho anh ít thịt. Bánh. Thịt.”

Vartuhi: “Vâng. Vâng. Nay anh nghe đây. Anh xem anh có đủ sức đi bộ một đoạn ngắn chiều nay không. Mặt trời đang chiếu nắng. Anh đến ngồi chơi một lúc bên bờ sông. Lúc anh trở về em sẽ có một món tiền nhỏ. Rồi dần dà, em sẽ mua cho anh tất cả những thứ anh cần. Em đã hứa với cha em, và em hứa với anh em sẽ lo cho anh mọi thứ”.

Stavros: “Đừng dài dòng! Anh không cần tiền lẻ. Anh cần một bộ quần áo lịch sự. Một bộ màu xanh.”

Vartuhi: “Em có một người bạn...Anh biết...già rồi...hay đến đây. Ông ta là thợ may quần áo đàn ông...và...”

CHƯƠNG IV

Tại một thánh đường chính thống giáo, ở Constantinople. Buổi lễ đang diễn tiến. Đàn ông đứng thành một đoàn ở giữa nhà thờ. Đàn bà ngồi tại chỗ chấp sự bên cạnh. Đang tới đoạn hát lễ. Stavros và ông chú họ đi vào dốt nển, rồi đến đứng vào hàng những người đàn ông dự lễ. Stavros bận một bộ quần áo màu xanh nước biển, với khăn cổ. Chàng không cạo râu mép. Trông chàng hơi xanh nhưng rất đẹp trai.

Ông chú họ hỏi nhỏ: “Mày kiếm đâu ra bộ đồ xanh bảnh vậy?”

Stavros không trả lời. Nhìn vào chàng trai, người ta nhận thấy có một vẻ gì mới lại, quyết liệt. Ông chú họ chăm chú theo dõi gia đình Sinyosoglou, một gia đình kiểu mẫu tượng trưng cho giai cấp trưởng giả giàu sang. Cả năm anh em nhà Sinyosoglou đều ở lứa tuổi trung niên và đều thuộc giới thương gia. Ngày chủ nhật họ cùng đi lễ với nhau, đứng thành một hàng dọc hai tay vòng trước bụng. Những bà vợ, con gái của họ ngồi bên cạnh lối nhỏ không thể phân biệt được ai với ai.

Ông chú họ thì thầm nói với Stavros, chỉ những người đàn ông trong gia đình Sinyosoglou. Stavros thì nhìn sang bọn đàn bà nhà Sinyosoglou, những kiểu mẫu của sự sùng đạo. Rồi cả hai người cùng nhìn một cô gái nhan sắc tầm thường với một chiếc mũi dài và một khuôn mặt vàng tái. Tên nàng là Thomma. Nàng là chủ đề câu chuyện. Stavros ra dấu bằng lòng.

Những người đàn ông thuộc gia đình Sinyosoglou đã để ý đến những tia nhìn của ông chú họ và của chàng trai đi theo ông ta. Họ gật đầu. Ông chú họ cũng gật đầu trả lễ. Rồi ông huých Stavros. Stavros gật đầu trả lễ, nhưng với một dáng điệu kiêu hãnh, có phần ngạo mạn. Nàng Thomma Sinyosoglou liếc mắt nhìn Stavros thật nhanh, rồi nhìn xuống một cách nết na.

Tại phòng khách gia đình Aleko Sinyosoglou. Hiện diện có ông Aleko và bốn anh em, còn khách thì là ông chú họ. Cả sáu người cùng ngồi thành hàng dài. Cả năm anh em đều tháo chiếc nút quần trên cùng ra, để chiếc

bụng phê được thông thả hơn. Hai người đàn bà không rõ tuổi đang bưng ra món đồ ngọt, đặc biệt của Thổ quyền đường thật nhiều và những chiếc ly nước lạnh trên một cái khay để những đồ ngọt đó.

Một cuộc họp tiến hành, mặc dầu với những lời lẽ dịu dàng, có vẻ hoàn toàn có tính cách công việc làm ăn.

Ông chú họ: “Nó là con trai đầu lòng của một gia đình quý phái nhất vùng Anatolia. Chắc quý vị có nghe nói đến gia đình Topouzoglou?”

Ông Aleko, cha cô gái tên Thomna: “Vâng, vâng, dĩ nhiên. Tuy nhiên còn vấn đề này nữa. Cha cậu ta có thể cho chàng trai một số tiền lớn không?”

Ông chú họ, sau một lúc im lặng: “Quý vị vừa nói đến chuyện tiền bạc?”

Ông Aleko: “Đó là một vấn đề mà chúng ta cần thảo luận.”

Ông chú họ: “Phía chúng tôi cũng có chút thắc mắc.”

Ông Aleko: “Nhưng ông biết rõ công việc của chúng tôi mà.”

Ông chú họ: “Tuy nhiên ông có đến bốn đứa con gái. Bắt buộc phải chia.”

Ông Aleko: “Mỗi đứa có phần của nó. Khá đủ. Tôi không nhớ rõ ông nói cậu trai đang làm gì.”

Ông chú họ: “Ờ...”

Ý định của ông chú họ là trì hoãn cho đến khi Thomna gặp được chàng Stavros. Hy vọng của ông là lúc đó thì vấn đề hôn môn và gia tài của hai gia đình dành cho đôi trẻ sẽ không quan trọng bằng hạnh phúc đôi trẻ, mà số phận đang được đem ra thảo luận.

Sau cửa sổ nhà trước, các con cái, họ hàng đang đứng chờ Stavros đến. Và bây giờ...

Mấy gã con trai: “Anh ấy đến đó. Anh ấy đến đó.”

Cánh cửa xuống bếp được mở ra, và một đám đàn bà đang nóng lòng chờ đợi, trong số có nàng Thomna.

Trước cổng nhà, một chiếc xe ngựa vừa dừng lại, và một chàng trai ăn mặc bảnh bao bước xuống, Stavros đưa tiền tar, bằng một cử chỉ hào phóng, không quên cho thêm tiền người đánh xe. Chàng cầm theo một chiếc can.

Hai người anh bụng phệ bây giờ đã hiện ra trước cửa sổ. Họ nhìn cái cảnh Stavros từ trên xe bước xuống, rồi quay sang phía ông Aleko gật đầu ra dáng đồng ý.

Trong bếp, mẹ nàng Thomna, mấy bà thím bà cô của nàng, và ba cô em gái nàng xúm vào nàng.

Ba Anoola, mẹ nàng, nói bằng một giọng hơi run: “Mặt con trông khá xinh, nếu con đứng thẳng người, tự nhiên hơn một chút.”

Thomna: “Thôi mẹ. Mẹ không thể nào làm cho con trở thành xinh đẹp được đâu. Thôi kệ vậy.”

Bà thím: “Cháu đừng nhăn mặt. Nếu nhăn mặt cháu sẽ có những nếp nhăn ở đây”

Một bà thím khác: “Cháu cần phải lấy chồng gấp, không cháu sẽ mọc lông mép bây giờ.”

Tất cả mấy người đàn bà cười lớn tiếng.

Tiếng ông Aleko gọi: “Thomna”

Lập tức mấy người đàn bà đều im lặng. Thomna đi về phía cửa:

“Thưa cha, dạ”

Tiếng ông Aleko: “Hai ông khách của chúng ta sắp thưởng thức cà phê của con pha đấy.” Quay sang Stavros: “Cậu thích uống thể nào?”

Tiếng Stavros: “Thưa, không đường”

Tiếng ông Aleko: “Con nghe không?”

Thomna quay lui, thì thầm: “Tiếng nói của chàng thật mạnh mẽ”.

Tất cả mấy người đàn bà đều khúc khích cười.

Trong phòng khách, Stavros ném những chiếc bánh ngọt với những cử chỉ của một kẻ sống quá đầy đủ, không thêm khát gì.

Stavros: “Ngon. Ngon lắm!”

Ông Aleko: “Đây là ông em Seraphim của tôi!”

Stavros theo nghi lễ cổ truyền: “Tôi xin được phép hôn tay thân mẫu ông.”

Ông Aleko: “Còn đây là ông em Trotermos của tôi.”

Vài cô gái đứng trong bếp nhìn lén ra. Họ lại quay vào so sánh những nhận xét của nhau. Người ta nghe được những tiếng xì xầm.

Stavros: “Tôi xin phép được hôn lên mắt thân mẫu ông.”

Ông Aleko: “Còn đây là...” Ông ngừng nói, quay vào phía bếp: “Anoola, nói với mấy người đàn bà trong đó đừng ồn ào quá. Ở đây chúng tôi không thể nghe ai nói gì cả.”

Vài khuôn mặt đàn bà hiện ra ở phía cửa, làm những cử chỉ tuân phục, rồi lui vào trong.

Ông Aleko: “Chúa đã làm to khi ban cho đàn bà một cái lưỡi.”

Mọi người cười lớn đúng như lẽ lối xã giao đòi hỏi. Trong lúc đó, mấy ông chú nhận xét Stavros, và so sánh với nhau các nhận định của từng người.

Trong bếp, cà phê đã pha xong, được rót ra từng cốc, đặt lên một chiếc khay, trao cho nàng Thomna, để bưng ra mời khách.

Một cô em: “Anh ấy đẹp trai quá, chị Thomna à. En nhìn kỹ anh ta, thấy anh ta đẹp trai thực đó chị à. Chị mau mắt quá.”

Một bà thím: “Nó có tiền không?”

Thomna: “Cháu không biết”.

Bà Anoola: “Cha con sẽ khám phá ra điều đó.”

Nàng Thomna bưng khay cà phê ra ngoài phòng khách. Nàng chậm rãi đi về phía Stavros và mời chàng. Cả hai đều làm ra bộ như không hề cốt ý nhìn thấy nhau. Vả lại, chàng đang bàn những chuyện trọng đại với người lớn. Còn nàng thì dĩ nhiên rấtnett na.

Stavros: “Cha tôi hả? Cha tôi hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.”

Stavros và Thomna mặc dầu biết rõ người kia chú ý đến mình, đều cố che giấu điều đó.

Ông Aleko: “Tốt. Tốt. Hoạt động trong nhiều ngành là một điều khôn ngoan.”

Stavros cầm tách cà phê từ chiếc khay Thomna bưng đến: “Nếu ngành này sụp đổ, ngành kia lên.”

Thomna liếc nhanh sang Stavros. Từ dưới bếp, người ta có thể nghe được những tiếng cười khúc khích của đàn bà. Stavros cũng liếc nhanh sang Thomna. Lúc đi ra khỏi phòng, Thomna nhìn cha nàng bằng một ánh mắt thật quyết liệt...chấp nhận! Trong lúc đó...

Mấy ông chú xăm xì: “Đúng vậy. Đúng vậy. Thật là khôn ngoan. Đúng quá. Đúng vô cùng.”

Những người đàn bà nóng lòng chờ đợi. Thomna bước vào bếp với một tin tức quan trọng: “Chàng có ria mép!”

Rồi nàng bật khóc. Đầu óc nàng quá căng thẳng. Tâm hồn nàng quá xúc động.

Bà Anoola: “Thomna, con, con, Thomna, có gì đâu con. Không sao đâu con. Đàn ông nhiều người để ria mép lắm.”

Thomna vẫn khóc: “Con thích chàng có ria mép. Con thích chàng có ria mép!”

Trong phòng khách, đàn ông đang nói chuyện.

Stavros ngây thơ hỏi: “Đó là cô Thomna phải không?”

Mấy ông chú vội vàng: “Phải. Phải...”

Mọi người nhìn chàng để xem cảm tưởng của chàng đối với con gái, cháu gái của họ ra sao. Stavros có vẻ hài lòng, hơi ngạc nhiên đôi chút là chẳng khác. Giọng chàng ấm cúng: “Ồ...Ồ...Ồ...”

Ông Aleko gật đầu nhẹ về phía ông chú họ của Stavros. Như vậy cuộc mặc cả coi như xong xuôi. Mọi người đều biết như vậy. Mọi người xăm xì.

Aleko: “Vì công việc làm ăn có lẽ thân phụ cậu có dịp qua đây, tôi hy vọng được may mắn uống với ông ấy một ly cà phê, và...”

Ông Aleko đột nhiên giảm thiểu vấn đề tiền bạc xuống. Rồi bất ngờ ông khoác tay qua vai chàng trai: “Bây giờ tôi sắp có được một người con rể.”

Mọi người cười lớn.

Tại quê nhà, trong gia đình, một lá thư vừa mang đến một tin vui. Bà Vasso: “Coi này. Coi này. Ảnh của cô ta.”

Mọi người chạy xúm lại, chăm chú nhìn bức ảnh.

Ông Isaac: “Chắc nó nấu bếp khéo lắm.”

Một bà cô: “Người ta nói mũi dài là dấu hiệu đạo đức.”

Ông chú già: “Với cái mũi như thế, thì đạo đức là chuyện không thể tránh được”.

Bà Vasso: “Dù sao thì họ cũng có nhiều tiền. Nghe đây này: “Họ muốn con bỏ công việc con đang làm va...” Bà ngừng lại, thắc mắc: “Có lần nào

nó nói gì đến việc làm của nó không? Lần nào đâu!” Bà đọc tiếp: “Vì vậy con đành nhận một chỗ trong hăng của họ”.

Công Ty Buôn Thảm Sinyosoglou là một cơ sở thương mại phát đạt trông thấy. Cũng như cửa hiệu của ông chú họ Stavros, cửa hiệu của gia đình này nằm trong một hành lang lợp kiếng. Ánh sáng dịu, nhạt từ trên soi xuống các cửa hiệu. Đứng trước cửa hiệu là Stavros, bây giờ điển hình của một chàng trai thành côn trên đường đời. Chàng vẫn bận bộ đồ lớn, có cổ và áo khoác ngoài mỏng.

Trong gian phòng sau mặt hàng, mấy anh em và ông chú họ Stavros đang thảo luận gay go. Stavros không thể nghe họ nói gì.

Một người hành khất đến gần, van xin bố thí, Stavros ngó lơ. Nhưng khi gã hành khất đi qua, Stavros nhận ra đôi giày hăn mang trong chân. Đó là đôi giày mà chàng đã cho một gã hành khất xưa kia, trên con đường ngoài làng.

Stavros nhìn vào mặt gã. Đúng là Hohannes. Hăn ta sắp ngã quỵ vì kiệt sức, đói khát, bệnh tật. Hăn tựa người vào một cửa tiệm trong chốc lát. Đó là cửa sổ của hiệu buôn giáp với hiệu buôn gia đình Sinyosolou, và người phu từ trong đi ra đuổi hăn đi. Stavros đi theo Hohannes. Hohannes tưởng Stavros là một kẻ thù, co rúm mình lại, đưa tay che đầu. Stavros nhẹ nhàng nâng đầu Hohannes lên.

Stavros: “Anh không nhớ tôi sao?” Chỉ đôi giày: “Tôi cho anh đôi giày này.”

Hohannes nói thều thào: “Ô...tôi nhớ ra rồi.”

Rồi bị tràn ngập vì một xúc động khó hiểu. Stavros ôm lấy Hohannes, làm như gã ăn mày là người bạn độc nhất trên đời của chàng.

Stavros nói khẽ: “Lạy chúa. Anh đi được đến đây! Chàng ghé sát tai: “Rồi chúng ta sẽ đến đó.”

Hohannes: “Bây giờ tôi không biết nữa. Trước đây tôi tưởng vậy. Nhưng bây giờ...” Hăn lại lên cơn ho dữ dội. Sau đó hăn mỉm cười như xin lỗi.

Stavros: “Đừng nản lòng! Bây giờ lại càng phải cố lên. Chắc anh đói đó mà! Anh có đói không?”

Hohannes mỉm cười dịu dàng và thận trọng: “Bao giờ tôi cũng đói”

Stavros: “Đi lại đây.”

Chàng cầm tay Hohannes kéo đi. Một lúc sau, hai người vào một tiệm ăn.

Stavros: “Ăn đi. Ăn đi. Tôi có tiền đây. Ăn thêm nữa nghe”. Chàng gọi bồi một cách hách dịch: “Ê, bồi, mang thêm một đĩa như thế này nữa. Ngay lập tức. Và thêm bánh mì đi.” Rồi chàng cúi thấp: “Bỏ thêm ít bánh mì vào trong áo đi. Như thế này này. Thêm chiếc bánh nữa đi, về sau, anh sẽ cần nó. Không ai nhìn thấy hết”. Bây giờ giọng chàng lại càng thân mật hơn: “Trên quả đất này, anh cần phải biết tự lo cho mình. Những thời gian khó khăn nhất của tôi là những lúc...tôi quá mềm yếu. Anh không được phép mềm yếu. Thiên hạ sẽ lợi dụng mình chẳng hạn như anh. Lúc nào anh cũng mỉm cười. Thiên hạ cho đó là dấu hiệu của sự hèn yếu. Bây giờ đột nhiên thiên hạ trọng nề tôi hơn. Cả anh nữa. Đúng vậy không? Anh kính nề tôi hơn. Phải không? Hử? Hử?”

Trong căn phòng sau cửa hiệu buôn Sinyosoglou, năm anh em, và Stavros cùng ông chú đang tụ họp.

Aleko: “Tôi quyết định xong rồi. Con gái tôi sẽ theo chồng với số tiền hồi môn là năm trăm đồng tiền Thổ.”

Stavros: “Tôi không chấp nhận.”

Mọi người sững sốt một lúc. Chàng trai nói ra đột ngột, quyết liệt và còn có vẻ trịnh thượng là đằng khác. Aleko bối rối, cố gắng nhẫn nại thông cảm.

Aleko: “Tại sao vậy con? Con muốn gì, cứ nói đi”.

Stavros: “Một trăm mười đồng.”

Mọi người bật cười. Trừ ông chú họ. Nhưng những câu phản đối của ông bị chìm ngập trong những trận cười vui thích và ngạc nhiên.

Aleko chăm chú nhìn chàng trai: “Nơi con có một cái gì bác không hiểu nổi.” Mọi người im lặng, đầy lo lắng. “Thôi, tùy ý con. Vậy thì ...một trăm mười đồng. Con hài lòng rồi chứ?”

Stavros: “Vâng. Con bằng lòng”.

Aleko: “Nếu vậy, con cười lên đi chứ. Con không bao giờ cười sao?”

Stavros mỉm cười. Mọi người cùng cười lớn. Cuộc họp chấm dứt. Aleko đến bên Stavros, choàng tay chàng cùng đi ra. Những người kia đi theo.

Aleko: “Như vậy con tính đến bao giờ thì làm lễ cưới? Hai tháng nhé!”

Stavros: “Càng sớm càng tốt”.

Aleko: “Hai tháng nữa. Được rồi. Còn một việc nhỏ này nữa. Chúng ta đều đồng ý với nhau là con đến đây ở với các em. Con không đem con gái của bác đi nơi khác đâu nhé.”

Stavros trả lời không do dự: “Con sẽ không đem con gái của bác đi nơi khác đâu.”

Nhiều tuần sau, trong gia đình Sinyosoglou nàng Thomna từ trong bếp đi vào phòng khách, bưng một khay trên có sáu ly cà phê nhỏ. Nàng bước đến chiếc bàn cà phê và đặt khay xuống.

Hôm nay là tối chủ nhật, sau bữa ăn chiều. Năm anh em nhà Sinyosoglou và Stavros ngồi quanh bàn cà phê, đặt khay xuống.

Hôm nay là tối chủ nhật, sau bữa ăn chiều. Năm anh em nhà Sinyosoglou và Stavros ngồi quanh bàn cà phê, đang chốc choáng vì bữa ăn thịnh soạn vừa rồi. Đàn bà, theo đúng truyền thống, ăn ít hơn, thì đang dọn rửa chén đĩa trong bếp.

Ông Aleko thở ra khoan khoái “Á...À...” Những ông em cũng làm y hệt. “Á...À...”

Ông Aleko: “Nhiều quá, nhiều đồ ăn quá.”

Mấy ông em: “Nhiều quá. Nhiều quá.”

Lại thêm một lô những tiếng thở ra. Rồi người này đến người kia, họ tháo nút quần trên cùng ra, để cho những chiếc bụng phệ được thông thả.

Ông Aleko: “Tôi đã bảo mấy người đàn bà đừng đem nhiều đồ ăn lên, nhưng họ không chịu nghe.”

Đột nhiên ông kéo nàng Thomna đưa đến một chiếc ghế bành rộng trong góc phòng đằng xa, ông ngồi xuống, và kéo nàng Thomna ngồi lên lòng. Nàng tựa đầu lên vai ông. Ông ôm hôn nàng triu mến.

Nét mặt Stavros vẫn lạnh lùng.

Ông Aleko: “Một tuần nữa. Một tuần nữa là ba mất con gái của ba rồi”.

Nàng Thomna: “Ba, ba. Con lo quá.”

Aleko: “Tất nhiên. Nhưng con có yêu nó không?”

Thomna: “Ồ, có, có nhưng chàng bí mật quá”.

Ông Aleko: “Có lẽ nó cũng lo sợ vậy. Nó có nói gì khi hai đứa ngồi riêng với nhau không?”

Thomna: “Không nói gì hết”.

Ông Aleko: “Không nói gì hết?”

Thomna: “Vả lại chẳng lúc nào chúng con ngồi riêng với nhau hết.”

Ông Aleko: “Được rồi. Ba cho phép con đó. Cần thận nghe con.”

Thomna: “Chẳng có gì mà phải cẩn thận hết. Chàng ngồi yên đó, nhìn ra khoảng không, nói vâng, nói không, hay chẳng nói gì cả. Hình như chàng có một bí mật nào đó.”

Ông Aleko: “Nó không bao giờ nói chuyện với con cả sao?”

Thomna: “Chẳng bao giờ. Có, có. Một lần. Chàng chỉ cho con xem những tấm hình trong một cuốn sách.”

Ông Aleko: “Những tấm hình?”

Thomna: “Hình chụp một thành phố bên Mỹ. Những ngôi nhà thật cao. Và chàng nói với con về những ngôi nhà đó cao như thế nào, làm như chàng đã đến đó rồi vậy.”

Aleko: “Ờ...để xem...”

Thomna: “Chàng nói rằng trước đây chàng có mộng đi sang đó. Con chẳng biết trả lời sao cả.”

Aleko: “Không sao. Thanh niên nào cũng có những giấc mơ. Trước đây cũng có lần ba mơ giống vậy. Đi đến một vùng đất mới, bắt đầu lại từ đầu. Nhưng thiên hạ nghĩ một cách khi họ không còn đồng xu nào trong túi, và khi có tiền họ nghĩ khác.”

Thomna: “Ba, ba...Con mong chàng giống như...như...”

Nàng hôn ông, nước mắt chảy dài ướt má.

Ông Aleko: “Ờ...Không có người nào tốt bằng ba con cả đâu.” Hai cha con cùng cười. “Cha con mình sẽ làm cho nó quên hết những chuyện kia. Cha sẽ cho nó tiền, còn con thì cho nó những đứa nhỏ. Mẹ con thì làm cho nó ăn nhiều để mập thêm. Như vậy nó sẽ trưởng thành.”

Thomna: “Vâng. Ba. Vâng. Ba. Con cảm thấy yên tâm hơn.”

Ông Aleko kéo nàng vào sát hơn, thì thầm: “Ba sẽ dành cho con một ngạc nhiên, chiều nay. Rồi con sẽ thấy.” Ông nhìn sang Stavros: “Con nhìn nó đi. Kìa”

Stavros đang cởi quần trên cùng ra. Rồi chợt chàng bắt gặp những tia nhìn của Thomna và của ông Aleko, nên vội vàng cài nút quần lại. Aleko và nàng Thomna bật cười lớn. Nàng lại ôm hôn cha nàng.

Ông Aleko: “Cứ việc. Cứ việc. Không việc gì phải xấu hổ. Cứ việc để cho cái bụng được thông thả đôi chút. Chuyện đó rất tự nhiên.”

Stavros lúng túng, lắc đầu.

Một trong các ông em: “Nó ngượng”.

Tất cả cười lớn, những chiếc bụng phệ rung rinh. Bà Anoola từ dưới bếp đi lên coi có chuyện gì.

Ông Aleko: “Anoola! Tối nay tôi không ăn bữa tối đâu. Tôi không ăn gì từ đây đến sáng mai đâu nghe.”

Bà Anoola: “Chỉ vài giờ sau ông lại thấy khác ngay mà.”

Một trong mấy ông em: “Có lẽ chỉ một giờ sau nữa thôi.”

Tất cả những ông em khác cười lớn.

Ông Aleko: “Hôm nay tôi khôn muốn nhìn thấy một thức ăn nào cả. Nhất định như vậy rồi”.

Cô bé Katie, cô em gái nhỏ nhất của Thomna đang chỉ cho Stavros xem một cuốn sách hình. Nó độ mười ba tuổi.

Ông Aleko: “Katie, con cho anh con xem gì đó?”

Katie: “Thưa ba, những tấm hình cái đảo đó ba.”

Ông Aleko: “Phải. Cái đảo đó. Chúng tôi có một khu đất rất đẹp ở đó. Nay con, mùa hè này chúng ta sẽ ra đó nghỉ mát. Chúng ta có hai con lừa. Chúng ta sẽ chất đồ lên lưng lừa rồi đi ăn ngoài trời.”

Bà Anoola: “Ông đã lại nói chuyện ăn uống ngay rồi đó.”

Ông Aleko: “Đến mùa hè, tôi đã tiêu hóa hết những thức ăn vừa ăn. Đừng lo. Phải, ở đó có nhiều khu thật đẹp để cho chúng ta ăn trưa ngoài trời.” Bà Anoola nói nhỏ một câu gì đó. “Sao. Bà không thích ruồi nhặng hả?” Bà Anoola làm một cử chỉ ghê tởm. “Nếu vậy chúng ta bày thức ăn ra ngoài hiên. Có lưới muỗi. Chỗ đó, vua cũng còn ham. Rồi ba và con sẽ ngồi

đó, Stavros đã có một lô đàn bà hầu hạ chúng ta. Rồi chúng ta sẽ ngồi chờ. Rồi năm tháng sẽ trôi qua.” Bà Anoola lại lăm bắm cái gì đó. “Cái gì? Ồ. Tôi biết phải mất chín tháng. Chỉ có chín tháng thôi. Hoặc mười cũng được, miễn là sinh con trai. Một đứa con trai. Rồi đứa nữa. Hai đứa con trai đầu lòng. Sau đó tôi không cần biết.” Bà Anoola lại lầu bầu trong miệng. “Cái gì? Tôi biết là chúng ta không thể mong sao được vậy. Ai biết điều đó bằng tôi?” Rồi ông quay sang Stavros: “Nhưng con cho ba hai đứa con trai, rồi ba sẽ trao lại cho con tất cả cơ sở buôn bán của ba. Tất cả. Ba muốn nói đến những phần hùn của ba thôi. Dĩ nhiên các chú con có phần của các chú. Nhưng cũng đủ lắm, đừng lo. Chỉ cần cho hai ba thằng cháu trai. Rồi nhìn thời gian trôi qua. Rồi mùa đông thì chúng ta ở đây. Mùa hè chúng ta ra ngoài đảo. Nay Stavros, rồi trước khi con kịp nhận ra, thì thằng con trai lớn nhất của con đã đến nói với con: thừa ba, con vừa tìm được một cô gái. Con muốn ba đi hỏi nó cho con. Và con sẽ hỏi lại nó: Nàng có bao nhiêu? Nàng đem gì về làm hồi môn?” Mọi người cười lớn. “Rồi con dần dần mập mạp ra thêm, còn Thomna thì cũng mỗi ngày một bự thêm, cách riêng một vài chỗ, như bà Anoola vậy”. Bà Anoola găm gừ. “Được mà. Anoola. Tôi không nói rõ ở chỗ nào hết mà. Rồi chúng ta nhìn ngày tháng trôi qua. Rồi con sẽ già thêm. Ba cũng già thêm. Và chúng ta cùng ngồi chung, cùng ăn uống, và cởi nút quần trên cùng, và ngủ một giấc ngay chỗ này cạnh bên nhau trong lúc đàn bà lầu nhầu gì ở dưới bếp. Rồi chúng ta thức dậy và chơi một ván cờ. Rồi, đột nhiên đến ngày đó. Ngày đó, và những trái ô liu, và những miếng phó mát được bày ra, và tất cả những đứa con của con, những đứa con của ba tụ họp lại đông đủ cả ở đây.”

Ông thở ra một hơi.

Tất cả cùng thở ra một hơi dài khoan khoái.

Ông Aleko: “Và rồi chỉ có ba và coi nói chuyện với nhau thôi, Stavros ạ. Bởi vì ba đã dạy cho bọn đàn bà kính nể chúng ta. Và khi con nói thì tất cả mọi người phải im lặng. Và khi ba nói thì ngay đến con cũng phải im lặng. Và rồi khi chúng ta chết, chúng ta cũng chết yên ổn, đúng điệu. Được tất cả bọn đàn bà săn sóc chúng ta. Con thấy sao?”

Đôi mắt của Stavros đang lim dim, nhưng hơi ướt át. Lòng tử tế và đầm ấm trong gia đình này đã ảnh hưởng nhiều đến chàng. Thomna nhìn chàng một cách lo lắng.

Stavros, giọng thật nhẹ nhàng: “Ai cũng chỉ mong được có thế.”

Các cô gái vào xếp dọn. Ông Aleko đột ngột đứng lên.

Ông Aleko “Theo tôi. Tất cả. Tôi muốn chỉ cho các người xem cái này. Stavros, theo ba đi”.

Mọi người xầm xì. Mấy cô em gái hát nho nhỏ. Nhiều người phụ họa. Cả bọn theo sau ông Aleko đi ra khỏi phòng khách.

Ông Aleko đi đầu, cả bọn đi theo sau, bước ra khỏi phòng khách, người thì ca hát, kẻ thì huýt sao, hay cười giỡn. Đây là cảnh đời sống gia đình đẹp nhất.

Khi họ đi theo, Thomna làm một hành động đối với nàng thật là táo bạo: Nàng choàng tay ôm ngang lưng Stavros. Ông Aleko dẫn cả nhà lên cầu thang.

Stavros: “Ai ở trên này vậy?”

Thomna không biết gì hết. Nàng đang hát nho nhỏ, nhưng làm một cử chỉ giải thích rằng đối với nàng đó là một bí mật lý thú. Đến hết cầu thang, ông Aleko lấy trong túi ra một chiếc chìa khóa và mở cánh cửa văn phòng trước mặt. Ông xõ rộng cánh cửa ra, rồi quay lại, nét mặt hân hoan, rạng rỡ.

Ông Aleko: “Stavros, Đến đây.” Ông quay lại, trao cho chàng trai một chiếc chìa khóa. “Bước vào đi. Cửa các con đó. Thomna. Vào đi.”

Căn phòng đã hoàn toàn được trang bị đầy đủ, có thể ở ngay được. Phải nói là trong căn phòng thật đầy đủ tiện nghi, ẩm cúng tường cùng đâu đã có người từ nhiều năm nay, và chủ căn phòng hẳn phải là một cặp vợ chồng trẻ rất thương yêu nhau, có thói quen mỗi ngày mua sắm bày biện thêm một chút. Bà Anoola và mấy đứa con gái – trừ Thomna – đã bày biện, sắp xếp căn phòng này nhiều tuần nay.

Tất cả những việc vừa xảy ra càng làm cho Stavros khổ tâm.

Món quà này đối với Thomna hoàn toàn là một kinh ngạc. Đôi mắt nàng trào nước mắt, và nàng vội quay lại, chạy đến cha nàng và ôm hôn ông. Lúc đó, mọi người lao xao. Katie khóc, mấy ông chú cười và xem xét các vật

trong phòng. Anoola đến gần Stavros: “Con coi cái này...Cái này trước của ông ngoại con...Khi ông mất...”

Stavros: “Sao?”

Ông Aleko: “Tất cả mọi vật trong này đều thuộc về một người nào đó trong gia đình, đã khuất. Ba không biết mẹ con muốn nói gì, nhưng thôi, con không cần quan tâm”

Thomna: “Ba, ba...”

Nàng lại gần hơn để nói thầm bên tai cha.

Ông Aleko: “Gì con?”

Thomna: “Ba, con cảm ơn ba rất nhiều. Nhưng thôi ba, ba đem mấy người kia ra hết giùm con đi. Con muốn biết chàng có thích không?”

Katie và Stavros đứng trước cửa phòng nhìn vào trong phòng ngủ. Katie đang làm cuộc thí nghiệm đầu tiên đối với phái nam.

Katie: “Ồ...đây là phòng ngủ...”

Stavros: “Phải”.

Katie đỏ bừng mặt, ấp úng. Từ xa, nàng nghe tiếng cha nàng gọi. Ông Aleko đứng trước phòng, tụ tập mọi người lại, và đẩy họ ra ngoài.

Ông Aleko: “Katie! Ra đây. Đừng quấy anh con nữa.” Rồi ông quay sang những người kia: “Đi ra. Đi ra. Đi ra hết.”

Lúc đi ra, Katie thì thầm với cha: “Anh ấy thích con.”

Nó đi ra ngoài. Ông Aleko nháy mắt với Thomna, rồi đi ra sau cùng. Cánh cửa được đóng lại. Thomna đến bên cửa và khóa lại. Rồi nàng đi vào phòng ngủ.

Stavros đang đứng bên cửa sổ phòng ngủ. Ánh nắng xuyên qua, dội vào phòng. Thomna bước đến bên người chồng tương lai của nàng và nhìn chàng. Đây là lần đầu tiên họ được một mình cạnh nhau, và cũng là lần đầu tiên nàng có cơ hội nhìn thẳng mặt chàng, đứng thật gần chàng, như nàng vẫn hằng mong. Stavros đã chịu ảnh hưởng nhiều bởi bầu không khí ấm cúng và sự rộng lượng của gia đình Sinyosoglou.

Thomna nói khẽ: “Stavros, anh.”

Stavros: “Gia đình em thật tốt. Ba em như một ông vua. Đúng vậy. Một ông vua.”

Thomna: “Nhưng nhiều lúc em nghĩ gia đình em có quá nhiều con gái. Lạy Chúa tha tội cho con. Nhiều lúc em mong các đứa em gái của em là em trai hết.”

Nàng cười gượng gạo.

Stavros: “Anh thích gia đình em.”

Thomna hơi bạo: “Anh có thương em không?”

Stavros: “Có chứ.”

Thomna: “Nếu anh không thương em, thì anh có nói cho em biết không/”

Câu hỏi thật đơn giản, thẳng thắn, tuy nhiên đầy vẻ thăm dò, cho nên Stavros không thể làm gì hơn là nói sự thật.

Stavros: “Không...Anh sẽ không nói ra.”

Thomna, sau một lúc im lặng: “Anh...”

Stavros: “Nhưng anh thương em.”

Thomna hơi dạn: “Giống như chồng thương vợ vậy hả?”

Stavros: “Ồ...”

Thomna: “Em xin lỗi. Anh không cần phải trả lời gì hết...”

Hai người im lặng, lúng túng.

Stavros: “Chúng ta đi ra ngoài?”

Thomna vội vàng: “Khoan đã anh. Ở lại đây với em một chút đi. Em chưa lúc nào có dịp nói chuyện riêng với anh mà không có gia đình ở bên.

Stavros: “Chúng ta từng nói chuyện riêng với nhau rồi mà.”

Thomna: “Nếu anh nghĩ vậy. Nhưng lúc nào?”

Stavros: “Nhiều lần.”

Thomna: “Vâng.”

Im lặng một lúc. Rồi Thomna khẽ gọi: “Stavros!”

Stavros: “Gì vậy, Thomna?”

Thomna: “Anh có chuyện gì muốn nói với em không?”

Stavros: “Không.”

Thomna: “Anh đừng giận về điều em sắp nói ra nghe? Nhiều lúc em cảm thấy anh có điều gì lo nghĩ, một bí mật nào đó mà anh không...”

Stavros: “Không. Không có gì hết.”

Thomna: “Không phải là em mong ước được anh nói cho em biết tất cả mọi chuyện. Hay bất cứ chuyện gì. Nếu anh không muốn. Em chỉ muốn mọi việc được đúng như anh muốn vậy thôi. Anh có nghe em nói gì không?”

Stavros: “Có. Thomna ạ.”

Thomna: “Em mong mình xinh đẹp hơn. Để làm vui lòng anh.”

Stavros: “Em đừng lo nghĩ đến chuyện đó.”

Thomna: “Nhưng em là một người con gái tốt. Rồi anh sẽ thấy. Em là một người vợ tốt. ANh chỉ cần cho em biết anh muốn em làm những gì. Em sẽ làm bất cứ việc gì anh bảo em.”

Stavros: “Vâng. Thomna. Đừng khóc, Thomna. Đừng khóc, em.”

Chàng chợt cảm thấy bức tường lạnh lùng bao vây chàng nứt rạn ra. Giọng chàng hồi hã: “Đừng khóc, Thomna. Đừng khóc nữa.”

Thomna: “Vâng. Thôi. Vâng. Em không khóc nữa rồi đó.”

Stavros: “Chuyện gì vậy em?”

Thomna: “Em sợ quá.”

Stavros: “Sợ gì?”

Thomna: “Sự im lặng của anh. Anh nói gì đi.”

Rồi nàng gần như gào lên: “Nói gì đi. Nói gì đi. Nói gì đi. Nói gì đi. Stavros!”

Nàng tỉnh táo trở lại. Hay làm bộ như vậy.

Thomna: “Xin lỗi anh. Suốt sáng nay em cảm thấy lo sợ. Đêm rồi em nằm mơ. Em có thể kể cho anh nghe giấc mơ của em không?”

Stavros: “Nếu em muốn.”

Thomna lại mất bình tĩnh: “Anh có muốn nghe hay không? Anh có muốn nghe không?”

Stavros: “Em có muốn uống một ly nước lạnh không?”

Thomna bình tĩnh hơn đôi chút: “Không. Em lấy làm xấu hổ. Em xấu hổ quá. Em xử sự như một cô gái nhỏ. Em lớn hơn anh ba tuổi. Họ đã không nói với anh điều đó”.

Stavros: “Chuyện đó không quan trọng gì đâu.”

Thomna: “Em nằm mơ thấy chúng ta có một đứa con. Nó giống hệt anh, tóc nâu quăn rất rậm, và thật mềm mại, gáy thật thẳng, như của anh vậy đó. Thằng bé dói. Em cho nó bú. Nó rúc vào vú em...nhưng em không có sữa. Nó mút mút...”

Stavros: “Em đừng lo. Rồi em sẽ có.”

Thomna: “Em không hiểu em có thể kể cho anh nghe đoạn tiếp không?”

Stavros cảm động: “Dĩ nhiên là được. Em kể tiếp đi.”

Thomna cười gượng gạo: “Anh quay đầu sang phía kia một chút đi...Nó có răng...Răng nó làm em đau. Rồi bỗng đứa bé biến thành anh. Em muốn nói – nó là anh. Và anh đẩy ra, và nhìn em thất vọng. Rồi anh bỏ đi, và không bao giờ trở về với em nữa.”

Stavros: “Ồ!”

Thomna: “Anh có tin mộng mị không?”

Stavros: “Có.”

“Anh có tính làm vậy không?”

“Có”

Stavros hoàn toàn không ngờ mình sẽ trả lời như vậy. Câu hỏi được đặt ra cho chàng quá nhanh và quá bất ngờ, và câu trả lời của chàng bật ra một cách ngẩn phát. Ngay lúc bấy giờ, chàng cảm thấy thương Thomna vô cùng.

Nàng ngẩn người, im lặng. Rồi....

Thomna: “Stavros! Stavros! Anh vừa nói gì? Anh vừa nói gì vậy?”

Đó là một câu hỏi mà nàng sợ phải nói ra, nhưng nàng cảm thấy bắt buộc phải hỏi.

Chỉ mới lúc này, chàng mới chợt ý thức được mình vừa tiết lộ điều gì. Chàng choáng người vì sự đối chiếu đột ngột tình trạng của chàng lúc này, và việc chàng đã làm.

Thomna: “Stavros...”

Stavros: “Việc này...Anh làm việc này vì...” Chàng không thể nào nói tiếp. “Em cứ xem như em rất may mắn. Em sẽ không gặp lại anh nữa.”

Thomna: “Stavros...”

Stavros: “Một trăm mười đồng tiền Thổ Nhĩ Kỳ là giá vé tàu thủy đi Mỹ.”

Thomna: “Mỹ? Mỹ?”

Stavros: “Theo chuyến tàu gần nhất.”

Thomna: “Em không hiểu nổi”. Tồi chợt nàng bắt đầu hiểu ra. “Ồ... Mỹ?”

Stavros: “Đúng vậy”

Thomna: “Và anh định...?”

Stavros: “Phả.”

Thomna: “Ồ.” Rồi nàng không thể nói gì thêm được. Một lúc sau: “Em vẫn không hiểu nổi. Anh muốn đi sang đó đến nổi...”

Stavros: “Em phải ở vào địa vị anh mới có thể hiểu nổi việc đó.”

Thomna: “Rồi bây giờ anh làm gì?”

Stavros: “Anh không biết. Anh cũng không cần. Cái gì cũng được.”

Nàng bước lại gần chàng, giọng thật dịu dàng: “Nếu anh muốn dùng tiền của chúng ta để đi sang Mỹ, thì...”

Stavros: “Không.”

Thomna: “Em là của anh. Những gì của em là của anh.”

Chàng gần như không thể tin nổi những lời vừa nghe.

Stavros: “Làm sao em có thể làm như vậy được?”

Thomna: “Em không có lý do nào để sống ngoài anh ra”. Nàng nhìn chàng say đắm, ngây thơ. “Em mong mình xinh đẹp hơn, vì anh.”

Stavros: “Làm sao có thể có người nào như vậy được?”

Cuối cùng chàng nghĩ đến nàng.

Stavros: “Thomna, em đừng tin ở anh. Vì hạnh phúc của em, đừng tin tưởng gì vào anh.”

Thomna: “Em chỉ có anh.”

Stavros cúi đầu: “Em đừng tin anh.”

Bây giờ lần đầu tiên, Thomna ngã vào lòng chàng.

Thomna: “Stavros, anh, cưng, rồi chuyện đó sẽ trôi qua. Ba nói vậy. Sẽ trôi qua như một cơn bệnh. Khi anh có con, anh sẽ không còn nghĩ như vậy nữa. Phải không, anh?” Nàng nhận thấy một vài phản ứng nơi chàng. “Sao?”

Sao?” Không có tiếng trả lời. “Stavros, rồi chuyện đó sẽ trôi qua. Em tin chắc vậy.”

Im lặng một lúc lâu. Sự im lặng của chàng trai đó, một cái gì khủng khiếp. Chàng đột nhiên đứng lên và đi ra cửa. Thomna gọi theo: “Bây giờ anh đi đâu?”

Chàng dừng lại chờ, nhưng không trả lời.

Thomna: “Một năm. Em sẽ chờ đợi một năm. Rồi nếu anh...”

Im lặng. Không trả lời. Chàng đã trở vào trong vỏ sên của chàng.

Thomna: “Thôi. Tùy anh quyết định. Em sẽ không nói gì với ba hết. Em sẽ chờ đợi.”

Chàng đi ra khỏi. Nàng ngồi đó, một mình, trong phòng.

CHƯƠNG V

N gày hôm sau, trong công ty buôn thảm Sinvosoglou một biến cố quan trọng xảy ra. Ông Aratoon Kebabian, một trong những khách hàng quan trọng từ Hoa Kỳ đến Constantinople để mua thảm. Một cơ sở buôn bán như của Công ty Sinyosoglou và Huynh Đệ phần lớn trông cậy vào một số khách hàng buôn sỉ hiếm hoi, mà hầu hết đều từ Mỹ sang. Vì vậy họ phải làm mọi cách để lấy lòng những khách hàng đó.

Stavros và một số phu khuân vác đang khiêng một cuộn thảm Sarouk. Stavros im lặng và suy tư. Một người phu giục chàng.

Ông Aleko: “Mau lên. Mau lên một chút đi nào.”

Ông qua sang ông Aratoon Kebabian, hết lời ca tụng: “Tôi để anh ba mươi tấm thảm Sarouk khổ 9x12 cho ông đó. Thử hỏi mấy đứa nhỏ coi.” Quay sang những người vừa khiêng bó thảm vào: “Đúng vậy không?”

Mấy người phu ầm ừ: “Thưa phải.”

Ông Aleko: “Ở sau kho đó! Đây kín giống như trứng gà dưới bụng mẹ.”

Ông cầm một góc tấm thảm mà Stavros và mấy người phu vừa trải ra và kéo lại gần ông Aratoon Kebabian. Ông này đang ngồi trên ghế, như một ông vua, với chiếc nón rơm thay vương miện. Bên cạnh ông, đã bày sẵn một bàn con chất đầy những kẹo ngọt và một ống điều thuốc nước (giống như thuốc Lào của VN ta) mà thỉnh thoảng ông lại rít một hơi. Ông ta đã bảy mươi hai tuổi, nhưng trông trẻ hơn đôi chút – trừ vào buổi sang, trông ông già hơn. Trong tay ông cầm những trái bi mã não. Ông ăn bện như thể sắp sửa đi dự một buổi đua ngựa vậy.

Ông Aleko: “Ông thông thạo về thảm hơn tôi. Ông dư biết là ông chưa mấy khi trông thấy những tấm thảm đẹp như những tấm này. Ông thử sờ coi. Thật là mềm mại. Như tơ vậy.”

Rồi chợt ông Aleko đổi hướng. Với sự phụ giúp của Stavros và mấy người phu, ông cầm một góc thảm kéo lại phía bà Kebabian.

Ông Aleko: “Thưa bà, mời bà sờ thử coi tấm thảm Sarouk này.”

Ông Aratoon: “Bà ta không biết gì về thảm đâu, ngoại trừ sống nhờ vào tiền lời buôn thảm.”

Ông Aleko: “Cứ để bà ấy sờ thử coi cho biết. Bà sờ thử đi!” Quay sang Stavros: “Stavros, con ngủ gật sao? Mang tấm thảm lại đây đi. Hôm nay con làm sao vậy?”

Bà Sophia: “Ông đừng bận tâm làm gì. Tôi không thích thảm đâu.”

Bà ta không thích thảm, vậy nên ông Aleko dẫn Stavros đến giới thiệu: “Thưa bà, bà cho phép tôi giới thiệu với bà ông chủ tương lai. Một ngày kia tất cả đây sẽ thuộc về hẳn. Stavros Topuzoglou, con rể tương lai của tôi. Stavros, lại đây con, hôn tay bà Kebabian đi.”

Bà Sophia Kebabian là một người đàn bà bốn mươi bốn tuổi ngăm ngăm, mảnh khảnh, yếu điệu, sang trọng, xa xăm. Da mặt bà hồng hào như vừa uống rượu. Bà để ý thấy Stavros có vẻ tư lự.

Bà Sophia: “Cháu không cần phải hôn tay tôi.”

Ông Aleko: “Dĩ nhiên. Bên Mỹ người ta không làm việc đó. Vậy bà chỉ vẽ cho nó bên Mỹ người ta làm sao. Xin bà tin tôi. Cậu con rể tương lai của tôi mơ ước được đi Mỹ”.

Bà Sophia: “Này ông Sinyosoglou, ông không cần phải rao hàng với tôi, ông nên rao hàng với chồng tôi.”

Stavros cảm thấy thích bà ta. Lối xử sự của bà hợp ý chàng. Ông Aleko cười gượng gạo. Ông không quen gặp những người đàn bà “nói lại” với ông.

Bà Sophia nói tiếp với ông Aleko: “Ông chồng tôi sẽ mua hàng của ông. Ông ta chỉ hành hạ ông chút đỉnh chơi vậy mà.”

Một khay thức uống được chuyển đến mời mọi người. Ông Aratoon bần khoăn nhìn bà vợ, xem bà có cầm không.

Bà Sophia: “Không. Không. Xin cảm ơn...”

Ông Aleko: “Bà làm ơn chỉ bày cho nó bên Mỹ người ta làm sao?”

Bà Sophia: “Ồ...”

Bà ta chìa bàn tay ra. Stavros ngập ngừng đưa tay cầm.

Bà Sophia: “Không phải vậy. Anh cầm lấy tay tôi. Thế này. Đúng rồi. Lắc đi. Như thế này.”

Stavros: “Bên Mỹ người ta làm vậy sao? Ý tôi muốn nói là giữa đàn ông và đàn bà?”

Bà Sophia: “Dĩ nhiên.”

Ông Aleko vui mừng thấy bà Sophia thích chàng trai, nói: “Tất cả mộng lớn trên đời đó là được đi Mỹ. Bà thử tưởng tượng coi.”

Bà Sophia: “Có gì đâu. Nhiều người đã thực hiện.”

Ông Aleko: “Nhưng một cậu trai như thế này! Trời đất!”

Stavros suýt quay sang cự nự với ông. Bà Sophia để ý đến cử chỉ đó. Rồi chợt ông Aleko nhận thấy chuyện gì đổi khác sau lưng ông, và quay lại chạy về phía ông Aratoon, đang tính bỏ đi.

Ông Aleko: “Ông Aratoon, ông đi đâu đó?”

Ông Aratoon: “Đến giờ ăn rồi. Cái bụng tôi là cái đồng hồ của tôi”.

Stavros khẽ quay sang bà Sophia: “Bà là người Mỹ?”

Chàng chưa bao giờ được trông thấy một người đàn bà dạn dĩ, tự do. Chàng nhận xét người đàn bà trước mặt, bị lôi cuốn bởi những cử chỉ, bộ điệu, quần áo, nước hoa của bà ta. Đối với chàng, bà ta là nước Mỹ.

Bà Sophia: “Vâng. Tôi sinh ra ở đây, nhưng ông Kebabian đem tôi sang Mỹ, hai mươi lăm năm trước đây, khi tôi lấy ông ấy và tôi...”

Bà kéo tấm màn phru mặt lên. Bà nhìn chàng. Chàng nhìn bà ta.

Ông Aratoon: “Sophia, bà có đi không?”

Bà Sophia: “Không. Tôi không đi đâu.”

Ông Aleko: “Ba phải đi mới được. Họ đang chờ chúng ta ở nhà hàng Abdullah. Tôi đã nói với ông quản lý. Hẳn bà đã nhìn thấy mặt ông ta khi tôi xưng danh Ông Bà Aratoon Kebabian.” Ông ta quay sang ông Aratoon. “Tất cả những món mà ông từng dùng ở đó và tỏ ý thích, thì hôm nay đều dọn sẵn. Bà phải đi mới được.” Rồi lại quay sang bà Sophia: “Trông bà gầy đi”.

Ông Aratoon: “Bà ta không chịu ăn. Tôi đã cưới một người đàn bà, vậy mà bây giờ, coi đó!”

Bà Sophia: “Tôi không thích ăn khi không thấy đói.”

Stavros mỉm cười với bà ta. Chàng nhận ra đây là một người đàn bà dám phản kháng, một đồng đội.

Ông Aratoon: “Ông coi. Bà ta cãi lại tôi. Họ làm hư bà ta. Cái ngày bà trở thành công dân Mỹ là bà trở nên hư.” Quay sang vợ: “Này, Bản Tuyên Ngôn Độc Lập chỉ là chuyện chính trị. Không dính dự gì đến đàn bà hết”. Rồi quay sang ông Aleko: “Thôi. Chúng mình đi. Hết hy vọng nơi bà ra.” Rồi với bà vợ: “Tôi để xe lại cho bà dùng.”

Ông đi ra.

Bà Sophia đang đi phố mua sắm, và mang nhiều gói đồ.

Stavros: “Tôi có thể giúp bà mang những món đồ này về khách sạn của bà không?”

Bà Sophia: “Tại sao không. Được. Cám ơn anh.”

Bà Sophia và Stavros đi vào căn phòng của ông bà Kenbaban trong khách sạn PeraPalace. Bà thích thú trước viễn cảnh một cuộc phiêu lưu, đóng vai một người phụ nữ sang trọng, quý phái. Họ được một cô tớ gái người Đức đón.

Bà Sophia: “Bertha, chào ông...”

Stavros: “Topouzoglou.”

Bà Sophia: “Anh dùng cơm trưa?”

Stavros: “Thưa không. Không dám phiền.”

Bà Sophia: “Bertha!”

Stavros: “Sợ phiền bà”.

Bà Sophia: “Có gì phiền đâu.”

Stavros: “Tôi không thích ăn khi tôi không đói.”

Bà Sophia: “Ờ...Tất cả mọi người Hy Lạp đều được dạy phải từ chối hai lần. Tôi không chịu tin anh, cho đến lúc nào anh từ chối lần thứ ba. Anh dùng gì. Anh thật dễ thương.”

Stavros: “Không. Tôi không dùng gì đâu.”

Nhưng chàng không tỏ ý muốn đi ra. Do dự. Chàng mỉm cười lúng túng. Bertha đang bận bịu với rương quần áo ở phía sau.

Stavros: “Cả một tủ áo? Đi đâu bà mang theo cả? Tôi có thể...?”

Bà Sophia: “Bertha. Chỉ cho ông này xem đi.”

Stavros đến xem xét cái rương quần áo.

Stavros: “Mỹ! Mỹ!”

Bà Sophia mỉm cười. Chàng trai quì xuống bên rương quần áo.

Bà Sophia: “Chỗ này đựng giày. Anh thấy không?”

Stavros: “Bà có tạp chí nào từ Mỹ không? Hình ảnh nhật báo?”

Bà Sophia: “Có chứ. Anh muốn xem không?”

Stavros mỉm cười, gật đầu.

Stavros: “Bà cho phép tôi?”

Một lúc lâu sau. Bà Sophia nằm trên giường trong phòng ngủ, uống nước ngọt. Bertha đi vào. Bà Sophia nói nhỏ “Bertha”. Bertha “Dạ, thưa bà.” Bà Sophia: “Nó còn ở đó không?”

Bertha: “Thưa bà còn.”

Bà Sophia đứng lên, bước ra cánh cửa căn phòng ngủ và phòng khách. Bà mở nhẹ nhẹ. Stavros đang ngồi dưới sàn, vẫn chăm chú vào tờ tạp chí. Rồi chàng nhìn thấy một chiếc nón rơm của ông Aratoon. Chàng nhón gót đi lại gần, đội lên. Chàng ngắm bóng mình trong gương, nhấp nháy mắt.

Chàng trai làm cho bà Sophia xúc động. Tại sao? Bà không rõ. Nhưng chàng đánh thức một cái gì trong tâm hồn bà tưởng đã chết từ lâu. Bà uống nước ngọt, rồi bước lại bàn trang điểm, ngồi xuống, nhìn vào gương. Nếu ánh mắt có lời nói, thì người ta có thể nghe: “Tôi vẫn còn xinh đẹp vào lứa tuổi của tôi.” Bà lại uống thêm ngụm nước.

Stavros ngồi xuống sàn, nhìn vào tờ tạp chí, thì cửa mở và ông Aratoon đi vào.

Ông Aratoon hỏi, lúc đi vào phòng ngủ: “Anh vẫn còn ở đây?”

Chàng trai không biết trả lời làm sao. Nhưng ông Aratoon không chờ trả lời, đã đi thẳng vào phòng ngủ.

Chẳng hiểu vì một lý do nào đó, Stavros cảm thấy có lỗi. Và hơi lo sợ. Chàng lắng nghe.

Ông Aratoon: “Nó vẫn còn ở lại đây sao?”

Bà Sophia trả lời nhỏ: “Phải. Để nó dùng cơm tối với chúng ta, rồi đưa chúng ta đi xem vũ.”

Stavros nhìn lên. Bà Sophia bước ra cửa phòng ngủ.

Bà Sophia: “Anh biết một nơi nào chúng ta có thể xem vũ được không?”

Stavros: “Dĩ nhiên tôi có biết.”

Chàng mỉm cười. Bây giờ chàng biết bà ta thích chàng.

Sau đó, trong một hộp đêm, những vũ công luân phiên khiêu vũ trước đám nhạc công. Trước chiếc bàn đặt trên sân khấu, bà Sophi đang ngồi uống nước. Ông Aratoon thì đang ăn lấy ăn để như thể là buổi trưa bị nhịn đói. Nhạc tới một chỗ nghỉ.

Bà Sophia nói với Stavros: “Tôi muốn nhìn anh khiêu vũ.”

Stavros mỉm cười. Rồi không nói thêm tiếng nào, chàng đi ra sàn nhảy. Chàng ném vài đồng tiền lên sàn. Họ bắt đầu trở một bản nhạc mới, và chàng khiêu vũ một mình.

Sophia nhìn chàng. Ông Aratoon dùng hết thức ăn, nhìn tay ông bám đầy dầu ô liu và mỡ, và đứng lên đi rửa tay.

Stavros vừa khiêu vũ vừa đi về phía bà Sophia, bây giờ ngồi một mình. Vừa khiêu vũ trước mặt bà, theo những điệu nhịp nhàng, chàng vừa phát âm những tiếng khe khẽ, hướng về bà có vẻ say đắm, mời mọc. Đôi má bà nóng bừng. Bà đưa hai bàn tay che má. Những giọt nước mắt nhẹ nhẹ tràn xuống. Bà bưng ly uống.

Lát sau, một nhạc sĩ độc tấu một bản nhạc cổ truyền. Ông Aratoon đã gục đầu ngủ trên bàn. Stavros và Sophia nói chuyện qua ông Aratoon ngồi ở giữa. Bây giờ bà Sophia đã hơi say, say một cách nhẹ nhàng, thấm thía. Trong lời bà nói ra, có một cái gì chua chát, u mặc.

Bà Sophia: “Tôi được mười tám tuổi, lúc cha tôi nói với tôi: Lấy ông ta đi.” Bà chỉ ông Aratoon, đang ngủ. “Tôi chưa bao giờ được phép nhìn cái của lạ đó một mình, một người đàn ông. Cho đến lúc gặp ông ta.” Bà ta lai gật gù với một chút điệu cột hương về phía ông chồng đang ngủ. “Ngay ngày hôm sau lễ cưới, ông ta đem tôi đi Mỹ. Và trước khi tôi biết ra, thì tôi đã có hai đứa con trai. Rồi sau đó, chuyện gì nữa? Ông ta đã có những gì ông ta muốn. Còn tôi...thành một người đàn bà đi vào tuổi già, với hai con trai, và một ông chồng có tiền của, đêm nào cũng đánh bài. Tôi chưa bao giờ sống tuổi hai mươi của mình. Hay tuổi hai mươi mốt, hay tuổi hai mươi hai của tôi vẫn nằm sâu kín trong tôi, chờ đợi đó, như một bào thai chờ ra đời. Anh biết không? Làm sao anh biết được?”

Bà không thể nói tiếp. Vì bà đang khóc. Stavros nhìn bà thương hại. Bà nhìn chàng – một tia nhìn khao khát, nường tựa. Chàng cúi mình qua bàn, cầm bàn tay bà, lật ngửa, rồi đặt môi lên đó. Chàng đứng lên, sắp bước đi, chợt đặt tay lên vai bà, chỗ gần gáy.

Lần đầu tiên trong đời, bà Sophia cảm thấy bàng hoàng, nong cháy. Đôi mắt bà lim dim. Tất cả thân thể bà run rẩy trong một kích động sâu xa. Bà cố gỡ bàn tay ra, nhưng không được. Rồi bà đành để cho cơn xúc động chiếm đoạt lấy toàn thân bà. Bà trở lại phía bên kia, yếu ớt, xa xăm. Bà từ từ gỡ bàn tay ra.

Bà Sophia nhìn Stavros – trách móc? Bà chưa bao giờ bị một ai lôi cuốn. Và cũng chưa bao giờ nghĩ rằng có thể có ai lôi cuốn được. Bà quay sang ông chồng. Vài sợi tóc dài mà ông thường dùng để dấu chỗ hói trên đầu xỏa xuống. Bà dịu dàng vuốt lên. Bản nhạc cổ truyền tại nó. Bà nhìn ông Aratoon với ánh mắt dịu dàng mà bà chưa bao giờ có trước đây. Bà đã thoát khỏi ông. Bà mỉm cười, rồi quay sang Stavros, bây giờ với giọng thẳng thắn, đột ngột: “Đem ông ta về thôi.”

Trong văn phòng hãng tàu vận tải Lloyd của Đức, một tấm vé được đóng dấu bằng một cái đập xuống mạnh và nhanh của cái máy kiểm. Người trưởng phòng trao tấm vé cho gã thư ký. Gã thư ký trao tiền cho người trưởng phòng. Rồi gã thư ký cầm tấm vé, đi lại quầy bán vé trao cho Stavros.

Cuối cùng chàng đã cầm trong tay tấm vé tàu đi Mỹ! Chợt những cục giấy vo tròn đập vào đầu chàng. Chàng nghe những tiếng cười rộn sau lưng.

Ngồi lom khom sát vách sau lưng chàng, có tám đứa nhỏ ngồi xồm thành hàng dọc, cùng lứa tuổi, cùng tình trạng y phục giống nhau: rách rưới và tràn đầy hy vọng. Chúng cười nhảu như đàn khí.

Mấy hôm nay, sự giận dữ của Stavros dễ bộc phát. Chàng quay người lại. Rồi chợt chàng nhận ra một trong mấy đứa là Hohannes. Hắn đưa tay làm hiệu với chàng. Stavros đi lại phía hắn.

Stavros: “Anh? Anh cũng đi?” Hohannes gật đầu. “Có phải tôi đã nói với anh là đừng bỏ cuộc? Sao, chuyện gì xảy ra cho anh?”

Hohannes: “Ông này. Ông ta đem tất cả chúng tôi đi.”

Một người đàn ông to béo, ông Demos Agnostis đang đứng bên quầy vé, mua vé hạng chót cho tám cậu trai.

Stavros xúc động bất ngờ: “Tất cả các anh đều đi hết sao?”

Hohannes: “Ông ta có một chỗ đánh giày ở thành phố Nữ Ước, và...”

Hohannes lại lên cơn ho, không thể nói tiếp được.

Một đứa con trai khác: “Ông ta trả tiền vé cho chúng tôi. Tàu Kaiser Wilhelm.”

Stavros: “Làm sao? Các anh làm gì...?”

Một cậu trai: “Chúng tôi làm thuê cho ông ta. Hai năm không lương.”

Stavros: “Thế à?”

Người ta có thể nhận thấy những dấu hiệu của một sự giằng co trong tâm hồn Stavros. Thèm thường? Tiếc hận? Tại sao bỗng tim chàng như nặng trĩu?

Stavros: “Này ông ta có chịu thuê thêm một người nữa không?”

Hohannes: “Không. Ông ta chỉ thuê tám đứa thôi. Tôi có đến tiệm buôn của anh nói cho anh biết, nhưng gặp anh đang bước lên xe ngựa với mấy người sang trọng.” Hắn đưa tay làm một cử chỉ mô tả cái bụng phệ. “Ăn uống no nê. Ăn uống no nê. Vì vậy tôi nghĩ có lẽ...”

Đột nhiên, cái mặt nạ tự mãn của Stavros lại được mang vào: “Dĩ nhiên! Hai năm làm việc không ăn lương. Như nô lệ. Các người tưởng tôi là loại người gì? Lạy chúa!”

Hohannes: “Với tôi như thế cũng tốt lắm rồi. Ờ, mà anh cũng đi nữa?”

Stavros: “Phải. Đừng lo cho tôi. Cùng trên một chuyến tàu nữa chớ. Cùng trên một chuyến tàu với nhau cả.”

Hohannes: “Làm sao anh kiếm ra đủ tiền? Phải rồi – anh có những bạn bè giàu có.”

Stavros: “Phải. Tôi có những bạn bè giàu có.”

Căn phòng trọ của Stavros thật là trơ trụi. Vài tấm chiếu trải ra ở một góc là giường nằm. Ngoài món đó ra không còn đồ đạc gì khác. Chàng ngồi lom khom dựa sát tường. Chàng không rời cái vị trí phòng thủ đó. Trước

mặt chàng chỉ có hai đồ vật: một gói quần áo, và bên cạnh, cái tấm vải nệm che vai của phu khuân vác.

Thomna: “Nhưng còn linh hồn của anh, linh hồn bất diệt của anh?”

Stavros: “Cho mục nát luôn!”

Thomna: “Stavros, anh đừng nói vậy có tội.”

Stavros: “Cái trò có tội với không có tội đó là chuyện riêng của những bọn giàu sang. Em có thể khoái trò đó. Anh thì không.”

Thomna: “Nhưng anh xuất thân từ một gia đình gia giáo.”

Stavros: “Phải. Và bây giờ cả nhà đang chờ một tin mừng, phải, ít ra cũng một chút tin mừng.”

Thomna: “Nhưng cha anh. Cha anh sẽ nói sao?”

Stavros: “Anh không muốn trở thành như cha anh. Anh không muốn trở thành như cha em. Anh không muốn cái đời sống gia đình đầm ấm này.”

Chàng đã nổi khùng. “Tất cả những người đàn ông này, họ chịu ở lại đây để sống nhục nhã. Anh chán ngấy cái đời sống gia đình quá yên ổn này rồi: Những bọn đi nhà thờ đều đặn, bố thí cho người nghèo đều đặn cũng chỉ biết sống trong đê nhục. Những kẻ khả kính, những kẻ lịch sự, những cử chỉ đẹp đẽ! Nhưng tôi, tôi phải đi. Tôi sắp đi. Dù có thế nào, dù có ra sao cũng mặc.”

Sau cùng, chàng dừng lại, lấy được bình tĩnh, giọng nói dịu dàng hơn, nhưng vẫn cứng rắn:

“Anh veiets thơ mời em đến đây bởi vì anh muốn nói cho em biết sự thật, trước khi anh đi. Cái sự thật về con người thật của anh, để em không còn nghĩ đến anh nữa.”

Nàng không trả lời, nhìn những đồ vật trên sàn phòng.

Thomna chỉ tấm vải phủ vai của phu khuân vác, hỏi: “Cái này là cái gì vậy? Anh đem theo sao?”

Stavros: “Dĩ nhiên. Không thể trông cậy vào ai, hay vào cái gì được. Với cái đó, sang Mỹ, anh có thể kiếm ăn được.”

Chàng vuốt ve tấm vải phủ vai của phu khuân vác một cách trù mến.

Thomna nói bằng giọng dịu ngọt. Bây giờ nàng đành chấp nhận: “Xin Chúa che chở anh.”

Stavros: “Anh biết sẽ không bao giờ có thể gặp được một người nào như em”.

Thomna bật khóc: “Stavros, người yêu của lòng em, của linh hồn em, rồi biết anh sẽ ra sao?”

Và bây giờ, lần đầu tiên trong bao nhiêu năm tháng, Stavros cảm thấy tâm hồn mình mềm yếu. Giọng chàng dịu ngọt, và đầy hy vọng: “Anh tin rằng...Anh tin rằng sang Mỹ...Anh tin rằng anh sẽ được rửa sạch.”

CHƯƠNG VI

Chiếc tàu The Kaiser Wilhelm đang tiến ra khơi. Một đợt sóng lớn chạm vào mũi tàu, bắn tung tóe lên sàn tàu.

Đứng trên mũi tàu, Stavros và Hohannes dõi mắt tìm dấu bờ biển, mặc dầu họ biết phải lâu ngày mới thấy lại.

Cô tớ gái Bertha từ dưới cầu thang trèo lên, theo sau là một thủy thủ. Đoạn đường này trước đây họ đã từng đi qua. Gã thủy thủ nhìn ra Stavros và đi về phía chàng. Chiếc tàu chòng chành. Đám hành khách nghèo trên boong tum lại sau phòng máy thành từng toán ướn nhẹp.

Gã thủy thủ vốn có tánh khinh miệt bất cứ công việc gì không phải là những công việc gã coi là công việc lao động lương thiện. Gã đi lại bên Stavros, đứng trước mặt chàng tra, cười mỉa: “Bà lớn đến cử đòi kẹo rồi đó.”

Stavros bây giờ đã thành thạo trong việc che dấu tình cảm thật của mình, làm như không nhận ra sự khiêu khích đó. Nhưng chàng trai bắt đầu cảm thấy nhục nhã trong địa vị khó xử của chàng. Hohannes không hiểu chuyện gì xảy ra, nhưng nó cũng nhận thấy được vẻ xấu hổ của bạn.

Stavros: “Tại sao anh nhìn tôi kiểu đó?”

Hohannes bằng giọng gắt gỏng: “Tôi muốn đi.” Rồi như hối hận, thêm: “Tôi sẽ đem cho anh ít bánh kẹo.”

Stavros cảm thấy như mọi người trên thế gian này chê trách chàng. Chàng làm bộ dạng phớt tỉnh một cách thách thức khi đi xuống, theo sau cô Bertha. Trong hoàn cảnh hiện tại, chàng không tìm ra cách nào khác để có thể sống được.

Đoàn người – Bertha, Stavros, gã thủy thủ - đi đến trước cửa phòng gia đình Kebabian. Bertha gõ nhẹ lên cửa. Có một tiếng trả lời nhỏ. Nàng quay lại Stavros, nói thẳng ra: “bà thích anh mỉm cười.”

Nàng mở hé cửa cho Stavros đi vào, còn nàng thì đi lại cửa bên cạnh, cửa phòng ngủ của ông Arartoon Kebabian, và mở cửa bước vào trong.

Nàng đóng cửa lại, và nhón gót nhẹ nhẹ lại bên giường ngủ. Ông Aratoon ngáy nặng nhọc nhưng không to lắm, tiếng ngáy của một ông già. Bertha ngồi xuống một chiếc ghế cạnh giường, cầm lên một mảnh vải, và bắt đầu thêu.

Ngày hôm sau, biển lặng. Mũi tàu rẽ sóng lướt tới. Đứng sát mạn tàu, phía mũi, Hohannes đứng nhìn Stavros. Stavros càng trở nên gầy gò bao nhiêu, thì Hohannes lại càng trở nên thông cảm bấy nhiêu. Nó cảm nhận được sự nhục nhã của chàng trai đằng sau cái mặt nạ, và thương chàng vì vậy.

Stavros: “Đừng có nhìn tôi hoài bằng cặp mắt thương hại đó nữa.

Hohannes quay mặt đi, lúng túng. Rồi gã bắt đầu lên cơn ho. Cứ mỗi lần nó lên cơn ho mà không thể dẫn xuống được, nó lại đảo mắt lăm lét nhìn xem ông Agnotis có ở đâu đó không?

Stavros: “Anh bị vậy bao lâu rồi?”

Hohannes: “Bệnh ho của tôi ấy à? Đó là điều đầu tiên mà tôi nhớ được khi lớn lên.”

Nó cúi thấp người và thì thầm, đưa tay chỉ vào ngực: “Tôi biết mình bị sao rồi.”

Stavros: “Bình tĩnh lại đi nào.” Chàng cố gắng làm cho hẳn chú ý sang chuyện khác. “Họ nói ngày mai thấy đất liền rồi.”

Hohannes: “Nhưng trước khi cơn bệnh đó đánh ngã được tôi, nếu tôi có thể...Tôi đã nói cho anh hay chưa?”

Stavros: “Thôi để lúc khác nói...”

Hohannes: “Lúc ở nhà, sáng sớm nào tôi cũng phải đi xách nước. Từ nhà đến giếng khá xa. Anh biết nước nặng lắm. Bây giờ đứa con trai duy nhất là tôi đã đi khỏi, thì mẹ tôi phải đi xách nước lấy. Vì vậy sáng nào tôi cũng nghĩ đến cái đoạn đường cực nhọc đó của mẹ tôi.”

Hắn xúc động và lại lên cơn ho, nhìn quanh quất xem có ông Agnotis có ở gần không? Một tiếng còi xe lên.

Từ dưới, gã thủy thủ bước lên kiểm Stavros. Stavros đi vài bước về phía gã thủy thủ, rồi chợt quay lại với Hohannes, nói bằng một giọng lần đầu

tiên không còn giữ kẽ, không còn ngờ vực: “Ở nhà tôi có ba em gái, bốn em trai.”

Hohannes có vẻ không hiểu: “Vậy hả? Rồi sao...”

Stavros: “Dần dần tôi sẽ đem chúng nó sang với tôi. Rồi anh sẽ xem.”

Hohannes: “Chuyện tự nhiên rồi. Đó là...điều quan trọng. Đó là điều quan trọng duy nhất. Tự nhiên rồi.”

Bây giờ bằng một dáng điệu ngông nghênh Stavros đi về phía gã thủy thủ.

Hohannes cảm thấy thương Stavros hơn. Nó nói một mình: “Có chuyện gì quan trọng hơn được nữa! Tự nhiên!”

Những đàn chim biển vừa bay lượn quanh cột buồm chiếc tàu The Kaiser Wilhelm vừa kêu. Từ xa, hiện ra sau làn sương mỏng, là bờ biển Long Island. Hohannes đứng trước mũi tàu, quay lui gọi lớn:

“Stavros! Stavros!”

Nhưng Stavros không có ở đó.

Những hành khách hạng chót ở trên boong tàu chạy lại nhìn lên bờ biển. Những chiếc đầu đưa ra ngoài các cửa sổ tàu. Những hành khách này phần lớn là những người nghèo khổ nhất sống trong những vùng đất quanh Địa Trung Hải. Họ vẫn còn bận những y phục bản xứ của họ. Những gói đồ của họ để sát bên cạnh. Họ là những người Ý, Lỗ Ma Ni, Albania, Serbia, Nga, Tiệp Khắc, những người Do Thái theo đạo Chính Thống để râu dài, những người cuồng tín. Và toàn là đàn ông. Chỉ có một đứa trẻ với chiếc khăn quấn quanh cổ.

Trong phòng riêng, ông Aratoon Kebabian đã thức dậy. Nàng Bertha ngồi bên cạnh, tiếp tục thêu.

Ông Aratoon hỏi: “Cái gì ồn áo vậy?”

Bertha: “Đến Long Island rồi.”

Ông Aratoon tỏ ra không quan tâm: “Thế à. Tôi ngủ bao lâu rồi?”

Bertha: “Một hai giờ gì đó.”

Họ nghe có tiếng xì xầm bên phòng bà Sophia. Stavros đang sửa soạn đi lên, mặc dầu bà Sophia muốn giữ lại.

Nàng Bertha nói với: “Để tôi sang báo cho bà biết ông đã thức.”

Nàng đi lại cửa phòng ngủ của Bà Sophia, và mở cửa đi vào thật nhẹ nhàng. Ông Aratoon lắng tai nghe.

Bertha: “Thưa bà ông đã dậy.”

Có tiếng thềm thì, những tiếng chân thật nhẹ, tiếng cửa thông qua hành lang mở ra và đóng lại. Ông Aratoon ngáp một hơi dài. Bertha lại trở vào.

Bertha: “Thưa ông, bà sẽ sang ngay sau khi trang điểm xong.”

Ông Aratoon: “Tôi đã chờ đợi quá lâu rồi.” Rồi ông nhìn thẳng vào mắt Bertha: “Bertha! Bertha! Bây giờ nói đi.”

Nàng Bertha đứng trước mặt ông: “Thưa ông, thưa ông, tôi đã làm hết sức để vừa được lòng ông, vừa được lòng bà. Nhưng ông hiểu bà như thế nào. Ông hiểu như thế nào?”

Ông Aratoon: “Tôi cũng hiểu ai trả lương cho cô. Cô hiểu không?”

Bertha: “Thưa có.”

Ông Aratoon: “Nếu vậy, nói hết cho tôi nghe đi. Gọi cho tôi một bình trà Anh, rồi nói cho tôi nghe.”

Trên boong tàu, đằng mũi, Stavros chạy lại bên Hohannes. Những đứa con trai kia và cả ông Agnostis cũng đứng đó.

Hohannes: “Stavros! Nhìn xem. Nhìn đi. Ông Agnostis nói đó là thành phố Coney Island.”

Stavros: “Những vệt cong cong kia là gì?”

Hohannes tỏ vẻ hiểu biết: “Đường xe. Người Mỹ làm đường trên cao.”

Stavros và Hohannes nhìn lên miếng đất mơ ước. Chợt Hohannes nổi cơn ho dữ dội. Hẳn lo sợ ông Agnostis sẽ để ý. Hẳn gục đầu vào vai Stavros để cố dằn những tiếng ho. Stavros cảm thấy lúng túng vì bị ôm chầm. Chàng cố làm tỉnh. Chàng cố gắng trấn an Hohannes và làm cho hẳn khỏa lấp cơn ho, như người ta dễ dành một đứa trẻ:

“Coi kìa! Coi kìa! Hohannes, đừng ho nữa. Đừng. Coi đây này. Tôi có đem cho anh một ít kẹo đây này.”

Hohannes, nói một cách khó khăn: “Có điều này... Cái bà bạn của anh... có những thứ kẹo thật ngon.”

Hẳn cầm một chiếc kẹo.

Một nơi khác trên tàu, một nhóm người lớn gồm nhiều gia đình, có cả những người đàn bà bỗng con, cất tiếng hát một bản nhạc bằng tiếng Ukraina, ngâm chứa bao nhiêu lưu luyến.

Hohannes đã trấn tĩnh lại được. Hấn và Stavros đưa mắt nhìn vào bờ biển.

Đêm xuống, Stavros và Hohannes vẫn còn đứng đó. Những boong tàu, sau lưng họ gần như không còn ai. Hai chàng trai cùng hát một bản nhạc cho nhau nghe. Bản nhạc đến đoạn cuối.

Hohannes: “Chúng ta sẽ luôn luôn là bạn thân.”

Stavros: “Đời khó được như vậy. Đời đầy dẫy hội ngộ và chia ly.”

Hohannes: “Cha tôi thích bản nhạc này lắm. Chủ nhật nào ông cũng nói: Hohannes, lại đây, hát đi con.”

Hấn cất tiếng hát bản nhạc mà Stavros và Vartan đã hát đầu câu chuyện này, bên sườn núi. Stavros phụ họa, và vừa hát, chàng vừa lấy chiếc khăn đội đầu của Vartan ra, chiếc khăn mà chàng luôn mang trên đầu, nhìn một lúc, rồi thả xuống biển.

Stavros: “Ngày mai, việc đầu tiên của tôi là kiếm một chiếc nón rơm mà người Mỹ hay đội.”

Ông Aratoon đã được Bertha cho nghe hết câu chuyện, và đã đến lúc ông hành động. Trong phòng ngủ của ông, vẫn nằm trên giường, ông bắt đầu hành hạ Stavros.

Aratoon: “Như vậy là ngày mai, vì anh không có ai bảo lãnh, cũng như không có nghề nghiệp bảo đảm, nhà chức trách sẽ trả anh lại nguyên quán. Bây giờ, tôi có thể tặng anh vài lời khuyên nhủ không? Anh nên đến trước ông Aleko Sinyosoglou, quì gối xuống, cố nhỏ ra vài giọt nước mắt dù là giả dối chẳng nữa, cầm tay ông ta lên mà hôn, rồi xin lỗi ông ta. Ông ta sẽ cho phép anh trở lại. Con gái ông ta xấu quá, thành ra ông ta không còn cách nào khác. Được không?” Stavros im lặng. “Và từ những chuyện đáng buồn đó, nên nhớ lấy một bài học: khi anh buộc một người đàn bà phải chọn lựa, thì nàng sẽ chọn lựa tiền bạc. Đúng không?”

Stavros: “Nàng là một người tốt.”

Ông Aratoon: “Nàng đang ở phòng bên cạnh, dán tai sát vách để nghe hết mọi tiếng nói. Tại sao nàng lại im lặng? Tại sao?” Stavros lại im lặng. “Anh sẽ làm gì? Ê? Anh biết không, tôi chưa bao giờ thấy một khuôn mặt nào như của anh trừ trong nhà giam. Tôi có cảm tưởng là anh sẽ không ngừng lại ở một cái gì hết. Đúng không? Anh không có chút danh dự nào cả sao?”

Stavros: “Tôi chôn kỹ danh dự trong lòng tôi.”

Có một vẻ độc ác lộ ra trên nét mặt lão già.

Ông Aratoon: “Cái gì? Cái gì? Chôn kỹ trong lòng anh? Này trước đây anh là gì tôi không biết, nhưng bây giờ anh là một thằng điếm. Một chàng điếm đực! Bán trôn nuôi miệng! Anh hiểu không? Đừng đứng đó huýt sao. Tao đã thấy hàng trăm thằng như mày. Những thằng con trai bỏ nhà đi để tìm một đời sống tốt lành, nhưng chỉ càng ngày càng trở nên bẩn thỉu hơn. Mày ngừng huýt sáo kiểu đó lại ngay đi. Này, nói tao nghe thử: Ít lâu nay mày có soi mặt mày vào gương không? Hỏi thật mày, giả thử lúc này cha mày thấy mày, còn nhận được ra mày không? Ông ta còn biết mày là ai không?”

Những tiếng khóc uất nghẹn thốt ra từ cuống họng chàng trai, đứt quãng, và không giúp chàng thấy nhẹ đi được phần nào. Cánh cửa phòng bật mở, và bà Sophia chạy vào. Bertha đang đứng tại ngưỡng cửa. Bà Sophia: “Thôi! Thôi!”

Ông Aratoon: “Bà về phòng bà ngay lập tức.”

Trong hành lang ngoài phòng, hai thủy thủ và một người bồi đã được cắt canh gác.

Bà Sophia: “Đừng hành hạ anh ta như vậy nữa. Đừng hành hạ anh ta nữa. Anh ta đã làm cho đời sống của tôi trở nên phong phú, chỉ trong hai tuần lễ vừa qua, hơn là ông đã làm suốt đời ông!”

Stavros đẩy bà Sophia ra cửa: “Sophia, bà đi a ngoài đi.”

Sophia: “Ông ta không thể xử với anh như vậy được.”

Stavros: “Vậy là phải. Tôi đã đi quá xa. Cảm ơn bà đã đem tôi đến đây.”

Chàng đóng cửa lại, và đứng đối diện với ông Aratoon. Chàng cảm thấy nhẹ nhõm trong người phần nào, khi thấy vụ này đã kết thúc, mặc dầu bây

giờ chàng lại phải tìm cho được một lối thoát cho riêng mình.

Stavros: “Này, ông Kebabian.”

Ông Aratoon: “À, té ra có lúc anh cũng phải mở miệng.”

Stavros: “Phải.” Chàng ngừng lại. “Tôi không có gì để nói cả.”

Ông Aratoon: “Anh còn nói gì được nữa? Sự thật là sự thật. Anh biết anh là hạng người gì rồi.”

Stavros: “Phải. Ngoại trừ...Này, ông Kebabian, tôi đã bị đánh đập, bị đánh cắp, bị bắn, bị vứt bỏ coi như đã chết. Tôi đã phải ăn những đồ thừa vất cho chó, đã phải đuổi chó đi để giành giật. Tôi đã đi làm phu bến tàu...”

Ông Aratoon: “Bây giờ...! Bây giờ anh mới biết anh là hạng người gì...một tên phu!”

Stavros: “Phải. Thưa ông, phải. Nhưng bây giờ tôi đã đến được đây. Tôi đã được nhìn bờ biển và thành phố này từ xa. Ông tưởng có thể có một kẻ nào đủ sức ngăn cản không cho tôi đến đó sao?”

Ông Aratoon: “Tôi đang chờ chứng kiến đây”.

Stavros: “Tôi sẽ tìm được cách, tôi sẽ tìm ra một cách...” Chàng ngừng nói. Chợt hiểu ra ý nghĩa lời nói của lão già. “Ông nói sao? Sao?”

Ông Aratoon đưa cánh tay đang đưa ra định bấm chuông gọi bồi.

Ông Aratoon: “Tôi nói là tôi chờ chứng kiến. Tôi sẽ trông thấy người ta đưa anh trở về nguyên quán.”

Stavros chồm lên người lão già, một tay bụm miệng lão không cho lão la lên, tay kia bóp cổ lão, trước khi lão kịp bấm chuông. Bertha từ phòng bên kia bước vào.

Stavros: “Ông phải thề là sẽ không nói gì, không hành động gì!”

Bertha đã chạy ra ngoài hành lang la lớn: “Bớ người ta, cứu cứu, cứu chủ tôi với.” Hai tên bồi và một thủy thủ nhào vào phòng. Stavros bị kéo ra khỏi lão Aratoon. Những quả đấm, chửi bới, náo loạn. Trong lúc đó. Bertha la hét “Đồ khốn nạn. Đồ khốn nạn.”

Ông Aratoon: “Thằng này đánh tôi. Hắn tính giết tôi. Hắn là một tên sát nhân.”

Một thủy thủ và hai tên bồi kéo Stavros ra khỏi phòng. Ông Aratoon đi theo sau.

Ông Aratoon: “Ê tên phu kia, đây là nước Mỹ. Mày nghe không? Nước Mỹ đây rồi. Bây giờ mày tính làm gì? Mày làm gì nói nghe thử? Ê, ê, tên phu kia.”

Bằng một phản ứng tuyệt vọng cuối cùng, chàng trai quay lại những kẻ đang lôi kéo chàng cào cấu, cắn xé, đâm đá. Nhưng lần này, họ đánh chàng như tử, cho đến lúc chàng chịu khuất phục rồi kéo chàng ra khỏi phòng, lúc đó mềm nhũn, bất động.

Bác sĩ trên tàu là một người Đức nhỏ con, yếu đuối, mặc một chiếc áo trắng vấy bẩn. Ông cầm miếng bông thấm thuốc sát trùng. Rồi ông lại nơi Stavros nằm trên một cái văng trong phòng cứu thương của chiếc tàu, dành cho hành khách hạng ba. Hohannes cũng đang ở đó. Stavros rùng mình khi bác sĩ chậm thuốc vào các vết thương.

Ông bác sĩ: “Đáng lý không nên đánh người ta trên tàu. Đầu người không cứng như nó tưởng đâu. Thôi để cho nó nghỉ.

Hohannes: “Tôi sẽ ở lại đây với anh ấy.”

Giữa đêm, Stavros mơ cơn ác mộng đầu tiên của chàng. Hohannes nằm trên sàn tàu, bên cạnh chàng.

Stavros, thì thào: “Hohannes! Hohannes!”

Hohannes: “Gì đó? Có tôi đây.”

Stavros: “Cha của tôi còn ở đây không?”

Hohannes: “Cái gì của anh? Cái gì? Ờ...Không. Không có”

Stavros: “VẬY té ra...Người vừa rồi là ai vậy?”

Hohannes: “Bác sĩ.”

Stavros: “Ông ta có nghe không? Ông ta có nghe được chúng ta nói chuyện không?”

Hohannes: “Đừng lo. Ông ta ngủ rồi”

Stavros: “Cha tôi nói: chừng đó đủ rồi. Cha xấu hổ vì con. Cha xấu hổ vì những hành động của con. Hãy trở về, hãy bắt đầu lại.”

Chàng bật cười lớn: “Cười làm cho tôi đau nhức quá. Nhưng anh có tưởng tượng được không? Làm lại cuộc hành trình này một lần nữa? Trời

đất!”

Hohannes: “Anh nằm mơ đó! Ngủ lại đi.”

Stavros: “Trời đất! Hohannes, anh có tưởng tượng nổi không?” Chàng bật cười và lại cảm thấy đau nức. “Hohannes ở lại đây với tôi.”

Hohannes: “Tôi ở lại đây nếu anh thức.”

Stavros mê dần đi. Nét mặt chàng tối sầm lại, và trông chàng có vẻ lo âu.

Stavros: “Anh biết sự thật chớ? Điều tôi thích nhất trên đời này là làm lại cuộc hành trình này một lần thứ hai. Sự thật là như vậy đó. Bắt đầu lại hoàn toàn, từ đầu...Ồ...ồ...”

Hohannes xúc động nhiều. Đột nhiên hắt lại lên cơn ho dữ dội. Hắn đảo mắt nhìn sang lão bác sĩ, lúc đó đã thức vì tiếng ho của Hohannes.

Bác sĩ: “Hắn ra sao?”

Hohannes sợ hãi: “Anh ta đang nằm mơ. Chuyện này chuyện kia.”

Bác sĩ: “Không có gì đáng ngạc nhiên. Hắn bị đánh trên đầu nhiều quá. Anh nên trông chừng hắn đi.”

Hohannes: “Vâng.”

Bác sĩ: “Hắn có thể làm một hành động điên rồ không chừng. Thôi, ngủ đi. Anh hơi nặng rồi đó. Ngày mai gắng đừng để cho người Mỹ nghe được anh ho. Bằng không họ sẽ trả anh về nguyên quán.”

Ngày hôm sau, trên boong tàu, đằng mũi, hành khách khó thấy được gì, vì sương mù khá dày. Chiếc The Kaiser Wilhelm chậm chậm chạy tới. Những tiếng ồn ào thông thường của một hải cảng vang đến tận tai mọi người. Giữa đám sương mù hiện ra tượng Nữ Thần Tự Do, làm như đang tiến lại phía tàu. Vừa thấy kho tượng, các hành khách đều đứng cả dậy. Có một âm thanh – hay chỉ là tưởng tượng? – âm thanh của một tiếng thở ra đồng loạt.

Một chiếc tàu kéo lớn chạy đến cặp vào sát mạn tàu. Những viên chức thuộc cơ quan y tế Hoa Kỳ chuẩn bị lên tàu.

Stavros bị băng ở đầu. Chàng giống như một kẻ tuyệt vọng điên cuồng sắp tự tử.

Một cậu bé đánh giày được sai đi tìm Hohannes. Hắn gọi, vẫy, rồi gọi.

Hohannes định đi tới. Stavros kéo hắn lại, và thì thầm với hắn những lời căn dặn cuối cùng:

“Tại anh hồi hộp quá nên mới phát ho. Nhắm mắt lại đi. Tưởng như anh đã xây xong cái giếng. Và mẹ anh, cha anh nhìn anh biết ơn. Anh tưởng tượng được cái quang cảnh đó không?”

Hohannes: “Được. Được chứ.”

Stavros: “Tôi sẽ chờ anh ngay dưới hành lang. Ngay sau khi khám xong, đến gặp tôi ngay nghe.”

Chàng ra dấu cho Hohannes chạy đi, đẩy hắn đi, nhưng hắn quay lui.

Hohannes: “Nhưng rồi còn anh thì sao?”

Stavros: “Tôi có kế hoạch của tôi.”

Hohannes đến gần, thì thầm: “Kế hoạch gì?”

Stavros làm một cử chỉ giải thích rằng chàng sẽ nhảy xuống biển rồi bơi vào bờ.

Hohannes: “Anh bơi xa được vậy không?”

Stavros quay mặt đi: “Người ta nói rằng khi cần con người biết cách làm được bất cứ việc gì để cứu mạng sống mình.”

Hohannes: “Nếu anh không biết bơi, thì không thể nào bơi được.”

Stavros: “Anh nên đi đi thôi. Đi đi. Đi”.

Hohannes: “Nhưng nếu anh chết đuối?”

Stavros: “Còn hơn là phải trở về.” Chàng đẩy hắn đi. “Thôi đi. Họ chờ anh kia kìa.”

Hohannes cầm tay Stavros và hôn.

Hohannes: “Tôi sẽ đền ơn anh. Một ngày nào đó. Tôi sẽ đền ơn anh.”

Stavros, giọng gắt gỏng: “Nên thực tế một chút. Sau ngày mai chắc chúng ta không bao giờ gặp mặt nhau nữa đâu. Rồi anh sẽ quên tôi. Còn tôi? Tôi không biết sẽ ở đâu”.

Những cậu trai đánh giày ngồi tụ tập trên mép giường trong phòng nhỏ của họ. Ông Agnostis và viên chức y tế công cộng đứng giữa phòng.

Ông Agnostis: “Cũng như năm ngoái vậy. Tám thằng nhỏ khỏe mạnh.”

Hohannes đang làm theo lời dặn của Stavros. Hắn áp một bên mặt vào gối, còn tay kia thì đưa lên che tai. Hắn tưởng tượng ra cái cảnh bên cái

giếng, với cha mẹ hẳn đang tỏ lòng biết ơn đối với hẳn.

Ông Agnostis: “Tất cả đều con nhà tử tế cả. Sức khỏe hoàn toàn. Có công ăn việc làm, không có chi phải lo ngại. Mọi việc đã kiểm soát hợp lệ cả.

Cuối hành lang, Stavros đứng chờ.

Đôi mắt Hohannes sáng rực lên vì cái quang cảnh trong tường tượng đó.

Viên chức y tế: “Tốt. Tốt.”

Ông bước ra khỏi phòng của những cậu trai đánh giày, và đi lại phía Stavros, sau lưng ông bắt đầu rộn lên những tiếng vui mừng.

Stavros chờ cho viên chức y tế đi ngang qua. Sau lưng ông ta những tiếng reo vui vẫn còn tiếp tục. Chợt chúng ta nghe được một tràng pháo ho, át tất cả mọi tiếng ồn ào khác: tiếng ho dữ dội của Hohannes. Stavros nghe tiếng ho đó, và chàng bỗng có ý nghĩa là chân viên chức y tế lại, giữ ông ta lại, để ông ta có thể nghe tiếng ho đó. Rồi ngay khi viên chức y tế lại sát chỗ chàng đứng, Stavros quay người, và áp mặt vào vách hành lang. Chàng đã chế ngự được cái ý nghĩa phản bội bạn. Bây giờ chàng áp mặt thật sát vào vách hành lang. Viên chức y tế đi qua chỗ Stavros đứng, bước vào cánh cửa sau lưng chàng.

Stavros vẫn áp mặt sát vách hành lang, run lên vì cơn xúc động khi nghĩ rằng suýt chút nữa chàng đã phản bội bạn. Hohannes sững điên người, chạy ra khỏi phòng và đến gần Stavros, hoan hỉ tràn trề.

Hohannes: “Stavros! Stavros!”

Rồi hẳn lại nổi cơn ho, lần này không thể nào dẫn được. Lúc hẳn đến bên Stavros, cơn ho làm cho hẳn kiệt sức. Hẳn ngã vào giữa đôi tay của Stavros, ngất xỉu.

Cánh cửa mà viên chức y tế vừa bước vào là cửa vào bệnh viện trên tàu, giành cho hành khách hạng ba. Viên chức y tế lúc đó nghe cơn ho, bên chạy ra cửa. Viên bác sĩ trên tàu bước theo sau. Bây giờ không ai nghi ngờ gì về số phận của Hohannes nữa.

Stavros vẫn ôm chặt Hohannes. Chàng nhìn viên chức y tế.

Trong phòng của các cậu trai đánh giày, một cuộc họp đang diễn ra, và mọi người đều có mặt. Ông Agnostis nói với Stavros:

“Tôi nói với anh rồi, là tôi chịu thuê anh. Nhưng anh đọc đây, đây này. Văn kiện của chín phủ Hoa Kỳ. Không có tên anh. Anh muốn tôi vào tù sao chứ?”

Im lặng. Mọi người ngồi im.

Hohannes: “Thế tên tôi đi. Tôi xin ông. Để anh ấy lấy tên tôi, Hohannes Gardahian.”

Ông Agnostis: “Nhưng không thể có hai các anh được. Không thể nào lại có hai Hohannes Gardshian được. Thôi chịu thu đi. Cả hai anh trở về đi. Trở về với nhau cho đỡ buồn.”

Đêm đó, trên tàu mọi người đều ăn mừng. Sáng mai, bảy giờ, mọi người sẽ bắt đầu lên bờ. Đây là đêm cuối cùng các hành khách đánh giá cái tình bạn đồng hành trên một chuyến vượt biển.

Đầu mũi tàu, Stavros và Hohannes đứng sát vào nhau, choàng tay qua vai nhau.

Hohannes: “Bao giờ?”

Stavros: “Ngay khi mọi người ngủ say.”

Hohannes: “Tôi không muốn anh...”

Stavros quay lại mỉm cười với Hohannes, một nụ cười kẻ cả, quyết liệt, nửa như khinh khi, nửa như thương xót, một nụ cười cương quyết.

Một đám hành khách hạng nhất tràn lên mũi tàu. Những người đàn bà đều bận váy dài, màu sắc tươi sáng.

Một cô gái: “Đi hạng ba thơ mộng đó chứ.”

Người đàn ông: “Họ chiếm chỗ tốt nhất trên tàu.”

Hohannes: “Tôi quyết định rồi. Nếu anh nhảy xuống, tôi cũng nhảy theo...Tôi không biết bơi. Tôi sẽ đeo cứng anh. Tôi sẽ la lên. Tôi không thể để anh đi. Không thể được.” Hắn xuống giọng năn nỉ bạn. “Stavros, thôi đi, thôi đừng điên như thế nữa.”

Hắn khóc.

Những người ăn mừng đêm cuối cùng trong chuyến vượt biển đã đem những nhạc sĩ theo họ, và bây giờ đờn ca vang lên. Những hành khách hạng nhất bắt đầu khiêu vũ.

Stavros cảm thấy ghen tức, giận dữ, và uất hận. Chàng nhảy vào giữa đám người khiêu vũ, làm những bước nhảy và quay, điên cuồng kỳ lạ.

Một người: “Coi kìa. Coi ngoài kia kìa. Coi kìa.”

Stavros nhảy nhót và đá vào không khí như một người điên. Những tiếng hét man dại, điên cuồng thoát ra khỏi miệng chàng. Bao nhiêu đau khổ dồn nén bấy lâu nay đã nổ tung ra.

Hohannes nhìn Stavros với lòng thương yêu tuyệt đối. Bây giờ Stavros quay như một giáo sĩ Hồi Giáo, chạy vòng quanh, đầu nghiêng sang một bên, đôi mắt sáng rực bằng một tia sáng cuồng nhiệt. Hohannes không một lúc nào rời mắt khỏi Stavros, chăm chăm đứng lên. Stavros càng lúc càng tuyệt vọng hơn lên. Hohannes đột ngột quay mặt đi nhìn xuống biển. Hắn có một ý nghĩa bất chợt. Hắn nhìn xuống mặt biển đen trong vịnh. Cứ mỗi lần nói: “Trước khi cơn bệnh này đánh ngã tôi!” Hắn lại đưa tay nhẹ đặt lên ngực. Bây giờ hắn làm cử chỉ này lần cuối.

Stavros làm cho mọi người khâm phục. Họ reo hò ầm ĩ.

Không để ai thấy, Hohannes trèo qua lan can tàu, rồi để thân thể rơi xuống mặt nước đen ngòm.

Những hành khách hạng nhất vỗ tay reo hò ca tụng Stavros. Ngay lúc đó, chàng ngừng hẳn lại. Chàng không muốn nhận bất cứ một thứ gì từ tay họ, kể cả sự ca tụng. Chàng nhìn họ bằng ánh mắt thú ghét. Rồi chàng hét lên: “Lạy Chúa!” và bỏ đi.

Hohannes khiếp sợ khi xuống nước. Hắn bắt đầu lên cơn ho. Hắn chìm xuống, rồi nổi lên, rồi ho, và mất sức rất mau. Hắn chìm hẳn.

Những người ăn mừng chạy theo Stavros, yêu cầu chàng khiêu vũ nữa, những cô gái tán tỉnh, liếc mắt với chàng trai man dại, níu kéo không cho chàng đi.

Trên mặt nước đen ngòm, không còn chút dấu vết nào của Hohannes.

Stavros gỡ đám đông ra, bước đến chỗ chàng vừa đứng với Hohannes. Chàng nhìn quanh tìm kiếm, gọi khẽ: “Hohannes! Hohannes.”

Những hành khách hạng nhất đang lên bờ. Ban nhạc thổi một bản nhạc vui. Những hành khách hạng ba đứng nhìn theo. Họ chờ đến lượt họ.

Tám cậu trai đánh giầy, bây giờ Stavros thay vào chỗ Hohannes, đang nhìn theo những hành khách hạng nhất rời tàu. Bà Sophia và ông Aratoon đang đi xuống cầu thang. Không ai nhìn lui, Stavros không mong chờ được chào từ biệt. Có một bàn tay vỗ nhẹ lên vai.

Đó là cô tớ gái Bertha. Vội vàng, cô ta đưa cho chàng một gói giấy và một phong thư.

Bertha: “Của bà Kebabian.”

Cô ta quay gót chạy đi. Stavros mở gói giấy lôi ra một chiếc nón rơm đàn ông. Chàng nhìn chiếc nón, mỉm cười, đội lên đầu. Chàng khẽ reo: “Lạy Chúa!” Rồi chàng mở phong thư ra. Bên trong có một tờ giấy bạc. Không có gì khác. Ông Agnostis và các cậu trai kia xúm quanh.

Ông Agnostis: “Ồồồồ! Năm mươi Mỹ Kim.Ồồồồ!”

Trong dãy nhà dành cho di dân ở khu Ellis Island, ba hàng người sắp hàng trước ba chiếc bàn. Trước một phong ba chiếc bàn, tám cậu trai đánh giầy đang đứng, do ông Agnostis hướng dẫn. Bây giờ đã đến phiên họ. Stavros đội chiếc nón rơm. Ông Agnostis thì cầm các giấy tờ của ông ta, và bây giờ ông ta đưa ra trình viên chức cơ quan Di Dân ngồi sau bàn. Viên chức này đã từng gặp ông Agnostis trước đây rồi.

Viên chức: “Ồ, xem những ai đây! Lại thêm tám thằng nhỏ nữa. Chúng sang hoài, sang hoài. Mấy tên nô lệ nhỏ của ông sao?”

Ông Agnostis cười gượng gạo. Mấy cậu trai nhìn lo lắng.

Viên chức: “Sợ hết hồn phải không?”

Ông ta quay sang viên chức ngồi bàn gần đó: “Jack! Cái tên mà chúng ta đang tìm kiếm là ai vậy – người Hy Lạp – phải không? Vì tội hành hung, phải không?”

Stavros nhìn chăm chăm. Ông Agnostis cúi xuống, làm bộ thắt lại nút giầy. Ông ta lồng trong bàn tay một tờ mười Mỹ kim, và đưa về phía gã viên chức nhà nước. Ông kia đưa tay cầm lên. Trong lúc đó...

Jack: “Trong tờ giấy vàng ấy mà.”

Stavros đang nhìn tờ mười Mỹ kim và đôi chân cẩu gã viên chức nhà nước.

Stavros: “Lạy Chúa.”

Tiếng kêu chuông lớn lắm. Gần như một tiếng lấm bầm. Nhưng đó là lời phản kháng. Giấc mơ của chàng đang bị phá tan.

Viên chức nhà nước nhìn Stavros. Rồi ông mỉm cười một cách kỳ lạ. Ông ta lấy tờ giấy vàng ra. Viên chức nhà nước, đọc hơi sai: “Stavros Topouzoglou. Ai trong mấy người có tên đó?”

Ông Agnostis: “Thằng đó chết đêm qua.”

Viên chức: “Còn mày, mày tên gì?”

Ông ta nhìn Stavros.

Ông Agnostis: “Hohannes.”

Viên chức: “Tôi không hỏi ông. Hẳn nói được, nói được không? Mày tên gì?”

Bây giờ Stavros đã hiểu: “Hohannes Gardashian.”

Viên chức: “Mày muốn trở thành công dân Mỹ không?”

Ông Agnostis: “Có. Thừa có. Có”

Viên chức: “Vậy thì việc trước tiên là phải đổi lại cái tên đó. Mày có muốn có một cái tên Mỹ không?”

Ông Agnostis ra hiệu cho Stavros đồng ý đi, nhưng Stavros không hiểu. Chàng lặp lại mạnh bạo: “Hohannes Gardashian.”

Viên chức: “Tao biết rồi.”

Stavros gần như hét lên: “Hohannes!”

Viên chức nhà nước vội vàng: “Đủ rồi, Hohannes. Mày chỉ cần chừng đó là được.”

Ông ta viết loáy ngoáy gì đó lên giấy rồi trao cho Stavros.

Viên chức: “Đây này. Mày có đọc được không?”

Dĩ nhiên là Stavros không đọc được. Ông Agnostis đến gần và đọc: “Joe Arness.” Rồi ông chột hiểu ra, lấm bầm: “Hohannes Joe Arness. Hohannes. Ông quay sang Stavros: “Joe Arness. Joe.”

Stavros lặp lại: “Joe.”

Ông Agnostis: “Arness.”

Stavros: “Arness.”

Ông Agnostis: “Joe Arness.”

Stavros gật đầu tỏ ý đã hiểu: “Joe Arness”.

Ông Agnostis nói với vienchuwcs: “Tuyệt!”

Viên chức nhà nước hãnh diện, quay sang Stavros: “Mày thích tên đó không?”

Stavros gật đầu, làm dấu hiệu: “Joe Arness. Joe Arness. Hay! Hay tuyệt.”

Viên chức nhà nước: “Bây giờ kể như mày được sống lại. Mày được rửa tội, đặt tên lại. Lại khỏi cần cha cố chi cả. Đến phiên người kể tiếp.”

Ông Agnostis và tám cậu trai dùng đó đi lên khu phố Mahattan. Dây nhà di dân trên đảo Elhs bây giờ trốn trốn, ngoại trừ ba viên chức nhà nước. Họ đang nhìn xuống một vật: tấm chăn phủ lưng khuân vác của Stavros.

Viên chức thứ hai: “Cái quái gì đó vậy?”

Viên chức kia: “Ờ...chắc là món đồ gì một trong mấy đứa kia bỏ lại.”

Trên đó.

Stavros: “Té ra ở đây cũng vậy! Họ cũng ăn tiền.”

Ông Agnostis: “Bất cứ ở đâu con người cũng ăn tiền. Nhưng mày có thấy hần nhảy dựng lên khi mày nói không? Mày có thấy hần nhảy dựng lên không?”

Stavros: “Có. Lạy Chúa!”

Ông Agnostis cười lớn. Và Stavros bây giờ cũng cười theo, tiếng cười đầu tiên vô tư, tự do thốt ra từ miệng chàng trai kể từ khi chàng bỏ nhà ra đi. Rồi những cậu trai kia cũng họa theo, cười lớn.

Tám cậu trai đi xuống chiếc cầu ván, rồi đến ông Agnostis. Stavros đi đầu đám. Chàng quì xuống đất và cúi mặt hôn lên đất. Rồi chàng đứng lên và hét lớn một tiếng reo mừng.

CHƯƠNG VII

Âm thanh đầu tiên mà chúng ta nghe được là một tiếng vang dội đi dội lại nhiều lần, và được khuếch đại thêm gấp bội, và đó là tiếng vang do tiếng hét của Stavros thốt ra trên đất Mỹ.

Tại quê nhà, cả gia đình Topouzoglou, trong vùng Anatolia đang tụ họp quanh ông Isaac. Cả gia đình đã reo lên đồng loạt. Rồi với bản tính thận trọng cổ truyền, ông Isaac ra hiệu:

“Xxxxiii!”

Ông nhìn quanh quất xem có người nào gần đó không, rồi lại thốt khẽ: “Xxxxiii!” Và bằng giọng thì thầm: “Và đây tờ bạc năm chục Mỹ Kim.”

Bà Vasso thì thầm: “Bao nhiêu? Năm chục Mỹ Kim?”

Ông Isaac: “Đổi ra tiền Thổ Nhĩ Kỳ thì được...được...” Ông đành chịu thua, không thể tin được. “Làm cách nào nó có thể kiếm được nhiều tiền mau như vậy?” Rồi như để trả lời cho câu hỏi của ông: “Mỹ. Mỹ. Mỹ mà!”

Bà Vasso: “Đọc lại lần nữa đi. Đoạn cuối thôi.”

Ông Isaac: “Trên vài phương diện, ở đây cũng không khác gì mấy với quê ta...”

Bà Vasso: “Xxxxiii, nhỏ thôi.”

Ông Isaac: “Không có ai cả.”

Bà Vasso: “Biết đâu đấy. Tiếp đi.”

Ông Isaac đọc lại, bằng một giọng hồi hộp: “Ở đây cũng không khác gì mấy với quê ta...”. Ông đặt lá thư xuống. “Làm sao hẳn có thể quên tình trạng ở đây mau như vậy được.” Rồi ông tiếp: Nhưng con xin thưa với cha mẹ một điều. Ở đây ai cũng có được một cơ hội mới, một dịp may mới. Bất cứ ai có thể sang đây đều có thể bắt đầu lập sự nghiệp. Vậy cha mẹ hãy sẵn sàng. Cha mẹ và các em sẽ sang đây hết. Con đang cố gắng làm việc để thực hiện điều đó. Để đem cả nhà ta sang đây, từng người một.”

Tám cậu trai đánh giày đang đánh giày trong hiệu đánh giày của ông Agnostis ở Nữu Ước. Khách hàng đứng chờ, Stavros cầm mảnh vào đánh

giày vấy làm hiệu cho một khách hàng ngồi xuống. Stavros vẫn đội chiếc mũ rơm của chàng. Khi ông khách rời chỗ ngồi, Stavros khôn khéo đứng lên chào, làm cho ông khách không thể nào không để ý đến, và cũng không thể nào không tặng chàng tiền hoa hồng.

Ông khách: “Cho cậu đó, Joe.”

Stavros cầm đồng xu, tung lên không, đội nó khỏi mu bàn tay, bắt lấy nó, mân mê, rồi nhét vào túi. Rồi chàng cất tiếng hát.

Stavros: “Mời. Mời ông. Đến phiên ông. Mời. Còn nhiều người chờ.”

Trong vùng Anatolia, cả gia đình đang cúi mình trên bức tường trước nhà. Cả nhà nhìn ra đường, nhìn về một phía.

Đột nhiên, trên con đường trước mặt nhà một toán kỵ binh Thổ Nhĩ Kỳ phi ngựa nước kiệu làm bụi đường bay mù mịt. Trong một chốc, không có tiếng động nào khác ngoài tiếng vó ngựa khua trên đường.

Tất cả gia đình đứng đó: ông Isaac, bà Vasso, bốn con trai, ba con gái, cả những bà cô, và ông chú già. Họ nhìn đoàn kỵ binh chạy qua. Rồi giữa mọi người trong gia đình, một nụ cười kín đáo lan khắp mọi khuôn mặt. Bởi vì mọi người đều chia sẻ với nhau một niềm hy vọng, một bí mật mà không một ai trên trần gian này có. Và trong óc tưởng tượng của họ, họ cùng nghe được lời mời gọi mỗi lúc một gần, mỗi lúc một lớn, của Stavros: “Mời. Lại đây đi. Sang đây đi. Đến phiên ông. Đến phiên anh. Đến phiên...Còn nhiều người chờ.”

Và chúng ta có thể nhìn thấy những khuôn mặt đợi chờ của họ.

Và sau lưng, xa xa dáng ngọn núi Aergius, ngọn núi sừng sững với đỉnh núi phủ tuyết nổi bật trên nền trời.

HẾT

★★★

THAY LỜI TỰA

SỰ LIÊU LĨNH CỦA MỘT CAO THỦ ĐIỆN ẢNH

S.N. Behrman

Ông S.N. Behrman là một soạn giả truyện phim, kịch tác giả, giám đốc sản xuất và các địa hạt này đều lỗi lạc và thành công lớn. Ông được coi như một thứ sư tổ của điện ảnh Hoa Kỳ. Elia Kazan thì bắt đầu bằng sự nghiệp đạo diễn, rồi viết truyện phim, viết đối thoại, và cuối cùng mới vào sự nghiệp văn chương bằng cuốn *Vùng Trời Mơ Ước* nguyên tác mang tên: *America America* và nối tiếp bằng hai cuốn *Trở Lại Thiên Đường* (*Arrangemnet*) và *Những Kẻ Sát Nhân* (*Assassins*). Tất cả ba tác phẩm của Elia Kazan đều được quay thành phim, do chính tác giả đạo diễn, và được coi là những cuốn phim có giá trị lớn của nền điện ảnh Tây Phương. Sau đây lời giới thiệu tác phẩm thứ nhất của Elia Kazan, do giám đốc điện ảnh S.N. Behrman viết trong những niềm khắc khoải thú vị nhất, chúng ta phải kể được một người bạn thân chưa từng viết lách gì, trao cho một tác phẩm để nhờ phê bình. Nếu người bạn đó lại là kẻ đã có một tiếng tăm lừng lẫy trên một địa hạt gần gũi với sự nghiệp của mình, thì niềm khắc khoải đó lại được cộng thêm một chút gì tế nhị. Lúc ông Kazan yêu cầu tôi đọc cuốn *America America*, tôi nhờ ngay đến cái giai đoạn mà văn hào Somerst Maugham kể cho tôi nghe, về người bạn của ông, là Winston Churchill. Khoảng năm 1910, Maugham đã đột ngột nổi tiếng như một kịch tác gia. Ông đang có bốn vở kịch cùng được trình diễn một lúc trên các sân khấu Luân Đôn. Trong một bữa tiệc cuối tuần, Churchill nói với ông ta là ông đang có một ý kiến tuyệt diệu cho một vở kịch. Maugham lo sợ khuyên

Winston viết ra đi, và đề nghị một ông bầu – ông bầu của chính Maugham, Charles Frod – man – để nhận đọc bản thảo. Sự thực thì Maugham đề nghị gửi ông bầu đến thẳng với Winston. Ông đề nghị bất cứ việc gì, ngoại trừ việc phải đọc bản thảo của bạn mình. Nhưng Churchill thì nhất định đòi thảo luận với Maugham. Đây là một kinh nghiệm cá nhân, và vì ông quá bận bịu (đang làm thủ tướng) không thể viết được, nên muốn thu xếp để hợp soạn với Maugham.

Vậy là không còn cách gì khác. Hai người bèn hạn nhau dùng bữa tối ở nhà hàng Athe-nacum. Maugham đã chờ đợi buổi chiều đó, trong cái tình thần tôi chờ đón cuốn America America. Cái ý của Churchill tỏ ra rắc rối hơn là uyển chuyển: ông đã thuê bao một phòng trên chuyến tàu hỏa đêm đi Edimburg, và ông vào phòng vệ sinh. Lúc ông cố mở cửa để đi ra, thì cửa kẹt không chịu mở. Ông đâm cửa nhưng vô ích. Những tiếng động của đoàn tàu át tiếng đập cửa của ông. Đoàn tàu lao đảo và ông lo sợ tàu có thể gặp tai nạn. Ông không sợ cho cá nhân lắm nhưng lo sợ rằng một ý kiến mà ông vừa phát hiện về một giải pháp cho một cuộc khủng hoảng chính trị nào đó có thể bị uổng phí. Vì vậy ông ghi vội cái ý kiến đó lên một tờ giấy trong sổ tay, mà ông thường mang theo trong túi, rồi thả xuống khe hở của toa xe, để ý kiến không bị mất mát và làm thiệt hại nặng cho thế giới. Thế đó. Bất cứ ai đã nhận được “những ý kiến tuyệt diệu” cho những vở kịch từ những tay tài tử đều phải công nhận rằng đây là một ý kiến có nhiều hứa hẹn hơn tất cả. Đối với Maugham thì nó lại không đủ hứa hẹn.

Có nhiều trò giải trí văn nghệ say mê hơn là đọc bản thảo của kẻ khác, Lúc cuốn America America đến tay tôi, thì tôi đang bận rộn đạo diễn phim The Guns of August. Tôi cảm thấy bức mình. Điều làm cho tình trạng đặc biệt này trở nên khắc khoải hơn nữa, là vào lúc đó tôi đang cố gắng – tôi đoán chừng tất cả những kẻ viết truyện phim đương thời cũng như tôi – nài nỉ ông Kazan đứng ra đạo diễn cuốn phim của tôi. Lúc ngồi lại với đứa con không được mong muốn, tôi tự hỏi, tại sao một nhà đạo diễn đắt giá nhất, được mời mọc nhất thế giới lại phải đi viết văn! Trong lúc suy nghĩ về chuyện trái cựa đó, tôi cầu nhàu một mình: “Tôi có khoái đạo diễn đâu! Tôi thích viết thôi. Vậy tại sao Kazan lại viết văn?” Nhưng tôi bị cưỡng bách,

cũng như Maugham bị cưỡng bách trong nhà hàng Athanaeum, và tôi đành phải đọc.

Nhưng nếu không có niềm khắc khoải nào thú vị bằng chờ đợi thì cũng không có thú vị nào khoải trá hơn cái kinh ngạc của khám phá – niềm vui sướng của kẻ đi tìm mỏ vàng vừa khám phá ra một mỏ vàng không pha trộn. Ít lâu sau, tôi nghe nói Tennessee Williams cũng đã trải qua một kinh nghiệm với cuốn *America America* tương tự như kinh nghiệm của tôi. Ông nói: “Tôi không muốn đọc cuốn đó, và gác sang một bên, cho đến lúc tôi không có gì để đọc nữa tôi bèn phải đọc vậy, và bạn biết gì không, thật tuyệt!” Sự hoài nghi của tôi kéo dài một lúc khá lâu: độ sáu mươi trang đầu, tôi vừa đọc vừa lẩm bẩm: Hay, tuyệt nhưng chắc là ông ta không thể duy trì trình độ này mãi được. Thế nào, rồi ông ta cũng sụm. Nhưng đến trang sáu mươi, thì đành đầu hàng cuốn *America America*, và đắm mình vào trong câu chuyện. Đề tài thật gần gũi với tôi, gần gũi đặc biệt. Bản thảo đem lại một sự khai triển và soi sáng cho những băn khoăn của riêng tôi bao nhiêu năm nay.

Đề tài là di dân. *America America* kể câu chuyện của một gã Hy Lạp Stavros, sống với một chế độ độc tài tàn bạo trên quê hương gã, và là câu chuyện của những nỗ lực phi thường của gã đến vào quốc gia này. Sự say mê nồng cháy, bản tính sắt thép, và ý chí sắt thép cần phải được gắn liền lại với nhau thì mới có thể làm cho cuộc vượt thoát được thực hiện – một trường bản ca về những trở ngại không thể tưởng tượng nổi từ năm 1620 đến hôm nay, trong đó, riêng những khó khăn về thủ tục thôi cũng đã khủng khiếp lắm rồi – đó là những bí mật mà tôi từng suy ngẫm, từ ngày nào tôi có thể nhớ nổi.

Tôi ra đời trên quốc gia này, nhưng cha mẹ tôi, và các anh tôi là những di dân từ vùng Memel, ở đó, họ đã sống trong cơn ác mộng của những hà khắc của Nga Hoàng. Lúc còn là một cậu bé ở Worcester, Massachusetts, tôi hỏi cha mẹ tôi về cuộc mạo hiểm di cư của họ, nhưng tôi chưa bao giờ khám phá ra được gì nhiều. Tôi đã luôn luôn băn khoăn, cố gắng theo dõi những hành lang đen tối trong đời sống như trước khi họ đến đất này. Lúc tôi thấy, trong đoạn đầu câu chuyện của ông Kazan, những người lính Thổ

Nhĩ Kỳ châm lửa đốt Nhà Thờ, trong đó những người Hy Lạp và Armenia khiếp sợ đang xúm lại cầu nguyện xin Chúa cứu họ khỏi ngọn lửa sắp thiêu đốt họ trong ngôi thánh đường của họ, thì tôi hiểu cha mẹ tôi đã cảm nghĩ như thế nào. Trong những chuyến đi Âu Châu sau này, tôi đã gặp - ở Anh, và Ý, và ở Đức sau Đệ Nhị Thế Chiến - niềm khát vọng của người dân muốn sang Mỹ, nhưng cái khát vọng đó có xuất xứ từ hy vọng cải thiện tình trạng kinh tế. Nhưng đối với những người dân của Stavros, cũng như những người dân của tôi, đây là một vấn đề sinh tử. America - Hoa Kỳ - biểu hiện cho một chỗ trú an toàn mà không một thứ lãnh chúa nào có thể châm lửa đốt. Động cơ này đã là động cơ đầu tiên của nhiều đợt di dân từ Âu Châu. Nó dệt thành bức họa linh động của cuộc sống trên quốc gia này, trong một màng lưới rộng lớn của những trí nhớ chủng tộc. Tôi chưa bao giờ được thấy nó được viết thành bi kịch. Thật là lạ lùng vì đã không có ai làm việc đó. Ông Kazan đã làm. Và không cần ai phải làm lại.

Lần đầu tiên tôi đọc cuốn America America, thì cuốn sách còn mang tựa đề là Nụ Cười của chàng Anatolia. Cái tên sách nhắc nhớ đến nụ cười của Stavros dùng để đương đầu với thế giới thù nghịch. Nụ cười nhường nhịn, nụ cười cầu hòa, nụ cười xin tha thứ. “Lạy quan, lạy các quan da trắng, con có làm gì đâu” nhân vật Mylas, một người da đen trong tác phẩm của Faulkner đã nói cậu đó với những người bắt hấn ta, những người không thèm cho hấn ta biết hấn bị tố cáo vì tội gì. Mãi cho đến đoạn kết cục trong diễn trình làm tình của Stavros, vào cuối truyện, Stavros mới cười lớn tiếng tự nhiên. Cho đến giây phút đó, chàng chỉ biết cười bằng nụ cười “thưa quan, con có làm gì đâu” với những kẻ thù lạnh lùng, cũng như trong tác phẩm của Kafka, để xin tha thứ một tội ác không tên. Tội ác của bất cứ một dân thiểu số nào vì đang ở đây, mà không nơi khác, vì có sự sống. Nụ cười thường xuyên của Stavros là một lời xin tha thứ vì cái trọng tội Sống.

Kazan đã tạo ra (có thể đã nhớ lại) những nhân vật thật đặc biệt và sống động. Ông tạo ra, hay nhớ lại, thì chúng cũng là những tác phẩm của ông. Trái với Candide (Voltaire) ngu đần, Stavros lại thông minh. Chàng thoát lên từ sự ngây thơ, chàng học những bài học sống ở đời, trong đó có bài học anh phải giết người trước khi người giết anh. Trên đường đến

Constantinople, đi qua những lưới nhện tham nhùng, Stavros gặp một nhân vật tướng cướp thật tuyệt diệu, nói với chàng:

“Mày chỉ biết mỉm cười và nuốt ực xuống. Chỉ là một đồng phân. Tao đã giết những người như mày mà không khác gì giết một con cừu. Chỉ cần thọc một chỗ nào, thế là sự sống thoát ra. Giấy dựa vài cái và thế là xong. Uống đi. Không. Dĩ nhiên, Mày không uống rượu. Mày không tranh đấu. Mày không ích lợi gì với đàn bà. Như vậy mày là hạng người gì vậy?”

Stavros đã trả lời cho tên tướng cướp biết. Chàng giết hẳn. Đây là một vụ sát nhân làm người đọc hài lòng nhất trong văn chương.

Khi chàng sát nhân trẻ tuổi, cuối cùng đến được Constantinople, trong túi không còn đồng xu, thì thời kỳ tôi luyện trong lò đời của chàng bắt đầu. Chàng trở thành của một phần rác rền thành phố. Nhưng cái rác rền đó cũng rực sáng lên, không phải chỉ nhờ thối rữa, mà còn nhờ nhân tính. Chẳng hạn Gabaret – một nhân vật được xây dựng một cách tuyệt diệu – thương Stavros và muốn giúp cho chàng khỏi đói về tình dục, nếu có phải đói về các món khác. Nhưng cái tình thương của hẳn làm cho Stavros mất hết số tiền dành dụm bé nhỏ của chnafg để mua vé tàu đi Mỹ, thêm một lần nữa. Đã thoát khỏi tất cả các ảo tưởng, Gabaret muốn giáo dục Stavros. Hẳn nói: “Này, nói nghe, từ khi anh bỏ nhà đi, anh đã gặp người nào trong những người Công Giáo của anh một tín đồ (thực) của Chúa không? Anh đã gặp giữa rừng người, một người nào không?”

Stavros trả lời:

— Ông.

— Tôi! Anh có nhìn vào mặt tôi không? Anh không biết tôi. Anh không biết tôi là ai... Tôi có một tư tưởng về thế giới này. Phá hủy đi và bắt đầu lại hết. Quá nhiều bụi bặm nên không thể dùng một cái chổi để mong quét sạch. Cần phải có một môi lửa. Cần phải có một trận lụt.

Từ đáy vực, Stavros chồi lên cái thế giới buôn bán tháo vát. Và ở đây, Kazan cố gắng tạo ra một bầu không khí hiền hòa, thật hấp dẫn, của một gia đình trưởng giả, và hình ảnh dễ thương của một nhân vật nữ buồn phiền khiếm tốn ít được ai đề cập đến: Thomna. Một khi chàng không thể kiếm ra tiền để mua vé tàu đi Mỹ bằng sức lao động cực nhọc, Stavros quyết định

cưới số tiền đó. Thomna là một cô gái dễ thương, nhưng tội nghiệp thay, có một chiếc mũi dài. Bà cô của Stavros ở nhà, nhìn bức hình của Thomna nói: “Thiên hạ nói một chiếc mũi dài là dấu hiệu đức hạnh.” Và ông chú trả lời: “Với một chiếc mũi như thế, đức hạnh là điều không thể tránh được.” Trong giới trường giả ở Constantinople, Stavros gặp một nhà triệu phú Mỹ buôn thảm và Sophia, vợ của lão ta, và hai người này đã có công giáo dục chàng thêm, và góp phần giúp chàng đào thoát. Những nhân vật sôi sục sức sống. Cả nhân vật bị hy sinh, Hohanness mà cái chết sẽ trở nên chìa khóa cửa cho đời sống của Stavros.

Xin nói một lời về văn chương, đã làm tôi sửng sốt: với sự đơn giản và cô đọng tình cảm, nó như thể văn của Thánh Kin. Gia đình Stavros rất sùng đạo theo truyền thống Thiên Chúa Giáo. Họ ít nói, nhưng những gì họ nói rực sáng vì những cảm xúc. Trong cuốn sách này không có một tiếng nào – gần như – mà không rực sáng cảm xúc, ngây thơ trong đoạn đầu, và phức tạp hơn khi nhân vật trẻ của chúng ta bắt đầu cuộc phiêu lưu, nhưng suốt cuốn truyện, những tiếng mà các nhân vật nói ra có vẻ như tiết ra thành một chất rượu cay nồng từ một giòng suối ngầm nào của kinh nghiệm cay đắng và của dục vọng dấu kín. Đây là một lời than văn chung cho hai vùng đất – cho vùng đồi núi nắng ấm của quê hương Anatolia, và cho vùng đất kia, vùng đất chưa được thấy, bờ biển tỏa ánh vàng chưa được khám phá và khó đạt tới: Hoa Kỳ - thốn thức như tiếng khóc của David khóc Absalon. Chàng trai Stavros bị giăng co vì hai miền thương nhớ quê hương: cho quê hương mà chàng đã bỏ đi, và cho quê hương mà chàng đang tìm kiếm. Nhưng đây cũng có một niềm hứng thú lớn. Stavros đã thành công.

Và Kazan cũng thế.